

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN
VIET NAM NATIONAL CEMENT CORPORATION
VICEM HA TIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY

Số : 1100 /HT1-TKy
No.: 1100 /HT1-TKy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2025
Ho Chi Minh City, April 02, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- *The State Securities Commission;*
- *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Xi Măng VICEM Hà Tiên

Name of organization: VICEM Ha Tien Cement Joint Stock Company

- Mã chứng khoán: HT1

Stock symbol: HT1

- Địa chỉ: 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Address: No. 604, Vo Van Kiet street, Cau Kho ward, District 1, Ho Chi Minh City.

- Điện thoại: (028) 38368363

Fax: (028) 38361278

Tel.: (028) 38368363

2. Nội dung thông tin công bố/Content of disclosure:

Báo cáo thường niên năm 2024/The annual report 2024

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 02/04/2025 tại đường dẫn <https://www.vicemhatien.com.vn/thong-tin-cong-bo>.

This information was disclosed on the company's website on April 02, 2025 (date), as in the link <https://www.vicemhatien.com.vn/thong-tin-cong-bo>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên;
- HĐQT (để b/cáo);
- BKS (để b/cáo);
- Ban TGĐ (để b/cáo);
- P.KTPC, P.TCKT (để biết);
- Lưu/Archived: VT, Tky Cty.

**Người UQ CBTT/
Information disclosure authorized Person**



Nguyễn Thị Thanh Vượng





**VƯƠN TỚI
NHỮNG TẦM CAO
1964 - 2024**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2024**

**ANNUAL REPORT
2024**

Mục lục

Contents

Chương
01

VICEM Hà Tiên năm 2024

- 13. Sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý kinh doanh
- 17. Điểm nhấn 2024
- 19. Sự kiện nổi bật 2024
- 23. Danh hiệu, giải thưởng năm 2024
- 25. Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản giai đoạn 2020 - 2024
- 29. Thị trường kinh doanh
- 31. Tổng quan VICEM Hà Tiên
- 33. Quá trình hình thành và phát triển
- 37. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 41. Cơ cấu tổ chức
- 53. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 57. Các rủi ro
- 59. Định hướng phát triển

Chương
02

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

- 63. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024
- 79. Kế hoạch năm 2025
- 85. Tình hình tài chính

Chương
03

Đánh giá của Hội đồng Quản trị

- 93. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 93. Giám sát, đánh giá Tổng giám đốc và Ban Điều hành
- 95. Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

Chapter
01

VICEM Ha Tien 2024

- 14. Mission, Vision and Business Philosophy
- 18. Highlights 2024
- 20. Featured Events 2024
- 24. Honors, Awards 2024
- 26. Basic business indicators for the period of 2020 - 2024
- 30. Business Market
- 32. Overview VICEM Ha Tien
- 34. Formation and Development process
- 38. Industries and business areas
- 42. Organizational Structure
- 54. Shareholder structure, change of owner's investment capital
- 56. Risks
- 58. Development orientation

Chapter
02

Report and evaluation of The Board of General Directors

- 64. Evaluation of production and business results in 2024
- 80. Plan for 2025
- 86. Financial situation

Chapter
03

Review of The Board of Directors

- 94. Evaluation of the Board's performance
- 94. Supervision and evaluation the General Director and the Executive Board
- 96. Direction of the Board of Directors in 2025

Mục lục

Contents

Chương

04

Chương

05

Chapter

04

Chapter

05

Quản trị Công ty

- 99. Hội đồng Quản trị
- 111. Ban kiểm soát
- 115. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Báo cáo tài chính

- 119. Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán
- 121. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 125. Báo cáo kiểm toán độc lập
- 129. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 135. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 137. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 141. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Corporate Governance

- 100. Board of Directors
- 112. Supervisory Board
- 116. Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors and the Supervisory Board

Financial statements

- 120. Audited 2024 financial statements
- 122. Statement of The Board of Management
- 126. Independent auditors’ report
- 130. Consolidated balance sheet
- 136. Consolidated income statement
- 138. Consolidated cash flow statement
- 142. Notes to the consolidated financial statements



Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo Vicem Hà Tiên, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Kính thưa Quý vị,

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc. Trong nước, mặc dù còn nhiều thách thức tác động đến tăng trưởng như giải ngân vốn đầu tư công chậm; một số chương trình tín dụng triển khai chưa hiệu quả; thị trường bất động sản chưa hồi phục; chi phí sản xuất còn cao. Tuy nhiên, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ giúp kinh tế nước ta tiếp tục xu hướng tích cực. GDP cả năm 2024 đạt 7,09%, vượt xa mức tăng 5,05% của năm 2023 và vượt mục tiêu ban đầu 6-6,5%. Trong đó, ngành công nghiệp – xây dựng tăng trưởng 8,24%.

Nhu cầu xi măng năm 2024 vẫn ở mức thấp, đặc biệt là phân khúc dân dụng do kinh tế tiềm ẩn rủi ro, người dân thắt chặt chi tiêu, giữ tiền mặt thay vì đầu tư; thị trường nhà ở, bất động sản phục hồi chậm; đề án xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội triển khai chậm; giá bán vật liệu xây dựng tăng và thiếu nguồn cát ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các công trình, dự án đường cao tốc;

các dự án xây dựng đường giao thông sử dụng công nghệ truyền thống nên nhu cầu xi măng chưa nhiều.

Nhu cầu suy giảm nhưng nguồn cung vẫn rất lớn, tổng nguồn cung xi măng toàn quốc năm 2024 đạt khoảng 122 triệu tấn, trong khi nhu cầu xi măng trong nước chỉ khoảng 58,82 triệu tấn, tăng 3,9% so với năm 2023. Trong đó, khu vực miền Nam tại các địa bàn kinh doanh của Vicem Hà Tiên đạt 15,1 triệu tấn, tương đương so với cùng kỳ 2023. Cung vượt quá xa cầu là khó khăn lớn nhất hiện nay đối với ngành xi măng. Dư thừa nguồn cung dẫn đến các công ty xi măng cạnh tranh gay gắt, giảm giá bán, tăng chính sách bán hàng để gia tăng sản lượng thị phần.

Xuất khẩu xi măng, clinker ngày càng khó khăn khi nhiều thị trường nhập khẩu bất ổn về kinh tế chính trị, gia tăng chính sách bảo hộ thương mại, cạnh tranh xuất khẩu từ các quốc gia trong khu vực. Xuất khẩu xi măng, clinker khoảng 29,94 triệu tấn, giảm 4,01% so với năm 2023.

Dù vậy, Kết quả sản xuất năm 2024 của Vicem Hà Tiên đạt được nhiều kết quả khả quan:

Clinker sản xuất là 3,93 triệu tấn, đạt 96,0% kế hoạch, tăng 3,3% so với cùng kỳ; Xi măng tự sản xuất là 5,27 triệu tấn, đạt 95,7% kế hoạch, tăng 0,2% so với cùng kỳ; Tiêu thụ xi măng là 5,45 triệu tấn, đạt 96,8% kế hoạch, tăng 1,8% so với cùng kỳ, trong đó: tiêu thụ nội địa đạt 5,38 triệu tấn, đạt 96,8% kế hoạch, tăng 1,8% so với cùng kỳ; xuất khẩu đạt 69.837 tấn, đạt 93,1% kế hoạch và giảm 2,3% so với cùng kỳ. Clinker tiêu thụ đạt 612.807 tấn, đạt 150,7% kế hoạch, tăng 42,9% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá đạt 79,56 tỷ đồng, đạt 274,3% kế hoạch và tăng 230,3% so với cùng kỳ.

The General Director’s Message

Dear Shareholders,

On behalf of the Board of Directors, the Board of General Directors of Vicem Ha Tien, I would like to send my respectful greetings and best wishes for health, happiness and success!

Ladies and Gentlemen,

Our country's socio-economic situation in 2024 takes place in the context that the world economy continues to fluctuate complicatedly; escalating conflicts in Ukraine, the Middle East, the Red Sea, rising tensions on the Korean Peninsula and the Taiwan Strait; gasoline and freight prices fluctuated sharply; the economy and trade recovered slowly and unsteadily. Domestically, although there are still many challenges affecting growth such as slow disbursement of public investment capital; some credit programs have been implemented ineffectively; the real estate market has not recovered; production costs are still high. However, with the Government's determination to create a breakthrough motivation for socio-economic development, our country's economy continues the positive trend. GDP for the whole year of 2024 will reach 7.09%, far exceeding the increase of 5.05% in 2023 and exceeding the initial target of 6-6.5%. In which, the industry – construction grew by 8.24%.

Demand for cement in 2024 is still low, especially in the civil segment due to potential economic risks, people tighten spending, keep cash instead of investing; the housing and real estate market

has recovered slowly; the project to build at least 1 million social housing apartments is slowly implemented; the increase in the selling price of building materials and the lack of sand sources affect the construction progress of highway works and projects; road construction projects use traditional technology, so the demand for cement is not much.

Demand is declining but the supply is still very large, the total national cement supply in 2024 will reach about 122 million tons, while the domestic demand for cement is only about 58.82 million tons, up 3.9% compared to 2023. In which, the southern region in Vicem Ha Tien's business areas reached 15.1 million tons, equivalent to the same period in 2023. Supply exceeding demand is the biggest difficulty for the cement industry today. Excess supply leads to fierce competition among cement companies, reducing selling prices, increasing sales policies to increase market share.

Exporting cement and clinker is increasingly difficult when many import markets are unstable in terms of political economy, increasing trade protectionist policies, and competing for exports from countries in the region. Exports of cement and clinker were about 29.94 million tons, down 4.01% compared to 2023.

However, Vicem Ha Tien's production results in 2024 achieved many positive results:

Clinker production was 3.93 million tons, reaching 96.0% of the plan, up 3.3% over the same period; Self-produced cement was 5.27 million tons, reaching 95.7% of the plan, up 0.2% over the same period; Cement consumption was 5.45 million tons, reaching 96.8% of the plan, up 1.8% over the same period, of which: domestic consumption reached 5.38 million tons, reaching 96.8% of the plan, up 1.8% over the same period; exports reached 69,837 tons, reaching 93.1% of the plan and down 2.3% over the same period. Clinker consumption reached 612,807 tons, reaching 150.7% of the plan, up 42.9% over the same period. Profit before tax excluding exchange rate difference reached VND 79.56 billion, reaching 274.3% of the plan and increasing by 230.3% over the same period.

Thị phần năm 2024 đạt 35,5%, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Trong đó, xi măng bao nội địa đạt 39,6% thị phần, tăng 1,1% và xi măng rời đạt 30,6% thị phần, tăng 1,5% so với cùng kỳ 2023. Ra mắt thêm sản phẩm mới - “Hà Tiên 2- PCB40 bao 50kg” từ ngày 11/10/2024 để cạnh tranh trực tiếp với xi măng giá rẻ, giả nhái thương hiệu “VICEM HÀ TIÊN”. Tăng cường thực hiện chào hàng tại các thị trường mới như thị trường Mỹ, Úc và các quần đảo Thái Bình Dương.

Để đạt được kết quả như vậy, Ban lãnh đạo đã thực hiện các giải pháp nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, như:

Chủ động giảm năng suất lò, tăng sử dụng các nguồn nguyên nhiên vật liệu thay thế trong sản xuất xi măng và clinker. Thử nghiệm than nhiệt trị thấp để chủ động nguồn than; thử nghiệm sử dụng xỉ thép thay thế đá Laterite; thử nghiệm nguồn nhiên liệu RDF (tái chế từ rác thải sinh hoạt) để bù đắp cho phần thiếu hụt lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường. Tiết giảm chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, tăng khối lượng sửa chữa tự làm, giảm thuê ngoài. Với những giải pháp sản xuất trên đã giảm chi phí biến đổi so với cùng kỳ và thấp hơn Kế hoạch đặt ra.

Hoàn thiện hồ sơ thủ tục để được giãn, hoãn, gia hạn các khoản thuế phải nộp. Làm việc với các ngân hàng để thu xếp nguồn vốn cho Dự án tận dụng nhiệt thừa khí thải để phát điện tại Nhà máy Bình Phước và được áp dụng chính sách ưu đãi lãi suất, tiết giảm chi phí tài chính cho Công ty.

Đàm phán với các nhà cung cấp điều chỉnh giảm giá phù hợp, góp phần giảm giá thành sản xuất. Tăng cường mua sắm hàng hóa được sản xuất và gia công trong nước theo cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm cho người lao động. Tiền lương bình quân của Người lao động là 20,85 triệu đồng/người/tháng, đạt 101,6% kế hoạch. Công ty luôn có các hoạt động, chính sách để khuyến khích, động viên, tạo điều kiện cho Người lao động tích cực tham gia phong trào sáng kiến và nghiên cứu khoa học.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đảng ủy Tổng công ty Xi măng Việt Nam về “Chuyển đổi số trong Tổng công ty Xi măng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Rà soát Đề án Tái cơ cấu của Công ty giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở Đề án tái cơ cấu của Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt. Xây dựng chiến lược phát triển VICEM Hà Tiên giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kính thưa Quý vị,

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt và là năm tăng tốc, bứt phá về đích, năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2021-2025). Tuy nhiên, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Chính phủ tiếp tục thực hiện nhiều giải pháp để phát triển kinh tế, đặt mục tiêu GDP tăng khoảng 8%-10%; CPI bình quân khoảng 4,5%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1%.

Năm 2025, ngành xi măng có nhiều tín hiệu tốt lên. Những khó khăn của ngành được Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc, thị trường cuối năm 2024 đã có chuyển động tích cực hơn. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi tích cực.

The market share in 2024 will reach 35.5%, up 0.8% over the same period. In which, domestic bag cement reached 39.6% market share, up 1.1% and bulk cement reached 30.6% market share, up 1.5% over the same period in 2023. Launching a new product - "Ha Tien 2 - PCB40 bag 50kg" from October 11, 2024 to compete directly with cheap cement, counterfeiting the brand "VICEM HA TIEN". Increase the implementation of offerings in new markets such as the US, Australia and Pacific Islands.

To achieve such results, the Board of Directors has implemented solutions to optimize profits, such as:

Actively reduce furnace productivity, increase the use of alternative raw material sources in cement and clinker production. Testing low-calorific value coal to proactively source coal; testing the use of steel slag instead of laterite stone; testing RDF (recycled from domestic waste) fuel sources to make up for the shortage of conventional industrial solid waste. Reduce the cost of repairing machinery and equipment, increase the volume of DIY repairs, reduce outsourcing. With the above production solutions, variable costs have been reduced over the same period and lower than the plan set out

Complete dossiers and procedures to be extended, postponed or extended payable taxes. Working with banks to arrange capital for the Project to take advantage of excess heat from exhaust gas to generate electricity at Binh Phuoc Plant and apply preferential interest rate policies, reducing financial costs for the Company.

Negotiate with suppliers to adjust price reductions accordingly, contributing to reducing production costs. Increase the procurement of domestically produced and processed goods according to the campaign "Vietnamese people give priority to using Vietnamese goods".

Fully and promptly implement regimes and policies on salaries, bonuses, shift meals, and insurance for employees. The average salary of employees is 20.85 million VND/person/month, reaching 101.6% of the plan. The company always has activities and policies to encourage, motivate and create conditions for employees to actively participate in the movement of initiatives and scientific research.

Continue to apply information technology in production and business and corporate governance according to the Resolution of the Party Committee of Vietnam Cement Corporation on "Digital transformation in Vietnam Cement Corporation to 2025, orientation to 2030".

Review the Company's Restructuring Scheme for the period of 2021-2025 on the basis of the Corporation's Restructuring Scheme for the period of 2021-2025 approved by the Ministry of Construction. Developing a development strategy for VICEM Ha Tien in the period of 2026-2030, with a vision to 2050.

Ladies and Gentlemen,

The year 2025 has special significance and is the year of acceleration and breakthrough to the finish line, the last year of implementing the 5-year socio-economic development plan (2021-2025). However, it is forecasted that potential risks from the world economy still exist and continue to impact Vietnam's economic growth. The Government continues to implement many solutions to develop the economy, setting a GDP growth target of about 8%-10%; The average CPI is about 4.5%; the proportion of the processing and manufacturing industry in GDP reached about 24.1%.

In 2025, the cement industry will have many signs of improvement. The difficulties of the industry are directly directed by the Prime Minister, removing obstacles, and the market at the end of 2024 has made a more positive movement. Investment in the construction of technical infrastructure, transport and irrigation; the real estate market showed signs of positive recovery.

Tuy nhiên, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối do cung vẫn vượt cầu; xuất khẩu cũng sẽ gặp nhiều thách thức do nhu cầu thế giới giảm, xu hướng bảo hộ ngành sản xuất trong nước của các quốc gia và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xi măng ngày càng gia tăng.

Giá bán xi măng khó có xu hướng điều chỉnh tăng do cung vẫn vượt xa cầu. Các nhà sản xuất sẽ tìm mọi cách tranh giành thị phần. Xi măng giá rẻ, giả nhái... tiếp tục là thách thức cho các thương hiệu xi măng truyền thống.

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2024, trên cơ sở khả năng huy động thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, clinker, VICEM Hà tiên đặt mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

Tự tiêu thụ 5,83 triệu tấn xi măng, tăng 6,9% so với 2024. Trong đó tiêu thụ nội địa là 5,75 triệu tấn, tăng 6,8% so với năm 2024, xuất khẩu 80.000 tấn.

Sản xuất clinker 3,60 triệu tấn. Sản xuất xi măng (bao gồm thuê gia công) 5,84 triệu tấn, tăng 7,1% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế là 230,0 tỷ đồng, tăng 185,9% so với năm 2024.

Với tinh thần quyết tâm của một doanh nghiệp đã trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, với biểu tượng Kỳ lân cùng sứ mệnh “Lớn mạnh, do bạn và vì bạn”, với định hướng trở thành công ty hàng đầu sản xuất xi măng tại khu vực, VICEM Hà Tiên đã và đang mang đến cho khách hàng những sản phẩm đa dạng và chất lượng trên cơ sở ứng dụng công nghệ sản xuất xanh, phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo VICEM Hà Tiên, Tôi xin trân trọng cảm ơn sự ủng hộ của Quý vị Cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng VICEM Hà Tiên. Chúng tôi tin rằng, những nỗ lực và hành động quyết liệt sẽ giúp chúng ta vượt qua mọi thách thức để cùng nhau vươn đến những tầm cao mới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!
Trân trọng cảm ơn!



Nguyễn Quốc Thắng

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

However, the cement market continues to be unbalanced because supply still exceeds demand; Exports will also face many challenges due to declining world demand, the trend of protecting the domestic manufacturing industry of countries and increasing competition among cement enterprises.

The selling price of cement is unlikely to tend to adjust upwards because supply still outstrips demand. Manufacturers will find ways to compete for market share. Cheap and counterfeit cement... continues to be a challenge for traditional cement brands.

With the results achieved in 2024, on the basis of the ability to mobilize equipment for production and forecast the demand for cement and clinker, VICEM Ha Tien sets production and business goals in 2025 as follows:

Self-consumption of 5.83 million tons of cement, up 6.9% compared to 2024. In which, domestic consumption is 5.75 million tons, up 6.8% compared to 2024, exports are 80,000 tons.

Clinker production was 3.60 million tons. Cement production (including outsourcing) is 5.84 million tons, up 7.1% compared to 2024.

Profit before tax is VND 230.0 billion, up 185.9 % compared to 2024.

With the spirit of determination of an enterprise that has experienced more than 60 years of establishment and development, with the unicorn symbol and the mission of "Growing, by you and for you", with the orientation of becoming the leading cement company in the region, VICEM Ha Tien has been bringing customers diverse and quality products on the basis of application green production technology, sustainable development.

On behalf of the Board of Directors, I would like to thank the Shareholders for their support for always trusting and accompanying VICEM Ha Tien. We believe that our efforts and drastic actions will help us overcome all challenges to reach new heights together.

Wishing you good health, happiness and success!
Thank you very much!



Nguyen Quoc Thang

Member of the Board of Directors, General Director

CHƯƠNG 01

VICEM Hà Tiên năm 2024

- 13 Sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý kinh doanh
- 17 Điểm nhấn 2024
- 19 Sự kiện nổi bật 2024
- 23 Danh hiệu, giải thưởng năm 2024
- 25 Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản giai đoạn 2020 - 2024
- 29 Thị trường kinh doanh

- 31 Tổng quan VICEM Hà Tiên
- 33 Quá trình hình thành và phát triển
- 37 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 41 Cơ cấu tổ chức
- 53 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 57 Các rủi ro
- 59 Định hướng phát triển

- 14 Vision, Mission and Business Philosophy
- 18 Highlight 2024
- 20 Featured Events 2024
- 24 Honors, Awards 2024
- 26 Basic business targets for the period of 2020 - 2024
- 30 Business Market

- 32 Overview VICEM Ha Tien
- 34 Formation and development process
- 38 Industries and business areas
- 42 Organizational Structure
- 54 Shareholder structure, change of owner's investment capital
- 58 Risks
- 60 Development orientation

CHAPTER 01

VICEM Ha Tien 2024

Sứ mệnh, tầm nhìn và triết lý kinh doanh

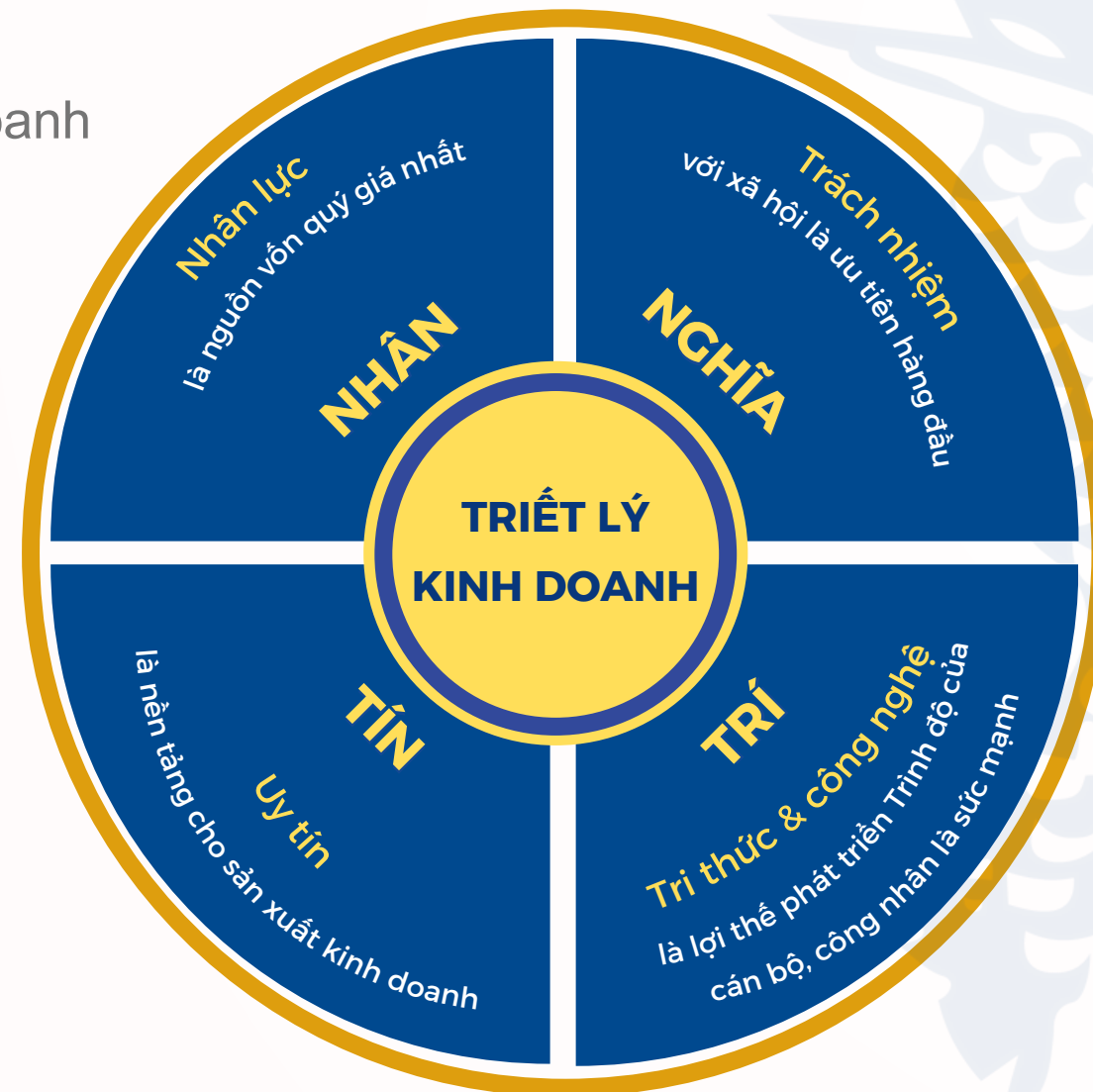
Sứ mệnh

VICEM Hà Tiên cung cấp sản phẩm xi măng chất lượng đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trên mọi nền địa chất công trình, phát triển bền vững gắn liền với trách nhiệm bảo vệ môi trường và xã hội.

Tầm nhìn

VICEM Hà Tiên giữ vững vị trí nhà đầu tư, nhà cung cấp xi măng hiệu quả hàng đầu.

Triết lý kinh doanh



Mission, Vision, and Business philosophy

Mission

VICEM Ha Tien provides quality cement products that meet the needs of construction on all geologicals, sustainable development associated with environmental and social protection responsibilities.

Vision

VICEM Ha Tien maintains its position as the leading effective cement investor and supplier.

Business philosophy



Khẩu hiệu

LỚN MẠNH DO BẠN, VÌ BẠN

Slogan

Biểu tượng

Tháp trao đổi nhiệt và lò nung:
Đặc trưng ngành sản xuất xi măng

Heat Exchanger Tower and Furnace:
Characteristics of cement production industry

Logo



Hà Tiên:
Địa danh thuộc tỉnh Kiên Giang, nơi nhà máy đầu tiên của VICEM Hà Tiên đi vào hoạt động và cho ra lò tấn clinker đầu tiên

Ha Tien:
The place is located in Kien Giang province, where the first factory of VICEM Ha Tien came into operation and produced the first clinker furnace

Kỳ Lân:
Linh vật gắn liền với thương hiệu VICEM Hà Tiên

Unicorn:
Mascot associated with the VICEM Ha Tien brand

Điểm nhấn
2024

Doanh thu thuần	Sản xuất xi măng
6.884 Tỷ đồng	5.452 Nghìn tấn
Lợi nhuận trước thuế	Sản xuất clinker
80,8 Tỷ đồng	3.933 Nghìn tấn
Nộp ngân sách	Tiêu thụ xi măng
355,6 Tỷ đồng	5.460 Nghìn tấn
Thu nhập bình quân	Tiêu thụ clinker
20,8 triệu đồng/người/ tháng	613 Nghìn tấn

Net sales	Cement production
6,884 Billion VND	5,452 Thousand tons
Profit before tax	Clinker production
80.8 Billion VND	3,933 Thousand tons
Budget submission	Cement Consumption
355.6 Billion VND	5,460 Thousand tons
Average income	Clinker Consumption
20.8 Million VND/person/ month	613 Thousand tons

Highlights
2024



Sự kiện nổi bật 2024

01. Kỷ niệm 60 năm thành lập công ty, 21/03/1964 - 21/03/2024

Cách đây 60 năm (21/3/1964 - 21/3/2024), nhà máy Xi măng Hà Tiên - tiền thân của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hà Tiên (Vicem Hà Tiên) được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động. Đây là một trong những nhà máy xi măng đầu tiên của nước ta, đồng thời là một trong những cơ sở quan trọng của nền công nghiệp Việt Nam.

Tham dự buổi lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Xuân Dũng.

Trên chặng đường hình thành và phát triển, VICEM Hà Tiên đã vinh dự được Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng lao động cho Công ty Xi măng Hà Tiên 2; Cờ thi đua và Bằng khen của Chính phủ liên tục nhiều năm liền.

Vicem Hà Tiên luôn có mặt trong Top doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo Bảng xếp hạng VNR500; Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam; Top 10 Thương hiệu tiêu biểu khu vực Đông Nam Á - ASEAN; Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh; Top 10 "Thương hiệu tiêu biểu ngành Xây dựng Việt Nam lần thứ IV"...

Featured Events 2024

60th Anniversary of the Company's Establishment, March 21, 1964 – March 21, 2024

60 years ago (march 21,1964 - march 21,2024), Ha Tien Cement Factory - the predecessor of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company (Vicem Ha Tien) was built and officially put into operation. This is one of the first cement factories of our country, as well as one of the important bases of Vietnam's industry.

Attending the ceremony were Minister of Construction Nguyen Thanh Nghi, Deputy Minister of Construction Bui Xuan Dung.

On the way of formation and development, VICEM Ha Tien has been honored to be awarded many noble awards by the Party, the State and socio-political organizations: the title of Labor Hero for Ha Tien 2 Cement Company; The Emulation Flag and the Certificate of Merit of the Government have been continuously awarded for many years.

Vicem Ha Tien is always present in the Top Largest Enterprises in Vietnam according to the VNR500 Ranking; Ranking of PROFIT500 - Top 500 most profitable enterprises in Vietnam; Top 10 Typical Brands in Southeast Asia - ASEAN; Ho Chi Minh City Gold Brand; Top 10 "Typical Brands of Vietnam Construction Industry IV"...



Tổng Giám đốc VICEM Hà Tiên Lưu Đình Cường chia sẻ tại Lễ kỷ niệm
General Director of VICEM Ha Tien Luu Dinh Cuong shared at the Celebration



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị ghi nhận và đánh giá cao những thành tích, kết quả mà Vicem Hà Tiên đã đạt được trong 60 năm qua
Minister of Construction Nguyen Thanh Nghi acknowledged and appreciated the achievements and results that Vicem Ha Tien has achieved over the past 60 years

02. Trạm thu phí BOT Phú Hữu chính thức thu phí kể từ ngày 17/09/2024

Ngày 17/09/2024, Công ty bắt đầu thực hiện thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ dự án BOT xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu, thành phố Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh).

Phu Huu BOT toll station officially collects tolls from september 17, 2024

On September 17, 2024, the Company began to collect fees for road use services for the BOT project to build a connecting road from Nguyen Duy Trinh Street to Phu Huu Industrial Park, Thu Duc City (Ho Chi Minh City).



Danh hiệu, giải thưởng 2024

Honors, Awards in 2024



TOP 10 doanh nghiệp
lớn nhất Việt Nam
*TOP 10 largest
enterprises in Vietnam*



Bằng khen của
Bộ Xây dựng
*Received a certificate of merit from
the Ministry of Construction*

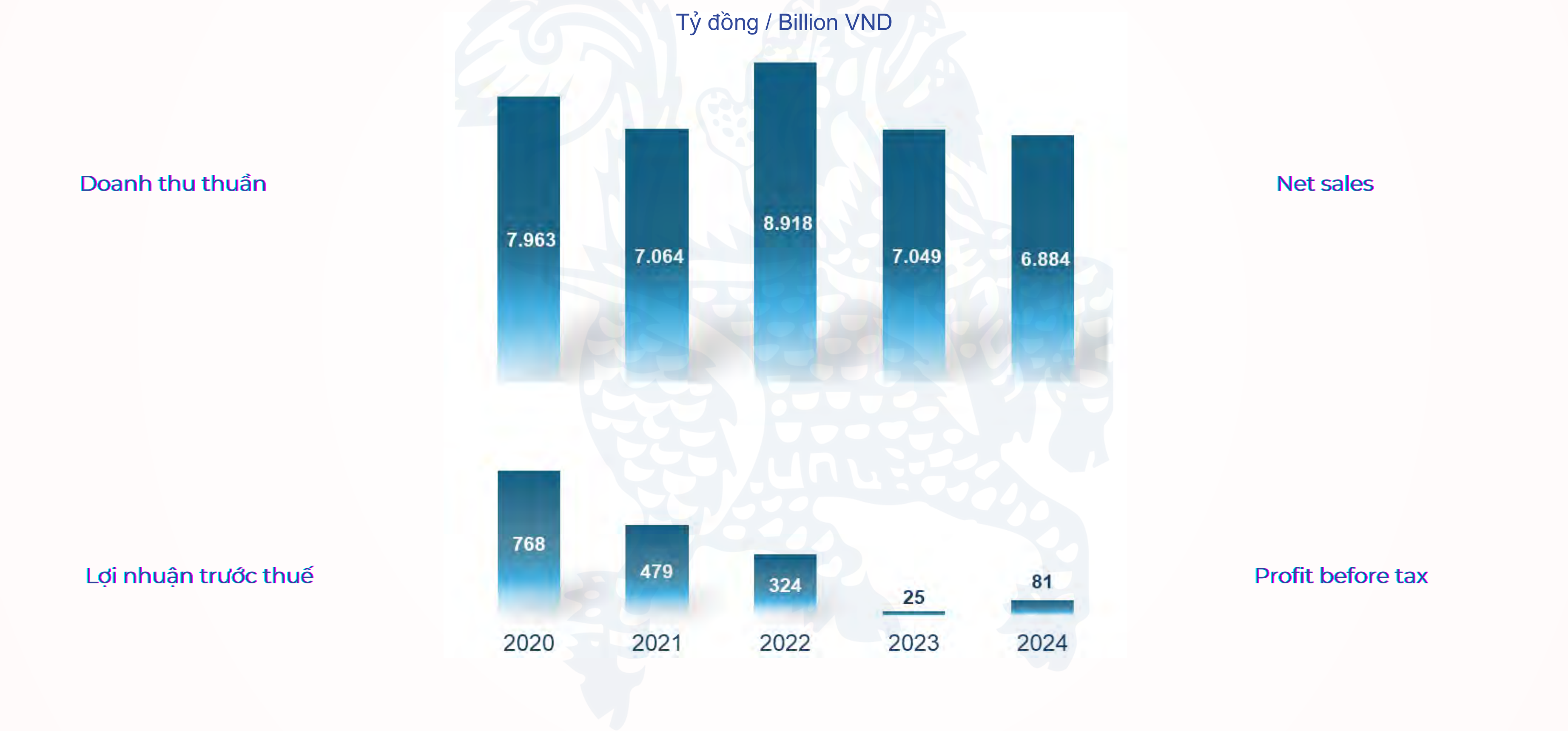


TOP 3 thương hiệu
hàng đầu Việt Nam
*TOP 3 leading
brands in Vietnam*

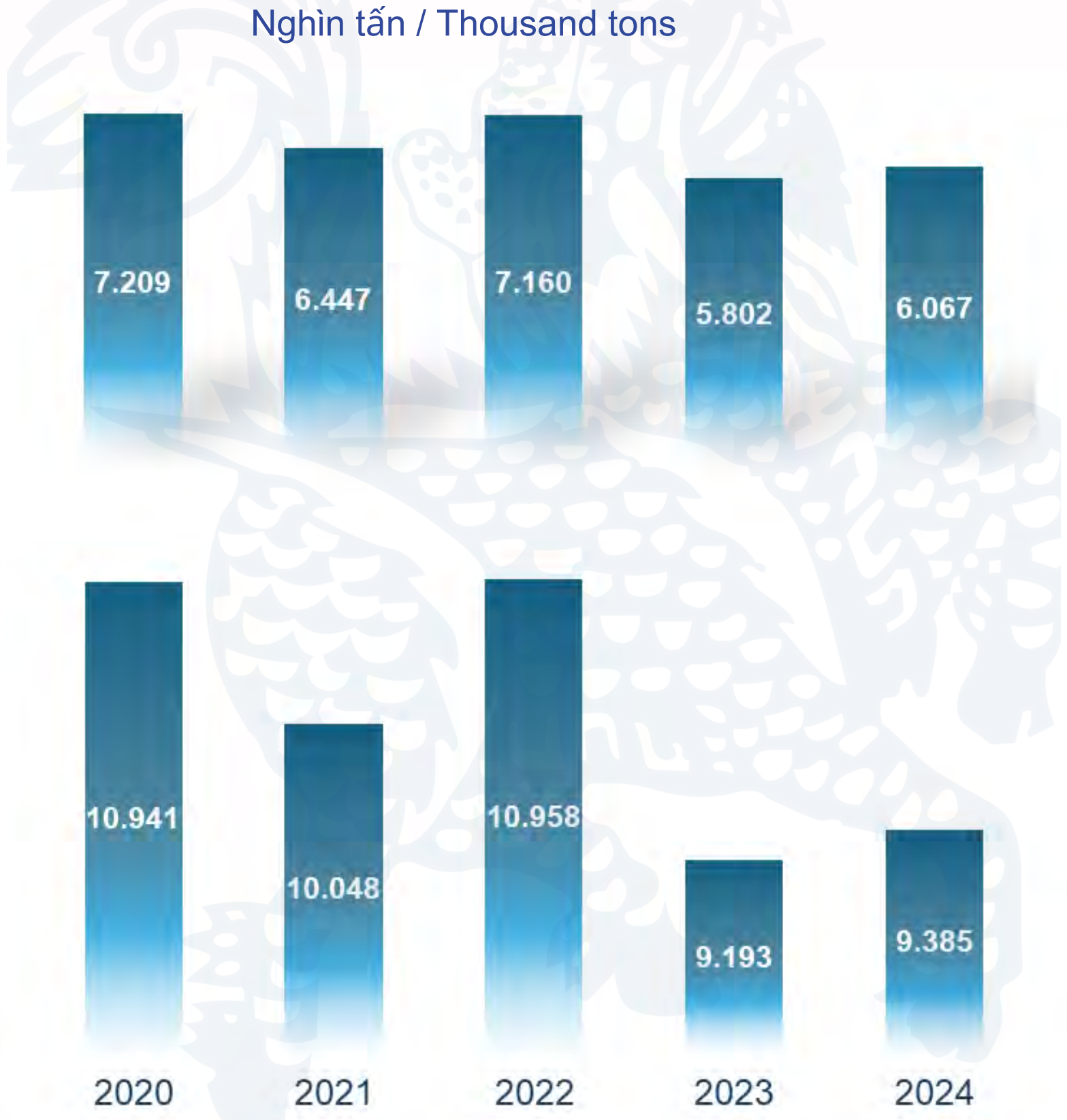


Các chỉ tiêu kinh doanh cơ bản giai đoạn 2020 - 2024

Basic business targets for the period of 2020-2024

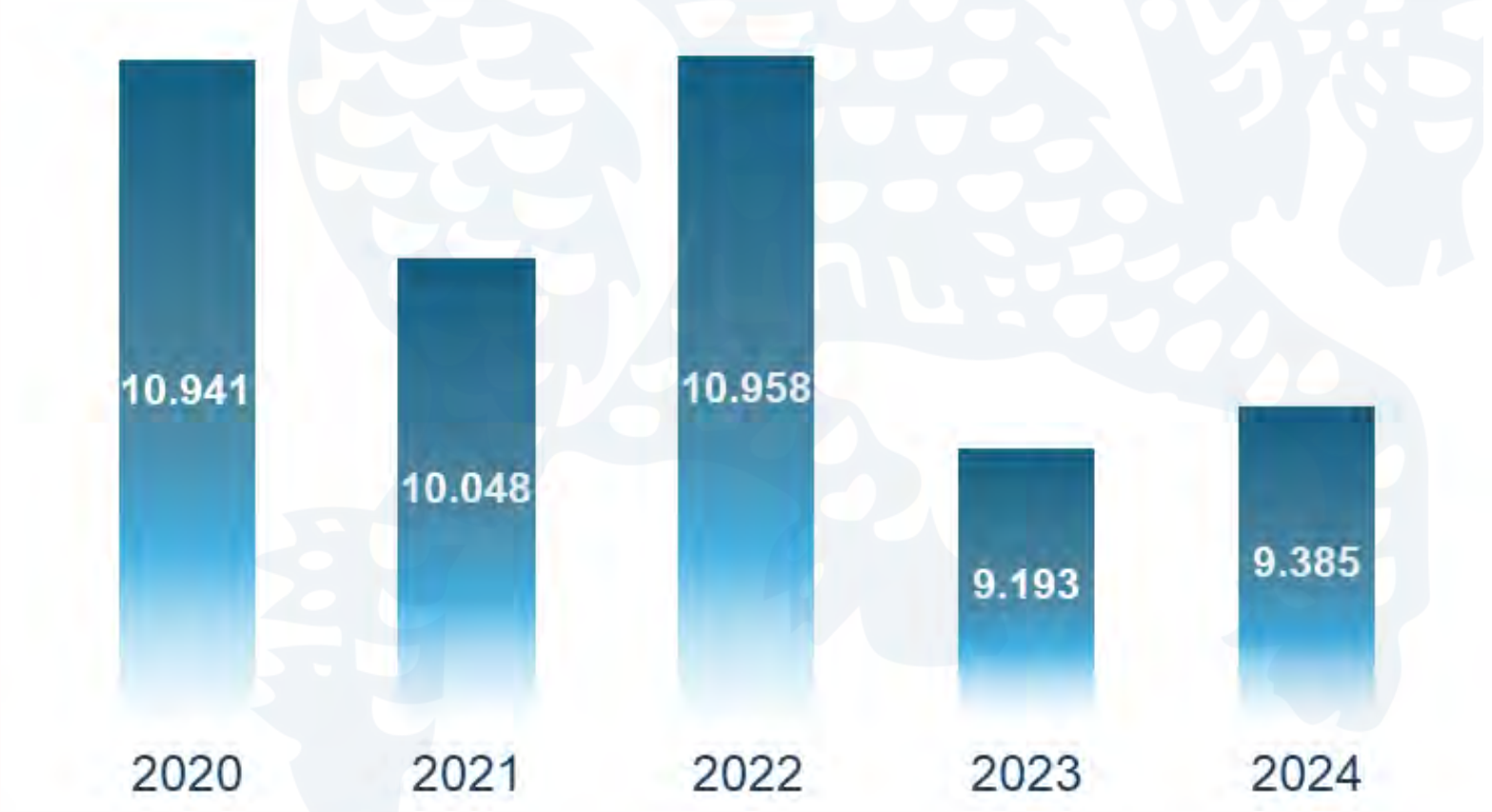


Tổng sản lượng tiêu thụ
(Xi măng + Clinker)



Total Consumption
(Cement + Clinker)

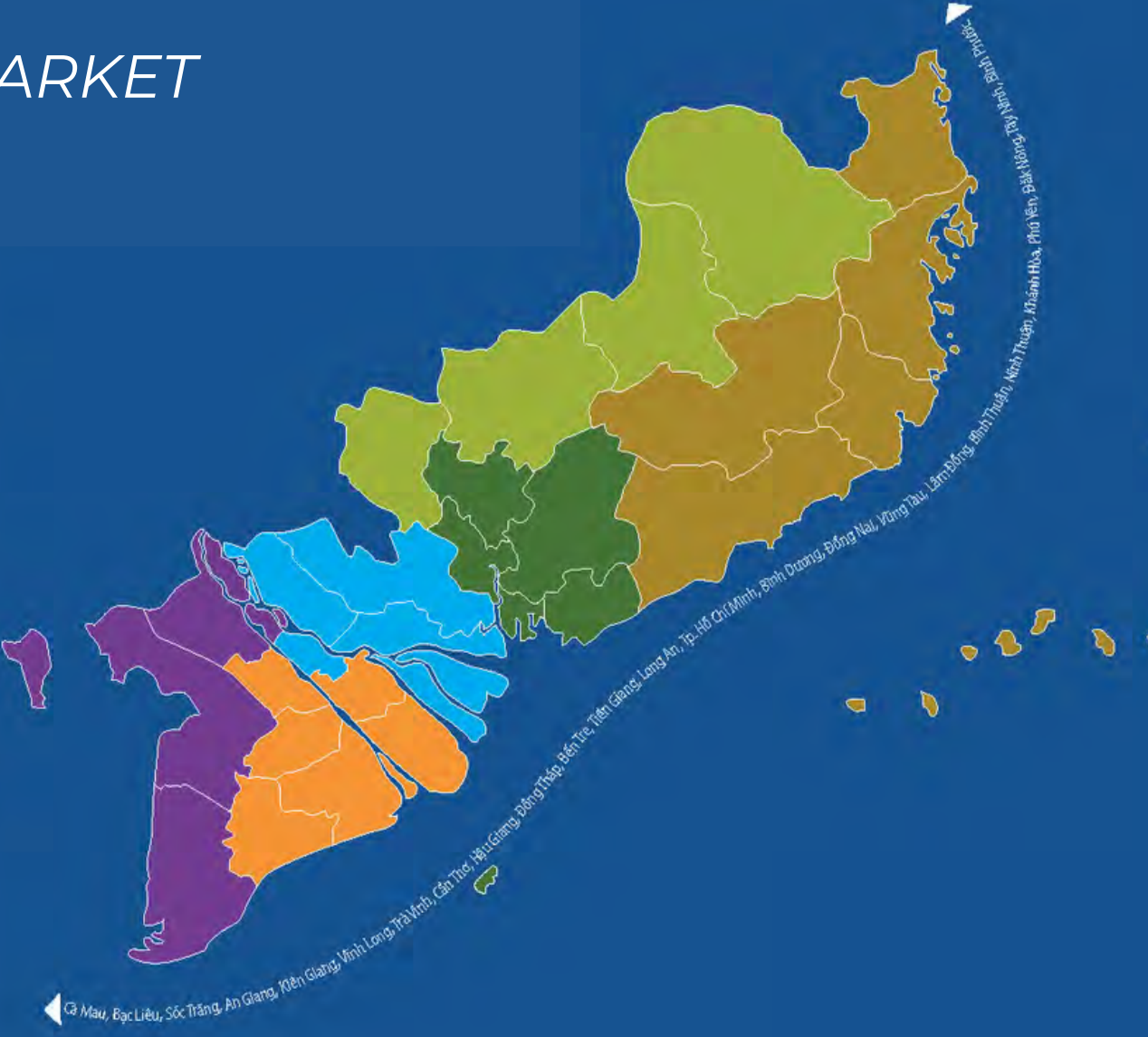
Tổng sản lượng sản xuất
(Xi măng + Clinker)



Total Production
(Cement + Clinker)

THỊ TRƯỜNG KINH DOANH

BUSINESS MARKET



Mạng lưới phân phối

Hệ thống nhà phân phối xi măng VICEM Hà Tiên lần đầu tiên được thiết lập vào năm 1999. Có 86 Nhà phân phối và 6.300 cửa hàng vật liệu xây dựng. Mạng lưới phân phối mạnh, có kinh nghiệm kinh doanh vật liệu xây dựng và có định hướng phát triển gắn bó lâu dài với VICEM Hà Tiên

Distribution Network

The VICEM Ha Tien cement distributor system was first established in 1999. Currently. There are 86 distributors and 6,300 building materials stores. Strong distribution network, experience in building materials business and long-term development orientation with VICEM Ha Tien

Tổng quan VICEM Hà Tiên

Overview of VICEM Ha Tien

Thông tin chung		General information	
Tên Công ty	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Transaction Name	Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
Mã cổ phiếu	HT1	Stock Code	HT1
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế	0301446422	Business Registration Certificate and Tax identification number	0301446422
Vốn điều lệ	3.815.899.110.000 đồng	Charter capital	3,815,899,110,000 VND
Vốn chủ sở hữu	4.875.324.777.724 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024)	Equity	4,875,324,777,724 VND (at time of December 31, 2024)
Trụ sở chính	604 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Head Office	No. 604, Vo Van Kiet street, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City
Liên hệ		Contact	
Điện thoại	+84. 28. 38 368 363 - 38 367 195	Phone Number	+84. 28. 38 368 363 - 38 367 195
Fax	+84. 28. 38 361 278	Fax Number	+84. 28. 38 361 278
Website	www.vicemhatien.com.vn	Website	www.vicemhatien.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

Formation and development process

1960 - 2001	2007	1960 - 2001	2007
1960 - Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên với công suất ban đầu 240.000 tấn clinker/năm tại Kiên Lương và 280.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức. 21/03/1964 - Khánh thành và đưa dự án Nhà máy xi măng Hà Tiên vào hoạt động. 1974 - Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư chương trình khuyến khích trương xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương, 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức. Tháng 1/2001 - Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000 tấn xi măng/năm tại Trạm nghiền Thủ Đức.	18/01/2007 - Chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. 30/03/2007 - Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh công suất 1,0 triệu tấn xi măng/năm (nay là Trạm nghiền Phú Hữu). 31/03/2007 - Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước công suất 1,76 triệu tấn clinker/năm và 2,0 triệu tấn xi măng/năm (01 dây chuyền xi măng đặt tại Bình Phước, 01 dây chuyền xi măng đặt tại Phú Hữu). 15/06/2007 - Lễ khởi công xây dựng Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 – Long An tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	1960 - Commenced construction of Ha Tien cement plant with an initial capacity of 240.000 tons of clinker/year in Kien Luong and 280.000 tons of cement/year in Thu Duc. March 21, 1964 - Inauguration and put the Ha Tien Cement Plant project into operation. 1974 - Signed a contract with Polysius and Worms Bank Group to invest in the Ha Tien cement expansion program with a line of 900.000 tons of clinker/year and 500.000 tons of cement/year in Kien Luong, 500.000 tons of cement/year in Thu Duc. January, 2001 - Completed the Environmental Remediation project, with an additional crushing line of 500.000 tons of cement/year at Thu Duc Crushing Station.	January 18, 2007 - Switched to operating under the model of a Joint Stock Company. March 30, 2007 - The groundbreaking ceremony for the construction of the Southern Cement Crushing and Distribution Station in Phu Huu, District 9, Ho Chi Minh City with a capacity of 1.0 million tons of cement/year (now Phu Huu Crushing Station). March 31, 2007 - The groundbreaking ceremony for the construction of Binh Phuoc cement plant in Binh Long town, Binh Phuoc province with a capacity of 1.76 million tons of clinker/year and 2.0 million tons of cement/year (01 cement line located in Binh Phuoc, 01 cement line located in Phu Huu). June 15, 2007 - Groundbreaking ceremony of Ha Tien 2 – Long An cement crushing station project in Long Dinh Industrial Park, Ben Luc district, Long An province.

2009 - 2010

10/04/2009

- Lễ khởi công dây chuyền HT2.2 tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, công suất 4.000 tấn clinker/ngày, 900.000 tấn xi măng/năm.

12/06/2009

- Đưa dây chuyền nghiền xi măng công suất 500.000 tấn tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào hoạt động (nay là Trạm nghiền Long An).

23/08/2009

- Khánh thành Dự án nhà máy xi măng Bình Phước và dự án Trạm Nghiền và Phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

26/07/2010

- Hợp nhất Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 đánh dấu sự thống nhất và khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Hà Tiên 1 về quy mô thương hiệu với 2 Nhà máy, và 3 Trạm nghiền sản xuất cùng 01 Xí nghiệp tiêu thụ sản phẩm xi măng mang cùng thương hiệu xi măng Hà Tiên với biểu tượng Kỳ lân.

2011 - 2024

12/07/2011

- Tiếp nhận Dự án Trạm nghiền Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Đà Nẵng. Ngày 19/07/2011, Trạm chính thức đi vào hoạt động và tổ chức sự kiện “Chào mừng tấn xi măng đầu tiên tại Trạm nghiền Cam Ranh”.

01/09/2012

- Đưa dây chuyền HT2.2 tại thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang vào hoạt động.

21/03/2014

- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển.

30/11/2016

- Trạm nghiền Thủ Đức chính thức dừng hoạt động để di dời sau 52 năm thực hiện sứ mệnh sản xuất xi măng.

21/03/2019

- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập và phát triển.

06/05/2022

- Đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên.

21/03/2024

- Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập và phát triển.

2009 - 2010

April 10, 2009

- The groundbreaking ceremony of the HT2.2 line in Kien Luong Town, Kien Luong District, Kien Giang Province, with a capacity of 4.000 tons of clinker/day, 900.000 tons of cement/year.

June 12, 2009

- Put a cement crushing line with a capacity of 500.000 tons in Long Dinh Industrial Park, Ben Luc district, Long An province into operation (now Long An Crushing Station).

August 23, 2009

- Inauguration of Binh Phuoc Cement Plant Project and Southern Cement Crushing and Distribution Station project in Phu Huu, District 9, Ho Chi Minh City.

July 26, 2010

- The merger of Ha Tien 2 Cement Joint Stock Company into Ha Tien 1 Cement Joint Stock Company marks the unity and beginning of a new development phase of Ha Tien 1 in terms of brand scale with 2 factories, and 3 production crushing stations and 01 cement product consumption enterprise with the same brand Ha Tien cement with the unicorn statue.

2011 - 2024

July 12, 2011

- Receiving the Cam Ranh Cement Crushing Station Project from Da Nang Building and Construction Materials Joint Stock Company. On 19/07/2011, the station was officially put into operation and organized the event "Welcoming the first ton of cement at Cam Ranh Crushing Station".

September 01, 2012

- Put the HT2.2 line in Kien Luong town, Kien Luong district, Kien Giang province into operation.

March 21, 2014

- Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển.

November 30, 2016

- Thu Duc crushing station officially stopped operating to relocate after 52 years of carrying out the mission of cement production.

March 21, 2019

- Ha Tien 1 Cement Joint Stock Company celebrated the 55th anniversary of its establishment and development.

May 06, 2022

- Changed the company's name from Ha Tien 1 Cement Joint Stock Company to Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company.

March 21, 2024

- Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company celebrated the 60th anniversary of its establishment and development.

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề chính :

Sản xuất, kinh doanh xi măng, các sản phẩm xi măng và các ngành nghề khác theo Điều lệ Công ty.

Industries and business areas

Main business scope :

Production and trading of cement, cement products, and other business lines are stated in the Company's Charter.

Sản phẩm / Products



Địa bàn kinh doanh :

Công ty có 02 nhà máy và 03 trạm nghiền được đặt ở các vị trí chiến lược, vận chuyển, lưu thông hàng hóa thuận lợi bằng cả 02 tuyến đường thủy và đường bộ, giúp cho việc giao nhận, vận chuyển, phân phối sản phẩm mang thương hiệu VICEM Hà Tiên đến được tất cả các vùng, khu vực, địa bàn tiêu thụ các tỉnh thành khu vực miền Nam, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và xuất khẩu sang thị trường Campuchia, Mỹ.

NHÀ MÁY XI MĂNG KIÊN LƯƠNG

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Ấp Lò Bom, TT Kiên Lương, h. Kiên Lương, T. Kiên Giang

Tel: 0297 3853 004, Fax: 0297 3853 005



NHÀ MÁY XI MĂNG BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp Thanh Bình, X. Thanh Lương, Tx Bình Long, T. Bình Phước

Tel: 0271 3630 880, Fax: 0271 3630 630



TRẠM NGHIÊN PHÚ HỮU

Địa chỉ: Tổ 8, KP 4, P. Phú Hữu, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 37 317 990, Fax: 028 37 317 991



TRẠM NGHIÊN LONG AN

Địa chỉ: KCN Long Định, X. Long Định, H. Cần Đước, T. Long An

Tel: 0272 3634 887, Fax: 0272 3634 888



TRẠM NGHIÊN CAM RANH

Địa chỉ: Thôn Hòn Quy, X. Cam Thịnh Đông, TP. Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

Tel: 0258 397 8888, Fax: 0258 397 8999



Business areas :

The company has 02 factories and 03 crushing stations located in strategic locations, transporting and circulating goods conveniently by both waterways and roads, helping the forwarding, transportation and distribution of VICEM Ha Tien branded products to all regions. areas and areas for consumption in provinces and cities in the South, South Central and Central Highlands and exported to the Cambodian and US markets.

KIEN LUONG CEMENT FACTORY

Address: National Highway 80, Lo Bom Quarter, Kien Luong Town, Kien Luong District, Kien Giang Province

Phone: (0297) 3853 004, Fax: (0297) 3853 005

BINH PHUOC CEMENT FACTORY

Address: Thanh Binh hamlet, Thanh Luong commune, Binh Long town, Binh Phuoc province

Phone: (0271) 3630 888, Fax: (0271) 3630 630

PHU HUU CRUSHING STATION

Address: Group 8, Quarter 4, Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Phone: (028) 37 317 990, Fax: (028) 37 317 991

LONG AN CRUSHING STATION

Address: Long Dinh Industrial Park, Can Duoc District, Long An Province

Phone: (0272) 3634 88, Fax: (0272) 3634 888

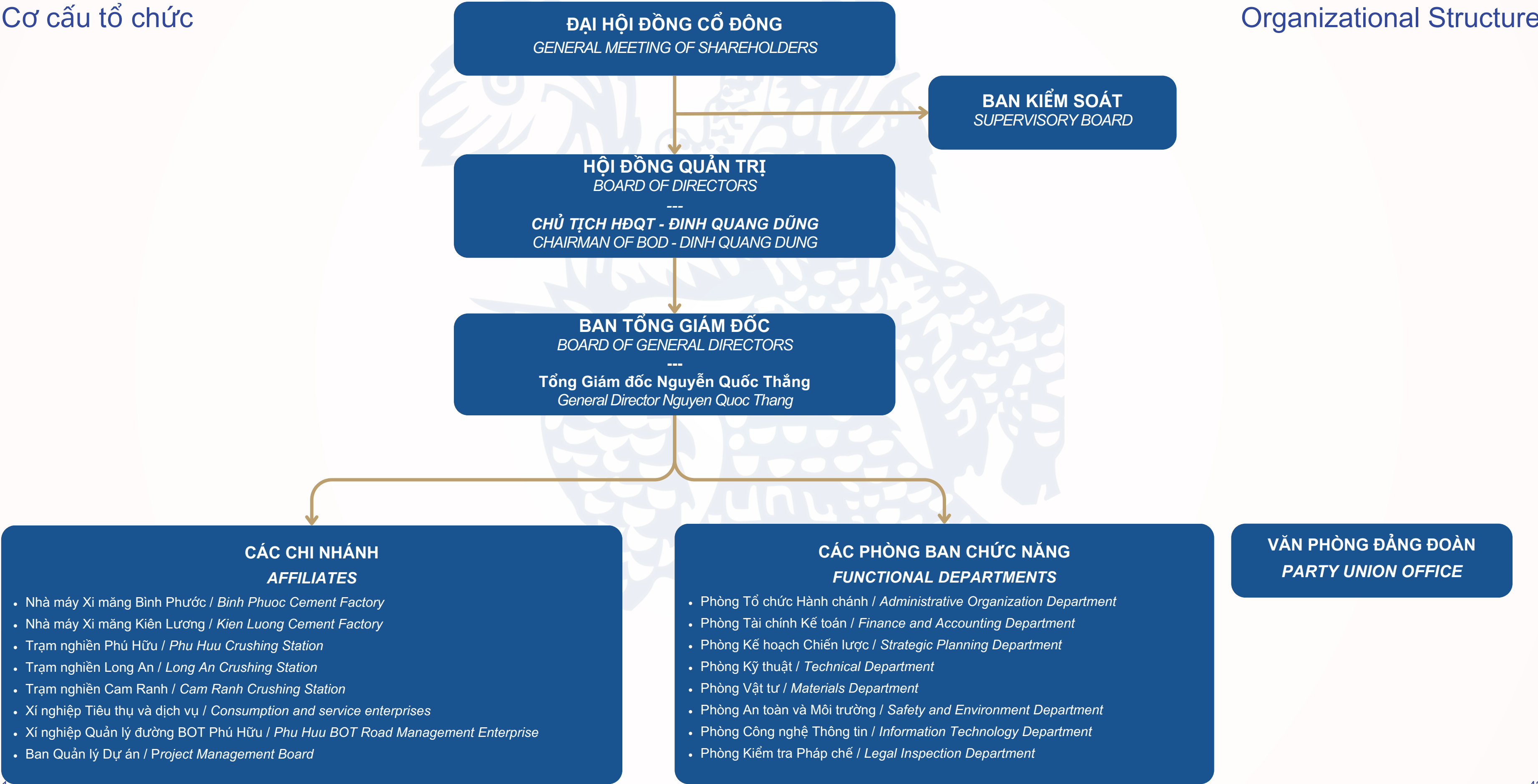
CAM RANH CRUSHING STATION

Address: Hon Qui Village, Cam Thanh Dong Commune, Cam Ranh City, Khanh Hoa Province

Phone: (0258) 3978888, Fax: (0258) 3978999

Cơ cấu tổ chức

Organizational Structure



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) gồm 07 thành viên, trong đó, 02 thành viên là HĐQT độc lập, chiếm 28,57% số lượng thành viên HĐQT Công ty và 01 thành viên trực tiếp điều hành Công ty. Tất cả 07 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.

Họ tên	Chức vụ
Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên HĐQT điều hành (được bầu bổ sung từ ngày 02 tháng 08 năm 2024), Tổng giám đốc
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên HĐQT điều hành (đã miễn nhiệm từ ngày 02 tháng 08 năm 2024)
Ông Phan Xuân Hiệu	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Lập	Thành viên HĐQT
Ông Võ Ngọc Trung	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Cảnh Nguyễn	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Quang Dũng Chủ tịch HĐQT	Ông Đinh Quang Dũng sinh năm 1964, Kỹ sư hóa Silicat Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông được bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ năm 2019 đến nay. Ông là Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Xi măng Việt Nam kể từ năm 2013 đến nay. Ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty CP Xi măng VICEM Hoàng Mai từ 2018 đến 2024.
Ông Nguyễn Quốc Thắng Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Ông Nguyễn Quốc Thắng sinh năm 1972, Thạc sỹ quản trị kinh doanh Học viện Công nghệ Châu Á AITCV, kỹ sư cơ khí Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ 2018 đến 2021 và từ tháng 8/2024 đến nay. Ông được bổ nhiệm là Tổng giám đốc Công ty từ tháng 7/2024 đến nay.

Board of Directors

The Board of Directors (BOD) consists of 07 members, of which, 02 members are independent members of the Board of Directors, accounting for 28,57% of the number of members of the Board of Directors of the Company and 01 member directly managing the Company. All 07 members have university and post-university degrees.

Name	Position
Mr. Dinh Quang Dung	Chairman of BOD
Mr. Nguyen Quoc Thang	Member of the Executive Board (elected from August 2, 2024), General Director
Mr. Luu Dinh Cuong	Member of the Executive Board (dismissed from August 2, 2024)
Mr. Phan Xuan Hieu	Member of BOD
Mr. Nguyen Van Lap	Member of BOD
Mr. Vo Ngoc Trung	Member of BOD
Mr. Hoang Canh Nguyen	Independent Board Member
Mr. Nguyen Quoc Huy	Independent Board Member

Members of The Board of Directors

Mr. Dinh Quang Dung Chairman of BOD	Mr. Dinh Quang Dung was born in 1964, Silicate Chemical Engineer at Hanoi University of Science and Technology. He has been elected as Chairman of the Board of Directors of the Company since 2019. He is the Deputy General Director of Vietnam Cement Corporation since 2013. He holds the position of Chairman of the Board of Directors of VICEM Hoang Mai Cement Joint Stock Company from 2018 to 2024.
Mr. Nguyen Quoc Thang Member of BOD, General Director	Mr. Nguyen Quoc Thang was born in 1972, Master of Business Administration from AITCV Asian Institute of Technology, Mechanical Engineer from Da Nang University of Science and Technology. He is a Member of the Board of Directors of the Company from 2018 to 2021 and from August 2024 to now. He was appointed as General Director of the Company from July 2024 until now.

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phan Xuân Hiệu Thành viên HĐQT	Ông Phan Xuân Hiệu sinh năm 1974, Cử nhân kế toán Đại học Mở Hà Nội. Ông được bầu làm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty kể từ năm 2020 đến nay. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Xi măng VICEM Sông Thao từ 2017 đến nay và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao Xi măng kể từ tháng 4/2024 đến nay.
Ông Nguyễn Văn Lập Thành viên HĐQT	Ông Nguyễn Văn Lập sinh năm 1964, Kỹ sư hóa Silicate. Ông được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ 2018 đến nay.
Ông Võ Ngọc Trung Thành viên HĐQT	Ông Võ Ngọc Trung sinh năm 1976, Thạc sỹ quản trị kinh doanh Đại học kinh tế Hồ Chí Minh, Kỹ sư xây dựng Đại học kiến trúc Hà Nội. Ông được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ 2023 đến nay. Ngoài ra, Ông còn là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VICEM Thạch cao Xi măng kể từ tháng 4/2024 đến nay.
Ông Hoàng Cảnh Nguyễn Thành viên HĐQT độc lập	Ông Hoàng Cảnh Nguyễn sinh năm 1968, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Đại học UBIS University of Business & International Studies, Thạc sỹ chuyên ngành công nghệ vật liệu Silicate Đại học Bách khoa Hà Nội. Ông được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ 2021 đến nay. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ tại nhiều công ty: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty TAFiCO từ 2013 đến 2017; Ủy viên Hội đồng Quản trị Tổng công ty FiCO từ 2016 đến 2018; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Xi măng Hạ Long, Thành viên Hội đồng Thành viên, Giám đốc Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long từ 2018 đến nay.
Ông Nguyễn Quốc Huy Thành viên HĐQT độc lập	Ông Nguyễn Quốc Huy sinh năm 1994, Quản trị kinh doanh quốc tế Đại học Cardiff Metropolitan. Ông được bầu là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty từ năm 2023 đến nay. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Việt Nam Catering.

Members of The Board of Directors

Mr.Phan Xuan Hieu Member of BOD	Mr. Phan Xuan Hieu was born in 1974, bachelor of accounting, Hanoi Open University. He has been elected as a Member of the Board of Directors of the Company since 2020. In addition, he has also held the position of Member of the Board of Directors of VICEM Song Thao Cement Joint Stock Company from 2017 to now and Chairman of the Board of Directors of VICEM Gypsum Cement Joint Stock Company from April 2024 to now.
Mr. Nguyen Van Lap Member of BOD	Mr. Nguyen Van Lap was born in 1964, a Silicate chemical engineer. He was elected as a Member of the Board of Directors of the Company from 2018 to now.
Mr. Vo Ngoc Trung Member of BOD	Mr. Vo Ngoc Trung was born in 1976, a master of business administration from Ho Chi Minh University of Economics, a civil engineer at Hanoi University of Architecture. He was elected as a Member of the Board of Directors of the Company from 2023 to now. In addition, he is also a Member of the Board of Directors of VICEM Gypsum Cement Joint Stock Company since April 2024.
Mr. Hoang Canh Nguyen Independent Member of BOD	Mr. Hoang Canh Nguyen was born in 1968, Master of Business Administration from UBIS University of Business & International Studies, Master of Silicate Material Technology from Hanoi University of Science and Technology. He was elected as a Member of the Board of Directors of the Company from 2021 to now. In addition, he also held positions at many companies: Member of the Board of Directors of TAFiCO from 2013 to 2017; Member of the Board of Directors of FiCO Corporation from 2016 to 2018; Member of the Board of Directors of Ha Long Cement Joint Stock Company, Member of the Board of Members, Director of Ha Long Cement Company Limited from 2018 to now.
Mr. Nguyen Quoc Huy Independent Member of BOD	Mr. Nguyen Quoc Huy was born in 1994, International Business Administration, Cardiff Metropolitan University. He has been elected as a Member of the Board of Directors of the Company from 2023 to now. In addition, he is also the Chairman of the Board of Directors of Vietnam Catering Joint Stock Company.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, không quá 04 (bốn) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Người điều hành Công ty bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Nhiệm kỳ bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty không quá 05 năm, phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
Ông Phạm Kiến Phương	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Thắng Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	Thông tin, xem tại mục Thành viên Hội đồng Quản trị trang 43
Ông Phạm Kiến Phương Phó Tổng giám đốc	Ông Phạm Kiến Phương sinh năm 1972, Thạc sỹ kinh tế phát triển, Thạc sỹ quản trị kinh doanh. Ông được bổ nhiệm là Phó Tổng giám đốc Công ty từ 2021 đến nay. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ ở các công ty: Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Cao su Đồng Nai - Kratie.
Ông Bùi Nguyên Quỳnh Phó Tổng giám đốc	Ông Bùi Nguyên Quỳnh sinh năm 1980, Cử nhân kinh tế. Ông được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty từ năm 2023 đến nay. Ngoài ra, Ông còn giữ chức vụ ở các công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Logistics Vicem, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Cao su Đồng Phú - Kratie.

Board of The General Directors and Chief Accountant

The General Director is the legal representative of the Company. The company has a General Director, no more than 04 (four) Deputy General Directors, Chief Accountant appointed by the Board of Directors. The Company's executives include: General Director, Deputy General Director and Chief Accountant. The term of appointment of the General Director, Deputy General Director and Chief Accountant of the Company shall not exceed 05 years, in accordance with the term of office of the Board of Directors and may be re-appointed for an unlimited number of terms.

Name	Position
Mr. Nguyen Quoc Thang	Member of BOD, General Director
Mr. Pham Kien Phuong	Deputy General Director
Mr. Bui Nguyen Quynh	Deputy General Director

Member of the Board of The General Directors

Mr. Nguyen Quoc Thang Member of BOD, General Director	For more information, see Board Members on page 43
Mr. Pham Kien Phuong Deputy General Director	Mr. Pham Kien Phuong was born in 1972, Master of Development Economics, Master of Business Administration. He was appointed as Deputy General Director of the Company from 2021 to now. In addition, he also holds positions in companies: Member of the Board of Members of Siam City Cement Vietnam Co., Ltd.; Member of the Board of Directors of Dong Nai Rubber Joint Stock Company - Kratie.
Mr. Bui Nguyen Quynh Deputy General Director	Mr. Bui Nguyen Quynh was born in 1980, Bachelor of Economics. He was appointed Deputy General Director of the Company from 2023 to now. In addition, he also holds positions in companies: Member of the Board of Directors of Vicem Logistics Joint Stock Company, Member of the Board of Directors of Dong Phu - Kratie Rubber Joint Stock Company.

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Nho Lương
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Nho Lương sinh năm 1981, Kỹ sư quản trị tài chính kế toán. Ông được bổ nhiệm là Kế toán trưởng Công ty từ 2023 đến nay. Ngoài ra, Ông còn là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Cao su Bến Thành từ năm 2024 đến nay.

Chief Accountant

Mr. Nguyen Nho Luong
Chief Accountant

Mr. Nguyen Nho Luong was born in 1981, an Engineer in Financial Management and Accounting. He was appointed as the Chief Accountant of the Company from 2023 to now. In addition, he is also a Member of the Board of Directors of Ben Thanh Rubber Joint Stock Company from 2024 to now.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty hiện nay có 03 thành viên. Trong đó Trưởng Ban làm việc theo nhiệm vụ chuyên trách, hưởng lương theo hợp đồng lao động. Tất cả 03 thành viên đều có trình độ chuyên môn Đại học.

Supervisory Board

The Company's Supervisory Board has 03 members. In which, the Head of the Board works according to full-time tasks and receives salary according to the labor contract. All 03 members have university qualifications.

Họ tên	Chức vụ
Bà Trung Thị Tâm Thanh	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát

Name	Position
Ms. Trung Thi Tam Thanh	Head of the Supervisory Board
Ms. Tran Thi Hang	Member of the Supervisory Board
Ms. Le Thi Thu Thuy	Member of the Supervisory Board

Thành viên Ban Kiểm soát

Member of the Supervisory Board

Bà Trung Thị Tâm Thanh Trưởng Ban kiểm soát	Bà Trung Thị Tâm Thanh sinh năm 1975, Cử nhân chuyên ngành kế toán sản xuất. Bà được bầu làm TBKS kể từ tháng 5 năm 2019 đến nay.
Bà Trần Thị Hằng Thành viên Ban kiểm soát	Bà Trần Thị Hằng sinh năm 1983, Cử nhân Kế toán kiểm toán. Bà được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty từ tháng 4 năm 2023 đến nay.
Bà Lê Thị Thu Thủy Thành viên Ban kiểm soát	Bà Lê Thị Thu Thủy sinh năm 1976, Cử nhân Kế toán kiểm toán. Bà được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát từ năm 2019 đến nay.

Ms. Trung Thi Tam Thanh Head of the Supervisory Board	Ms. Trung Thi Tam Thanh was born in 1975, Bachelor of Science in Production Accounting. She has been elected as a TBKS since May 2019 until now.
Ms. Tran Thi Hang Member of the Supervisory Board	Ms. Tran Thi Hang was born in 1983, Bachelor of Accounting and Auditing. She was elected as a Member of the Company's Supervisory Board from April 2023 to now.
Ms. Le Thi Thu Thuy Member of the Supervisory Board	Ms. Le Thi Thu Thuy was born in 1976, Bachelor of Accounting and Auditing. She has been elected as a Member of the Supervisory Board since 2019.

Các đơn vị sản xuất

- Công ty có 02 nhà máy và 03 trạm nghiền sản xuất, gồm: Nhà máy Xi măng Kiên Lương, Nhà máy Xi măng Bình Phước, Trạm nghiền Phú Hữu, Trạm nghiền Long An, Trạm nghiền Cam Ranh (chi tiết thông tin liên lạc tại mục Địa bàn kinh doanh ở trang

- Nhà máy Xi măng Kiên Lương

Văn phòng và hệ thống dây chuyền công nghệ khai thác, sản xuất tọa lạc tại ấp Lò Bom, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Nơi đây có mỏ đất sét, đá vôi là nguồn nguyên liệu chính cho hoạt động sản xuất của Công ty. Ngoài chức năng khai thác nguyên liệu, sản xuất clinker cung cấp cho các trạm nghiền, Nhà máy còn sản xuất và cung cấp xi măng các loại ra thị trường.

- Nhà máy Xi măng Bình Phước

Văn phòng và dây chuyền sản xuất đóng tại địa bàn xã Thanh Lương - thị xã Bình Long - tỉnh Bình Phước; và mỏ nguyên liệu tại huyện Lộc Ninh, nơi đây có mỏ đất sét, đá vôi là nguồn nguyên liệu chính để Công ty khai thác và sản xuất ra thành phẩm clinker và xi măng, cung cấp các loại xi măng ra thị trường.

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ

Là một chi nhánh trực thuộc Công ty, có chức năng tìm kiếm thị trường và phân phối, tiêu thụ sản phẩm. Thông qua hệ thống Nhà phân phối chính, Công ty cung cấp các sản phẩm xi măng mang thương hiệu VICEM Hà Tiên cho các thị trường khu vực Đông Nam bộ, Tây Nam bộ, Nam Trung bộ, Tây Nguyên; xuất khẩu sang Campuchia, Hoa Kỳ và các thị trường tiềm năng khác.

- Xí nghiệp quản lý đường BOT Phú Hữu

Là một chi nhánh trực thuộc Công ty, được thành lập vào ngày 21/10/2015. Kể từ ngày 17/09/2024, Xí nghiệp chính thức vận hành hoạt động thu phí đường bộ.

Manufacturing Units

The company has 02 factories and 03 production crushing stations, including: Kien Luong Cement Factory, Binh Phuoc Cement Plant, Phu Huu Crushing Station, Long An Crushing Station, Cam Ranh Crushing Station (details of contact information of the Factory, Crushing Station in the Business Area section on page

- Kien Luong Cement Factory

The office and system of exploitation and production technology lines are located in Lo Bom hamlet, Kien Luong district, Kien Giang province. This place has clay and limestone mines as the main source of raw materials for the Company's production activities. In addition to the function of extracting raw materials, producing clinker to supply crushing stations, the factory also produces and supplies cement of all kinds to the market.

- Binh Phuoc Cement Factory

The office and production line are located in Thanh Luong commune - Binh Long town - Binh Phuoc province; and raw material mines in Loc Ninh district, where clay and limestone mines are the main sources of raw materials for the Company to exploit and produce finished clinker and cement products, supplying cement to the market.

- Phu Huu Crushing Station

Located near ITC International Port in Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. This place receives clinker from 02 factories to produce cement.

- Long An Crushing Station

Located next to Vam Co Dong River, in Long Dinh Industrial Park, Can Duoc District, Long An Province.

- Cam Ranh Crushing Station

Located next to the coast of Cam Ranh, in Hon Quy village, Cam Thinh Dong commune, Khanh Hoa province, the office and production line are located in Cam Thinh Dong commune - Cam Ranh city - Khanh Hoa province.

- Consumption and Service Enterprise

Is a branch of the Company, with the function of searching for markets and distributing and consuming products. Through the main distributor system, the Company provides cement products under the brand VICEM Ha Tien for the markets of the Southeast, Southwest, South Central and Central Highlands; export to Cambodia, the United States and other potential markets.

- Phu Huu BOT Road Management Enterprise

Is a branch of the Company, established on October 21, 2015. From September 17, 2024, the Enterprise officially operates road toll collection activities.

Sales & Service Department

Các phòng ban quản lý,
chuyên môn, nghiệp vụ

Ngoài các Chi nhánh có chức năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, còn có hệ thống các đơn vị phòng ban chuyên môn, hỗ trợ, quản lý nhân sự, tài chính kế toán, kế hoạch, đầu tư, vật tư, kỹ thuật, môi trường, pháp lý, công nghệ thông tin, Ban Quản lý dự án... làm việc tại Trụ sở chính Công ty.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2024 : 2.418 người

Management, professional
and professional departments

In addition to the branches with the function of producing and consuming products, there are also BOT Enterprises, a system of specialized departments, support, human resource management, finance and accounting, planning, investment, materials, engineering, environment, legal, information technology, Project Management Boards, etc. working at the Company's Head Office.

Number of officers and employees as of December 31, 2024 : 2,418 peoples

Công ty con

Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Bất Động Sản Trường Thọ

- Địa chỉ: Lầu 5, tòa nhà The Landmark, số 5B Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ Công ty: 30.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ VICEM Hà Tiên tham gia góp: 19.500.000.000 đồng, với tỷ lệ sở hữu là 65%.

Subsidiary

Truong Tho Real Estate Development Investment Co., Ltd.

- Address: 5th Floor, The Landmark Building, No. 5B Ton Duc Thang, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
- Main production and business sectors: Construction investment and real estate business.
- Charter capital of the Company: 30,000,000,000 VND.
- Charter capital of VICEM Ha Tien contributes: 19,500,000,000 VND, with an ownership rate of 65%.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Shareholder structure, change of owner's investment capital

Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 381.589.911 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 381.589.911 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Stock

- Total number of outstanding shares : 381,589,911 shares
- Types of outstanding shares : common
- Number of freely transferable shares : 381,589,911 shares
- Number of shares restricted from transfer : 0 shares

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông gần nhất chốt ngày 26/03/2025, cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài cụ thể như sau:

Shareholder Structure

According to the latest list of shareholders as of March 26, 2025, The structure of domestic shareholders and foreign shareholders is as follows:

Nội dung	Số lượng Cổ đông	Số lượng Cổ phần	% Vốn điều lệ
Cổ phiếu đang lưu hành	9.649	381.589.911	100,0%
Trong đó:			
Cổ đông trong nước	9.502	376.677.137	98,7%
- Cá nhân	9.442	66.931.563	17,5%
- Tổ chức	60	309.745.574	81,2%
Cổ đông nước ngoài	147	4.912.774	1,3%
- Cá nhân	112	337.804	0,1%
- Tổ chức	35	4.574.970	1,2%

Danh sách 10 cổ đông lớn nhất của Công ty

STT	Tên cổ đông	Quốc tịch	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Xi măng Việt Nam	Việt Nam	304.102.588	79,69%
2	Trần Hoàng Việt Anh	Việt Nam	10.657.000	2,79%
3	Trần Thị Ngọc Anh	Việt Nam	7.000.000	1,83%
4	Nguyễn Văn Chuyền	Việt Nam	3.630.000	0,95%
5	Công ty Cổ Phần Chứng Khoán BIDV	Việt Nam	3.280.068	0,86%
6	E.I. Sturdza Funds Public Limited Company	Ireland	2.700.000	0,71%
7	Trần Phi Hùng	Việt Nam	2.110.600	0,55%
8	Nguyễn Thị Tươi	Việt Nam	1.000.000	0,26%
9	Đoàn Thị Thanh Vân	Việt Nam	990.000	0,26%
10	Nguyễn Văn Phương	Việt Nam	980.000	0,26%

Content	Number of Shareholders	Number of Shares	% Charter Capital
Outstanding Shares	9,649	381,589,911	100.0%
In which:			
Domestic shareholders	9,502	376,677,137	98.7%
- Individual	9,442	66,931,563	17.5%
- Organization	60	309,745,574	81.2%
Foreign shareholders	147	4,912,774	1.3%
- Individual	112	337,804	0.1%
- Organization	35	4,574,970	1.2%

List of the Company's 10 largest shareholders

No.	Shareholder Name	Nationality	Number of Shares	Ownership Rate
1	Vietnam National Cement Corporation	Viet Nam	304,102,588	79.69%
2	Tran Hoang Viet Anh	Viet Nam	10,657,000	2.79%
3	Tran Thi Ngoc Anh	Viet Nam	7,000,000	1.83%
4	Nguyen Van Chuyen	Viet Nam	3,630,000	0.95%
5	BIDV Securities Joint Stock Company	Viet Nam	3,280,068	0.86%
6	E.I. Sturdza Funds Public Limited Company	Ireland	2,700,000	0.71%
7	Tran Phi Hung	Viet Nam	2,110,600	0.55%
8	Nguyen Thi Tui	Viet Nam	1,000,000	0.26%
9	Doan Thi Thanh Van	Viet Nam	990,000	0.26%
10	Nguyen Van Phuong	Viet Nam	980,000	0.26%

Các rủi ro

Rủi ro đặc thù của ngành

- Quá trình đô thị hóa nhanh làm cho vị trí các nhà máy, trạm nghiền xi măng trở nên nhạy cảm hơn về các vấn đề môi trường, yêu cầu sản xuất sạch, xanh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên không tái sinh để phát triển bền vững.
- Khác với các loại sản phẩm hàng hóa khác, hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, sắt thép là những loại hàng hóa chịu sự tác động và phụ thuộc rất lớn vào sự biến động của các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của Nhà nước, và việc điều hành của hệ thống ngân hàng trong việc cấp vốn tài trợ cho lĩnh vực đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản; và việc phê duyệt, cấp phép liên quan đến đất đai, đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở, nhà ở, khu dân cư...của các cấp thẩm quyền.
- Ngành xi măng chịu nhiều tác động từ việc triển khai thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng và quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng; diễn biến của thị trường bất động sản; quy mô, tốc độ giải ngân vốn đầu tư xã hội cũng như các rủi ro địa chất thủy văn nước mặt, nước ngầm các mỏ nguyên liệu; các sự cố nằm ngoài kiểm soát trong vận hành dây chuyền máy móc thiết bị,.....
- Tính cạnh tranh giữa các thương hiệu xi măng trong nước ngày càng gia tăng do cung vượt xa cầu.
- Giá than, điện, năng lượng, tỷ giá, lãi suất có xu hướng tăng, gây áp lực lớn làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của VICEM Hà Tiên.

Rủi ro khác

- Tình hình thế giới năm 2025 dự báo vẫn còn nhiều rủi ro tiềm ẩn khi cuộc chiến giữa Nga-Ukraine vẫn chưa có hồi kết, xung đột các quốc gia tại Trung Đông vẫn phức tạp, lạm phát cao nên vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và đời sống của người dân.
- Do độ mở của nền kinh tế lớn, kinh tế Việt Nam trở nên nhạy cảm với các biến động từ bên ngoài, chịu ảnh hưởng nhiều của kinh tế - tài chính thế giới, biến động giá nguyên vật liệu và khủng hoảng năng lượng tại một số quốc gia, chiến tranh... nên các chính sách điều hành trong nước như tài khóa, tiền tệ, thương mại,... chứa đựng nhiều yếu tố khó lường, ảnh hưởng đến dự báo kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tình hình thời tiết Việt Nam các năm gần đây có nhiều chuyển biến phức tạp như bão mạnh, mưa lớn, lũ lụt, sạt lở tại các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên; hạn hán, tình trạng xâm nhập mặn đến sớm và kéo dài tại các khu vực miền Tây Nam Bộ... gây thiệt hại và ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, nhu cầu xây dựng... Các yếu tố này diễn biến bất thường gây khó khăn trong công tác dự báo, lập kế hoạch tiêu thụ.

Risks

Industry-specific risks

- The rapid urbanization process makes the location of cement crushing factories and stations more sensitive to environmental issues, requiring clean and green production, and the efficient use of non-renewable resources for sustainable development.
- Different from other types of commodity products, the production and trading of cement, iron and steel are commodities that are greatly affected and dependent on the fluctuations of the State's macroeconomic management policies, and the operation of the banking system in providing financing for the field of construction investment. real estate business; and the approval and licensing related to land, investment in the construction of infrastructure works, houses, residential areas, etc. of competent authorities.
- The cement industry is affected by the implementation of the plans for the development of the cement industry and the planning on exploration, exploitation and use of minerals as cement; developments in the real estate market; the scale and speed of disbursement of social investment capital as well as hydrogeological risks of surface water, groundwater and raw material mines; out-of-control incidents in the operation of machinery and equipment lines,.....
- The competitiveness between domestic cement brands is increasing because supply outstrips demand.
- The price of coal, electricity, energy, exchange rates, and interest rates tends to increase, putting great pressure on VICEM Ha Tien's production and business costs.

Other risks

- The world situation in 2025 is forecast to still have many potential risks when the war between Russia and Ukraine has not yet ended, conflicts between countries in the Middle East are still complicated, and inflation is high, so it will continue to affect economic growth and people's lives.
- Due to the openness of the large economy, Vietnam's economy has become sensitive to external fluctuations, greatly influenced by the world economy and finance, fluctuations in raw material prices and energy crises in some countries, wars, etc. so domestic operating policies such as fiscal, monetary, and trade,... contain many unpredictable factors, affecting the forecast of production and business plans.
- The weather situation in Vietnam in recent years has had many complicated changes such as strong storms, heavy rains, floods, and landslides in the Central and Central Highlands provinces; drought, early and prolonged saltwater intrusion in the Southwest regions... causing damage and affecting people's income, construction needs... These factors have abnormal developments, making it difficult to forecast and plan consumption.

Định hướng phát triển

01

Mục tiêu chủ yếu

- Chúng tôi nhận thức rằng VICEM Hà Tiên “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”, do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho Cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.
- VICEM Hà Tiên cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng.
- VICEM Hà Tiên đặt mục tiêu 2025, thị phần tiệm cận mức 36%, tiếp tục khẳng định vị thế hàng đầu trong ngành xi măng tại thị trường phía Nam.
- VICEM Hà Tiên đẩy nhanh quá trình triển khai chương trình đầu tư xây dựng tăng năng lực sản xuất tại khu vực thị trường phía Nam kịp thời bổ sung nguồn cung để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong giai đoạn sắp đến.

03

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Giảm tối đa, tiến tới sử dụng không đáng kể nguyên liệu, tài nguyên hóa thạch không tái tạo, không phát ra các khí thải ảnh hưởng đến môi trường, thu hồi tuần hoàn khí thải có ích trả lại môi trường tuân theo quy luật của tự nhiên.
- Tận dụng tối đa các chất thải của các ngành công nghiệp và các ngành kinh tế khác, cùng các chất thải trong hoạt động hàng ngày của xã hội (rác thải, bùn thải, các loại chất thải khác) tạo ra nhiệt để thay thế nhiên liệu trong sản xuất xi măng, clinker.

02

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- VICEM Hà Tiên cam kết sản xuất xanh, phát triển bền vững, đảm bảo lợi ích tổng hợp toàn diện cao nhất cho cổ đông, người lao động, cho Nhà nước, xã hội và cộng đồng.
- Tiên phong trong công tác triển khai các chương trình bảo vệ môi trường, quy hoạch lại các nhà máy sản xuất xi măng đảm bảo “Xanh - Sạch - Đẹp” giảm thiểu tác động môi trường về dưới các chỉ số theo quy định pháp luật. Thực hiện các chương trình tiết kiệm, sử dụng tài nguyên hiệu quả, đẩy mạnh việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ 4.0 trong quản trị, quản lý doanh nghiệp theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tập trung và tiếp tục thực hiện có hiệu quả chiến lược tái cơ cấu, đổi mới mô hình phát triển của doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh chung của đất nước và khu vực phía Nam, sự phát triển của khoa học, công nghệ, công nghiệp, tiềm năng lợi thế, cơ hội và thách thức để lựa chọn con đường phát triển hợp lý, tối ưu trong thời gian tới.
- VICEM Hà Tiên thực hiện các chiến lược về sản xuất để trở thành một nhà sản xuất xi măng hàng đầu, uy tín, chất lượng. Về tiêu thụ tại khu vực phía Nam với thương hiệu dẫn đầu thị trường và chiến lược mở rộng thị trường mục tiêu ở Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và xuất khẩu sang Campuchia, Mỹ và các thị trường tiềm năng phù hợp với chiến lược phát triển chung của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.

- Với mục tiêu hướng đến nền sản xuất xanh, thực hiện các nội dung trong Tuyên bố Hà Nội về phát minh thế hệ công nghệ mới ngành Xi măng "Zero emission - Natural cycle" (Không phát thải - Tuần hoàn tự nhiên) và theo Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 1266/QĐ-TTg ngày 18/08/2020), VICEM Hà Tiên đặt mục tiêu:

Development orientation

01

The main objectives

- We are aware that VICEM Ha Tien "Grows because of you and for you", so we are committed to constantly investing in development and business expansion to bring the highest benefits to Shareholders, employees and make positive contributions to the community.
- VICEM Ha Tien is committed to producing and providing high-quality products and services to meet all reasonable needs of customers.
- VICEM Ha Tien aims to reach 36% market share by 2025, continuing to affirm its leading position in the cement industry in the southern market.
- VICEM Ha Tien accelerates the implementation of the construction investment program to increase production capacity in the Southern market area, promptly replenishing supply to meet consumption demand in the coming period.

03

Sustainable Development Goals

- With the goal of green production, implementing the contents of the Hanoi Declaration on the invention of a new generation of technology in the cement industry "Zero emission - Natural cycle" and according to the Vietnam Building Materials Development Strategy for the 2021-2030 period, orientation to 2030 (Decision 1266/QĐ-TTg dated 18/08/2020), VICEM Ha Tien sets the following goals:
- Minimize and use non-renewable raw materials and fossil resources, do not emit emissions that affect the environment, and recycle useful exhaust gases to return to the environment in accordance with the laws of nature.

02

Medium- and long-term development strategy

- VICEM Ha Tien is committed to green production, sustainable development, ensuring the highest comprehensive benefits for shareholders, employees, the State, society and the community.
- Pioneering in the implementation of environmental protection programs, replanning cement factories to ensure "Green - Clean - Beautiful" to minimize environmental impacts below the indicators in accordance with the law. Implement programs to save and use resources effectively, promote the application of science and technology 4.0 achievements in business administration and management in the direction of streamlining and efficiency. Focus on and continue to effectively implement the strategy of restructuring and renewing the development model of enterprises in accordance with the general context of the country and the southern region, the development of science, technology, industry, potential advantages, opportunities and challenges to choose a reasonable development path. in the coming time.
- VICEM Ha Tien implements production strategies to become a leading, reputable and quality cement manufacturer. Regarding consumption in the Southern region with the market-leading brand and the strategy of expanding the target market in the Central Highlands, South Central Coast and exporting to Cambodia, the US and potential markets in line with the general development strategy of Vietnam Cement Corporation.

- Make the most of the wastes of industries and other economic sectors, as well as the wastes in the daily activities of society (garbage, sludge, other types of waste) to generate heat to replace fuels in the production of cement and clinker.



CHƯƠNG 02

Báo cáo và đánh giá của
Ban Tổng giám đốc

- 63 Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024
- 79 Kế hoạch năm 2025
- 85 Tình hình tài chính

CHAPTER 02

Report and evaluation of
The Board of General Directors

- 64 Evaluation of production and business results in 2024
- 80 Plan for 2025
- 86 Financial situation

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024

Bối cảnh kinh tế

Kinh tế – xã hội nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp; xung đột leo thang ở Ukraina, Trung Đông, Biển Đỏ, căng thẳng gia tăng ở bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan; giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh; kinh tế, thương mại phục hồi chậm, thiếu vững chắc. Trong nước, mặc dù còn nhiều thách thức tác động đến tăng trưởng như giải ngân vốn đầu tư công chậm; một số chương trình tín dụng triển khai chưa hiệu quả; thị trường bất động sản chưa hồi phục; chi phí sản xuất còn cao.

Thị trường xi măng

- Nhu cầu xi măng năm 2024 vẫn ở mức thấp, đặc biệt là phân khúc dân dụng do kinh tế tiềm ẩn rủi ro, người dân thắt chặt chi tiêu, giữ tiền mặt thay vì đầu tư; thị trường nhà ở, bất động sản phục hồi chậm; đề án xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội triển khai chậm; giá bán vật liệu xây dựng tăng và thiếu nguồn cát ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng các công trình, dự án đường cao tốc; các dự án xây dựng đường giao thông sử dụng công nghệ truyền thống nên nhu cầu xi măng chưa nhiều.
- Nhu cầu suy giảm nhưng nguồn cung vẫn rất lớn, Tổng nguồn cung xi măng toàn quốc đạt khoảng 122 triệu tấn, trong khi nhu cầu xi măng trong nước năm 2024 chỉ khoảng 58,82 triệu tấn, tăng 3,9% so với năm 2023. Trong đó, khu vực miền Nam tại các địa bàn kinh doanh của Vicem Hà Tiên đạt 15,1 triệu tấn, tương đương so với cùng kỳ 2023. Cung vượt quá cầu là khó khăn lớn nhất hiện nay đối với ngành xi măng. Dư thừa nguồn cung dẫn đến các công ty xi măng cạnh tranh gay gắt, giảm giá bán, tăng chính sách bán hàng để gia tăng sản lượng thị phần.

Tuy nhiên, với quyết tâm tạo động lực đột phá để phát triển kinh tế – xã hội của Chính phủ giúp kinh tế nước ta tiếp tục xu hướng tích cực. GDP cả năm 2024 đạt 7,09%, vượt xa mức tăng 5,05% của năm 2023 và vượt mục tiêu ban đầu 6-6,5%. Trong đó, ngành công nghiệp – xây dựng tăng trưởng 8,24%.

- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu bao sang rời ngày càng tăng, giảm hiệu quả kinh doanh của các công ty. Tỷ trọng xi măng rời tại khu vực phía Nam năm 2024 là 45,22%, tăng 5,16% so với cùng kỳ 2023.
- Xuất khẩu xi măng, clinker ngày càng khó khăn khi nhiều thị trường nhập khẩu bất ổn về kinh tế chính trị, gia tăng chính sách bảo hộ thương mại, cạnh tranh xuất khẩu từ các quốc gia trong khu vực. Xuất khẩu xi măng, clinker khoảng 29,94 triệu tấn, giảm 4,01% so với năm 2023 (31,21 triệu tấn).
- Nhu cầu sụt giảm làm tồn kho tăng cao dẫn đến một số nhà máy phải giảm năng suất hoặc dừng lò. Các doanh nghiệp trong ngành đua nhau giảm giá bán, chấp nhận bán dưới giá thành sản xuất (thậm chí bằng biến phí) để bù đắp một phần chi phí cố định. Vì thế, kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp xi măng năm 2024 không mấy khả quan.

Evaluation of production and business results in 2024

Economic context

Our country's socio-economic situation in 2024 takes place in the context that the world economy continues to fluctuate complicatedly; escalating conflicts in Ukraine, the Middle East, the Red Sea, rising tensions on the Korean Peninsula and the Taiwan Strait; gasoline and freight prices fluctuated sharply; the economy and trade recovered slowly and unsteadily. Domestically, although there are still many challenges affecting growth such as slow disbursement of public investment capital; some credit programs have been implemented ineffectively; the real estate market has not recovered; production costs are still high.

Cement market

- Demand for cement in 2024 is still low, especially in the civil segment due to potential economic risks, people tighten spending, keep cash instead of investing; the housing and real estate market has recovered slowly; the project to build at least 1 million social housing apartments is slowly implemented; the increase in the selling price of building materials and the lack of sand sources affect the construction progress of highway works and projects; road construction projects use traditional technology, so the demand for cement is not much.
- Demand declined but the supply was still very large, The total supply of cement nationwide reached about 122 million tons, while the domestic demand for cement in 2024 was only about 58.82 million tons, up 3.9% compared to 2023. In which, the southern region in Vicem Ha Tien's business areas reached 15.1 million tons, equivalent to the same period in 2023. Supply exceeding demand is the biggest difficulty for the cement industry today. Excess supply leads to fierce competition among cement companies, reducing selling prices, increasing sales policies to increase market share.

However, with the Government's determination to create a breakthrough motivation for socio-economic development, our country's economy continues the positive trend. GDP for the whole year of 2024 will reach 7.09%, far exceeding the increase of 5.05% in 2023 and exceeding the initial target of 6-6.5%. In which, the industry – construction grew by 8.24%.

- The trend of shifting the structure of bags to loose is increasing, decreasing the business efficiency of companies. The proportion of bulk cement in the Southern region in 2024 will be 45.22%, up 5.16% over the same period in 2023.
- Exporting cement and clinker is increasingly difficult when many import markets are unstable in terms of political economy, increasing trade protectionist policies, and competing for exports from countries in the region. Exports of cement and clinker were about 29.94 million tons, down 4.01% compared to 2023 (31.21 million tons).
- The decline in demand causes inventory to rise, leading to some factories having to reduce productivity or stop furnaces. Businesses in the industry compete to reduce selling prices, accepting to sell below the cost of production (even by variable fees) to offset part of the fixed costs. Therefore, the business results of cement enterprises in 2024 are not very positive.

Kết quả sản xuất kinh doanh của VICEM Hà Tiên năm 2024

Nhìn chung, năm 2024 tiếp tục là một năm khó khăn của ngành xi măng nói chung và của Vicem Hà Tiên nói riêng khi sức tiêu thụ rất chậm, giá nguyên nhiên vật liệu và chi phí đầu vào vẫn neo ở mức cao,

Cũng như các công ty cùng ngành khác, Vicem Hà Tiên cũng đã thực hiện rất nhiều các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo mục tiêu lợi nhuận theo kế hoạch 2024 và đạt được kết quả như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2024			Năm 2023	(+/-) % so với năm 2023
			Thực hiện	Kế hoạch (*)	% Thực hiện so Kế hoạch	Thực hiện	
I	Tổng sản phẩm tiêu thụ, gia công xi măng và clinker	Tấn	6.072.844	6.068.659	100,1%	5.801.602	4,7%
1	Tiêu thụ và gia công xi măng	Tấn	5.460.037	5.662.000	96,4%	5.372.731	1,6%
	Nội địa		5.384.194	5.560.000	96,8%	5.287.717	1,8%
	Xuất khẩu		69.837	75.000	93,1%	71.467	-2,3%
	Gia công		6.006	27.000	22,2%	13.547	-55,7%
2	Tiêu thụ clinker	Tấn	612.807	406.659	150,7%	428.871	42,9%
II	Tổng sản phẩm sản xuất	Tấn	9.421.894	9.759.277	96,5%	9.200.393	2,4%
1	Xi măng		5.451.808	5.662.000	96,3%	5.387.130	1,2%
	Tự sản xuất		5.274.178	5.512.000	95,7%	5.264.396	0,2%
	Thuê gia công		177.630	150.000	118,4%	122.734	44,7%
2	Clinker		3.970.086	4.097.277	96,9%	3.813.263	4,1%
	Tự sản xuất		3.932.822	4.097.277	96,0%	3.805.629	3,3%
	Mua ngoài		37.264	-		7.634	388,1%
III	Các chỉ số tài chính						
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ VNĐ	6.904,27	7.031,97	98,2%	7.054,97	-2,1%
	+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.884,25	7.029,66	97,9%	7.049,03	-2.3%
	+ Doanh thu hoạt động tài chính		8,82	2,31	381,8%	5,31	66,2%
	+ Thu nhập khác		11,20	-		0,64	1652,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	80,44	29,00	277,3%	24,32	230,8%
	Lợi nhuận trước thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá		79,56	29,00	274,3%	24,09	230,3%

Production and business results of VICEM Ha Tien in 2024

In general, 2024 will continue to be a difficult year for the cement industry in general and of Vicem Ha Tien in particular when consumption is very slow, the price of raw materials and input costs are still anchored at a high level ,

Like other companies in the same industry, Vicem Ha Tien has also implemented a lot of solutions to reduce production costs, ensure profit targets according to the 2024 plan and achieve the following results:

No.	Content	Unit	In 2024			In 2023	(+/-) % compared to 2023
			Implement	Plan (*)	% Implementation compared to the plan	Implement	
I	Total product consumption, cement and clinker processing	Ton	6,072,844	6,068,659	100.1%	5,801,602	4.7%
1	Cement consumption and processing	Ton	5,460,037	5,662,000	96.4%	5,372,731	1.6%
	Hinterland		5,384,194	5,560,000	96.8%	5,287,717	1.8%
	Export		69,837	75,000	93.1%	71,467	-2.3%
	Cement Processing		6,006	27,000	22.2%	13,547	-55.7%
2	Clinker consumption	Ton	612,807	406,659	150.7%	428,871	42.9%
II	Gross Product Production	Ton	9,421,894	9,759,277	96.5%	9,200,393	2.4%
1	Cement		5,451,808	5,662,000	96.3%	5,387,130	1.2%
	Self-production		5,274,178	5,512,000	95.7%	5,264,396	0.2%
	Outsourcing		177,630	150,000	118.4%	122,734	44.7%
2	Clinker		3,970,086	4,097,277	96.9%	3,813,263	4.1%
	Self-production		3,932,822	4,097,277	96.0%	3,805,629	3.3%
	Buy out		37,264	-		7,634	388.1%
III	Financial Indicators						
1	Revenue and other income	Billion VND	6,904.27	7,031.97	98.2%	7,054.97	-2.1%
	+ Net revenue from sales and provision of services		6,884.25	7,029.66	97.9%	7,049.03	-2.3%
	+ Revenue from financial activities		8.82	2.31	381.8%	5.31	66.2%

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2024			Năm 2023	(+/-) % so với năm 2023
			Thực hiện	Kế hoạch (*)	% Thực hiện so Kế hoạch	Thực hiện	
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	60,10	23,20	259,0%	17,67	240,1%
	Lợi nhuận sau thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá		59,22	23,20	255,2%	17,45	239,4%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá trên vốn chủ sở hữu	%	1,25%	0,49%	255,2%	0,37%	239,4%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ VNĐ	355,65	351,19	101,3%	305,87	16,3%
IV	Đầu tư xây dựng						
1	Khối lượng	Tỷ VNĐ	74,31	166,45	44,6%	106,93	-30,5%
2	Thanh toán	Tỷ VNĐ	126,35	244,80	51,6%	44,13	186,3%

Ghi chú:

- (*) Theo trích yếu Điều 5 của Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 được nêu: “...Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của VICEM nói chung và của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên nói riêng đã được VICEM báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt theo quy định; sau khi Bộ Xây dựng phê duyệt, nếu có sự thay đổi, VICEM sẽ điều chỉnh sau...”
- (*) Theo Quyết định thỏa thuận Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư xây dựng năm 2024 số 1112/VICEM-HĐTV ngày 10/7/2024 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam và đã được Công ty thực hiện Công bố thông tin theo quy định tại Thông báo số 1758/HT1-TKy ngày 18/7/2024.
- Số liệu thực hiện được trích từ Báo cáo tài chính riêng năm 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán.

No.	Content	Unit	In 2024			In 2023	(+/-) % compared to 2023
			Implement	Plan (*)	% Implementation compared to the plan	Implement	
	+ Other incomes		11.20	-		0.64	1652.8%
2	Profit before tax	Billion VND	80.44	29.00	277.3%	24.32	230.8%
	Profit before tax excluding exchange rate difference		79.56	29.00	274.3%	24.09	230.3%
3	Profit after tax	Billion VND	60.10	23.20	259.0%	17.67	240.1%
	Profit after tax before exchange rate difference		59.22	23.20	255.2%	17.45	239.4%
4	Profit margin after tax excluding exchange rate difference on equity	%	1.25%	0.49%	255.2%	0.37%	239.4%
5	Remittance to the state budget	Billion VND	355.65	351.19	101.3%	305.87	16.3%
IV	Construction investment						
1	Mass	Billion VND	74.31	166.45	44.6%	106.93	-30.5%
2	Abate	Billion VND	126.35	244.80	51.6%	44.13	186.3%

Note:

- (*) According to the abstract of Article 5 of the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, it is stated:“... The production and business plan in 2024 of VICEM in general and of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company in particular has been reported by VICEM and proposed to the Ministry of Construction for approval according to regulations; after the Ministry of Construction approves, if there is a change, VICEM will adjust later...
- (*) According to the Decision on the agreement on the 2024 Production, Business and Construction Investment Plan No. 1112/VICEM-HDTV dated July 10, 2024 of Vietnam Cement Corporation and the Company has disclosed information in accordance with the provisions of Notice No. 1758/HT1-TKy dated July 18, 2024.
- The performance data is extracted from the 2023 and 2024 separate financial statements of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company which have been audited by Deloitte Vietnam Auditing Co., Ltd.

Về tiêu thụ

Tiêu thụ xi măng đạt 5,45 triệu tấn, đạt 96,8% kế hoạch năm, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Tiêu thụ nội địa đạt 5,38 triệu tấn, đạt 96,8% so với kế hoạch năm, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó, động lực tăng chủ yếu là xi măng rời, tăng 18,7% so với cùng kỳ. Công ty đã chủ động tiếp cận các dự án đầu tư công ngay giai đoạn đầu triển khai như sân bay Long Thành, Nhà ga T3 sân bay Tân Sơn Nhất, dự án Đường Vành đai 2, Vành đai 3 TP.HCM, cao tốc Bắc Nam và cao tốc khu vực Mê Kôngvà đến nay đã thu được kết quả. Việc tăng trưởng của xi măng rời đã giúp công ty gia tăng sản lượng tiêu thụ và thị phần trong bối cảnh nhu cầu xi măng dân dụng sụt giảm nghiêm trọng và tối ưu hóa công suất của các nhà máy trạm nghiền.
- Xuất khẩu đạt 69.837 tấn, đạt 93,1% so với kế hoạch 2024 và giảm 2,3% so với cùng kỳ. Thị trường xuất khẩu chính của VICEM Hà Tiên là Campuchia. Tuy nhiên, tương tự Việt Nam, thị trường bất động sản đóng băng, cung vượt cầu, giá xi măng nhập khẩu cao nên người dân ưu tiên sử dụng xi măng nội địa làm sản lượng tiêu thụ của VICEM Hà Tiên giảm so với cùng kỳ và không đạt kế hoạch đặt ra.

Thị phần năm 2024 đạt 35,5%, tăng 0,8% so với cùng kỳ. Trong đó, xi măng bao nội địa đạt 39,6% thị phần, tăng 1,1% và xi măng rời đạt 30,6% thị phần, tăng 1,5% so với cùng kỳ 2023. Tiêu thụ clinker đạt 612.807 tấn, đạt 150,7%, tăng 42,9% so với cùng kỳ.

Trong kỳ, VICEM Hà Tiên tiếp tục cho ra mắt thêm dòng sản phẩm mới - mang tên “Hà Tiên 2- PCB40 bao 50kg” từ ngày 11/10/2024, - để cạnh tranh trực tiếp với xi măng giá rẻ.

Kể từ ngày ra mắt, xi măng Hà Tiên 2 – PCB40 tiêu thụ đạt 50.990 tấn, bình quân mỗi tháng tiêu thụ 17.000 tấn. Các sản phẩm mới ra mắt trước đó, cũng phát huy hiệu quả, góp phần gia tăng sản lượng xi măng bao, trong bối cảnh các sản phẩm truyền thống phân khúc giá cao sụt giảm so với cùng kỳ, cụ thể: Green PCB40 đạt 126.089 tấn, tăng 62,8% so với cùng kỳ, Power Cement đạt hơn 438.134 tấn, bình quân mỗi tháng tiêu thụ trên 36.000 tấn.

Công tác xuất khẩu: bên cạnh thị trường xuất khẩu chính là Campuchia, VICEM Hà Tiên cũng đã tăng cường thực hiện chào hàng tại các thị trường mới như thị trường Mỹ, Úc và các quần đảo Thái Bình Dương. Tuy nhiên, các thị trường này đang hạn chế nhập khẩu xi măng do giá cước vận tải biển tăng cao và nhu cầu xây dựng nội địa thấp. Đồng thời, xi măng nhập khẩu thường có giá cao hơn xi măng nội địa, làm hạn chế khả năng cạnh tranh về giá của VICEM Hà Tiên. Đồng thời, xi măng nhập khẩu thường có giá cao hơn xi măng nội địa, làm hạn chế khả năng cạnh tranh về giá của VICEM Hà Tiên.

About consumption

Cement consumption reached 5.45 million tons, reaching 96.8% of the year plan, up 1.8% over the same period. In which:

- Domestic consumption reached 5.38 million tons, reaching 96.8% of the year plan, up 1.8% over the same period. In which, the main driving force for the increase was bulk cement, up 18.7% over the same period. The company has proactively approached public investment projects in the early stages of implementation such as Long Thanh airport, Terminal 3 of Tan Son Nhat airport, Ring Road 2 and Ring 3 projects in Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City, the North-South Expressway and the Mekong Expressway....and so far the results have been obtained. The growth of bulk cement has helped the company increase its consumption and market share in the context of a serious decline in demand for civil cement and the optimization of the capacity of crushing plants.
- Exports reached 69,837 tons, reaching 93.1% of the 2024 plan and down 2.3% over the same period. Vicem Ha Tien's main export market is Cambodia. However, similar to Vietnam, the real estate market is frozen, supply exceeds demand, and the price of imported cement is high, so people prioritize using domestic cement, causing Vicem Ha Tien's consumption to decrease over the same period and not meet the set plan.

The market share in 2024 will reach 35.5%, up 0.8% over the same period. In which, domestic bag cement reached 39.6% market share, up 1.1% and bulk cement reached 30.6% market share, up 1.5% over the same period in 2023.Clinker consumption reached 612,807 tons, reaching 150.7%, up 42.9% over the same period.

During the period, Vicem Ha Tien continued to launch a new product line - named "Ha Tien 2- PCB40 bag 50kg" from October 11, 2024, - to compete directly with cheap cement.

Since the launch date, Ha Tien 2 – PCB40 cement has consumed 50,990 tons, an average consumption of 17,000 tons per month. New products launched earlier, also promoted efficiency, contributing to increasing the output of cement bags, in the context of traditional products in the high-price segment decreased over the same period, specifically: Green PCB40 reached 126,089 tons, up 62.8% over the same period, Power Cement reached more than 438,134 tons, the average monthly consumption is over 36,000 tons.

Exports: besides the main export market is Cambodia, Vicem Ha Tien has also strengthened its offerings in new markets such as the US, Australia and the Pacific Islands. However, these markets are restricting cement imports due to high sea freight rates and low demand for domestic construction. At the same time, imported cement is often priced higher than domestic cement, limiting the price competitiveness of Vicem Ha Tien.

Về sản xuất

Sản lượng clinker sản xuất đạt 3,93 triệu tấn, đạt 96,0% kế hoạch năm 2024, tăng 3,3% so với cùng kỳ. Tại những giai đoạn nhu cầu thị trường thấp, Công ty đã chủ động giảm năng suất các lò và dừng lò 1 Nhà máy Kiên Lương từ ngày 13/9/2024 để không đổ thêm clinker bãi, cũng như mua clinker cho Trạm nghiền Cam Ranh để tối ưu hóa chi phí. Sản lượng xi măng tự sản xuất đạt 5,27 triệu tấn, đạt 95,7% kế hoạch năm, tăng 0,2% so với cùng kỳ.

Nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra luôn được giám sát kiểm soát chất lượng một cách chặt chẽ trong quá trình sản xuất; công tác kiểm tra giám sát trong quá trình vận hành, duy tu sửa chữa dây chuyền thiết bị được triển khai đồng bộ, đúng quy trình đảm bảo thiết bị vận hành ổn định. Chất lượng clinker sản xuất duy trì tương đối ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ. Chất lượng xi măng luôn ổn định đáp ứng yêu cầu thị trường.

Về tài chính

Lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá đạt 79,56 tỷ đồng, đạt 274,3% kế hoạch và tăng 230,3% so với cùng kỳ do giảm giá thành, tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính, tăng thu nhập do đền bù giải tỏa đất Vũng Tàu và thu nhập từ hoạt động thu phí BOT.

Hoàn thiện hồ sơ thủ tục giảm 30% tiền thuê đất năm 2023 theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ Tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất năm 2023.

Tăng cường sử dụng các nguồn phụ gia và nhiên liệu thay thế trong sản xuất như xỉ đáy, xỉ lò cao, thạch cao nhân tạo, rác thải sinh hoạt, vôi vụn, để giảm, rác thải công nghiệp thông thường khác và thử nghiệm thêm than nhiệt trị thấp, xỉ thép, RDF (tái chế từ rác thải sinh hoạt)... để đa dạng hóa và chủ động nguồn cung ứng, gia tăng hiệu quả kinh doanh, góp phần giữ gìn môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên không tái sinh, hướng đến phát triển xanh và bền vững.

Trong bối cảnh giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, nhằm tiết giảm chi phí giá thành, công ty đã chủ động thực hiện kiểm soát định mức kinh tế kỹ thuật, linh hoạt trong công tác phối liệu, thay đổi thông số vận hành để tối ưu định mức, tiết giảm chi phí sửa chữa máy móc thiết bị, mua sắm thiết bị lẻ, tăng khối lượng công việc sửa chữa tự làm, giảm thuê ngoài; vận hành thiết bị tránh giờ cao điểm để tiết kiệm chi phí điện năng....

Hoàn thiện hồ sơ thủ tục gia hạn nộp thuế để được giãn, hoãn, gia hạn các khoản thuế phải nộp theo đúng quy định của Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024, giúp Công ty có thêm dòng tiền để duy trì sản xuất.

Làm việc với các ngân hàng để thu xếp nguồn vốn cho dự án và được áp dụng chính sách ưu đãi lãi suất, tiết giảm chi phí tài chính cho Công ty.

Vốn chủ sở hữu được bảo toàn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và phí với ngân sách nhà nước.

About production

Clinker production reached 3.93 million tons, reaching 96.0% of the plan in 2024, up 3.3% over the same period. At periods of low market demand, the Company has actively reduced the productivity of the furnaces and stopped the 1 Kien Luong plant from September 13, 2024 so as not to pour more yard clinker, as well as bought clinker for Cam Ranh National Park to optimize costs. Self-produced cement output reached 5.27 million tons, reaching 95.7% of the year plan, up 0.2% over the same period.

Input materials to output products are always closely monitored and controlled during the production process; the inspection and supervision during the operation, maintenance and repair of equipment lines are implemented synchronously and in accordance with the process to ensure stable operation of equipment. The quality of clinker production remains relatively stable, meeting the needs of production and consumption. The quality of cement is always stable to meet market requirements.

Financially.

Profit before tax excluding exchange rate difference reached VND 79.56 billion, reaching 274.3% of the plan and increasing by 230.3% over the same period due to cost reduction, reduction of operating costs and financial costs, increase in income due to compensation for Vung Tau land clearance and income from BOT toll collection activities.

Complete the dossier of procedures for reducing land rent by 30% in 2023 according to the Prime Minister's Decision No. 25/2023/QĐ-TTg dated October 3, 2023 on reducing land rent in 2023.

Increase the use of additives and alternative fuel sources in production such as bottom slag, blast furnace slag, artificial gypsum, domestic waste, scrap fabrics, shoe soles, other common industrial waste, and further test low-value coal, steel slag, RDF (recycling from domestic waste)... to diversify and proactively supply, increase business efficiency, contribute to preserving the environment, protect natural resources from renewables, towards green and sustainable development.In the context of the high price of raw materials and materials, in order to reduce costs, the company has proactively implemented economic and technical norm control, flexibility in material mixing, changing operating parameters to optimize norms, reduce the cost of repairing machinery and equipment, etc procurement of retail equipment, increasing the volume of DIY repair work, reducing outsourcing; operating equipment to avoid peak hours to save electricity costs....

Complete the dossier of procedures for extending the tax payment deadline to be extended, postponed and extended the payable taxes in accordance with the provisions of Decree No. 64/2024/ND-CP dated June 17, 2024, helping the Company have more cash flow to maintain production.

Working with banks to arrange capital for the project and applying preferential interest rate policies, reducing financial costs for the Company.

Equity is preserved, fully fulfilling the obligation to pay taxes and fees to the state budget.

Hoạt động đầu tư và thực hiện các dự án

Nhóm dự án mỏ nguyên liệu: Triển khai công tác xây dựng cơ bản mỏ.

Nhóm dự án Nâng cao năng lực sản xuất: thực hiện đánh giá, rà soát lại nhu cầu, xây dựng tiến độ triển khai các dự án phù hợp với tốc độ phát triển và nhu cầu của thị trường.

Nhóm dự án nhiệt khí thải: Triển khai lựa chọn nhà thầu thi công các gói thầu dự án NM Bình Phước. Lập phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Nhà máy Kiên Lương.

Công tác tổ chức lao động

Số lao động năm 2024 là 2.428 người. Mức lương lao động trung bình thực hiện năm 2024 là 20,85 triệu đồng/người/tháng.

Thực hiện sắp xếp, luân chuyển, điều động lao động phù hợp với trình độ chuyên môn nhằm tăng năng suất lao động, đảm bảo người lao động có công việc ổn định, yên tâm công tác và củng cố tinh thần lao động cho Công ty; công tác tuyển dụng thay thế nghỉ hưu, nghỉ việc trong năm chỉ được thực hiện cho các vị trí thực sự cần thiết, trên cơ sở cân đối lao động phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2024, trước bối cảnh khó khăn chung của thị trường, rất nhiều doanh nghiệp phải cắt giảm lao động, giảm giờ làm, giảm và nợ lương người lao động..., nhưng VICEM Hà Tiên luôn cố gắng đảm bảo việc làm, thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, bảo hiểm cho người lao động. Tiền lương bình quân của Người lao động là 20,85 triệu đồng/người/tháng.

Nhóm dự án khác: Hoàn thành lắp đặt hệ thống thu phí tự động không dừng Dự án BOT xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu (Trạm thu phí BOT Phú Hữu), thuộc phường Phú Hữu, thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh. Triển khai thu phí từ ngày 17/9/2024.

Thực hiện các chương trình đào tạo kỹ năng quản lý, lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ cấp trung; tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề về nghiệp vụ, kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động, chuẩn bị kỹ năng cho đội ngũ kế thừa. Số lượt đào tạo 4.717 người với 176 khóa học; có 22 cán bộ tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sỹ do Công ty tổ chức.

Xây dựng và ban hành Bộ Quy tắc ứng xử và Sổ tay văn hóa VICEM Hà Tiên nhằm giữ gìn và phát huy được bản sắc VICEM Hà Tiên và là kim chỉ nam để mỗi cá nhân trong VICEM Hà Tiên áp dụng một cách hiệu quả những chuẩn mực ứng xử văn minh, lịch sự, tuân thủ pháp luật, giúp cho các cá nhân tự hoàn thiện, phát huy hết khả năng của mình để tạo dựng hình ảnh và củng cố tinh thần cho sự phát triển của công ty.

Investment activities and implementation of projects

Raw material mine project group: Implementing the basic construction of the mine.

The project group of Improving production capacity: assessing and reviewing demand, building the progress of implementing projects in accordance with the development speed and market demand.Group of exhaust gas thermal projects: Implementing the selection of contractors for the bidding packages of the Binh Phuoc nuclear power plant. Preparing and approving investment policies and plans for selecting contractors for the Kien Luong nuclear power plant project.

Labor organization

The number of employees in 2024 is 2,428 people. The average labor salary implemented in 2024 is 20.85 million VND/person/month.

Arrangement, rotation and dispatch of employees in accordance with professional qualifications in order to increase labor productivity, ensure that employees have stable jobs, work with peace of mind and contribute labor to the Company; the recruitment of replacement for retirement and resignation in the year is only carried out for really necessary positions, on the basis of labor balance in accordance with the production and business plan.

In 2024, in the context of general difficulties of the market, many businesses have to cut labor, reduce working hours, reduce and owe employees' salaries..., but Vicem Ha Tien always tries to ensure jobs, fully and promptly implement the regimes and policies on wages, etc bonuses, shift meals, insurance for employees. The average salary of employees is 20.85 million VND/person/month.

Other project groups: Completing the installation of a non-stop automatic toll collection system BOT project to build a connecting road from Nguyen Duy Trinh Street to Phu Huu Industrial Park (Phu Huu BOT Toll Station), in Phu Huu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City. Implementing toll collection from September 17, 2024.

Implementing management and leadership skills training programs for mid-level cadres; organize specialized training courses on professional and technical skills to improve the qualifications and skills of employees, prepare skills for the successor team. The number of training sessions is 4,717 people with 176 courses; there are 22 graduates of the master's training program organized by the Company.

Develop and promulgate the Code of Conduct and Cultural Manual of VICEM Ha Tien in order to preserve and promote the identity of VICEM Ha Tien and serve as a guideline for each individual in VICEM Ha Tien to effectively apply civilized standards of conduct, polite, law-abiding, helping individuals improve themselves, promote their full potential to create an image and contribute to the development of the company.

Công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

Rà soát, cập nhật lại Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh 5 năm và điều chỉnh lại tiến độ thực hiện, triển khai các dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất kinh doanh và gia tăng tính hiệu quả, khả thi của các dự án đầu tư.

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, năm 2024 VICEM Hà Tiên tiếp tục rà soát và xây dựng Đề án tái cơ cấu của Công ty giai đoạn 2021 – 2025 bám sát các định hướng Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty Xi măng Việt nam giai đoạn 2021 – 2025 đã được Bộ Xây dựng phê duyệt.

Hoạt động An toàn và Môi trường

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Người lao động được huấn luyện, tham gia các khóa đào tạo về An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo quy định và được trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động. Thực hiện kiểm định định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

Các chỉ số khí thải phát tán ra môi trường tại Nhà máy/Trạm nghiền trung bình trong năm 2024 đều đảm bảo thấp hơn yêu cầu của QCVN 23:2009/BTNMT.

Triển khai chương trình chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp đảm bảo phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm chi phí theo NQ số 1166-NQ/ĐU ngày 29/11/2022 của Đảng ủy

Đề án tái cơ cấu của VICEM Hà Tiên tập trung vào ngành nghề kinh doanh cốt lõi xi măng; Đa dạng hóa sản phẩm để cạnh tranh ở mọi phân khúc nhưng hạn chế ảnh hưởng tới sản phẩm truyền thống, có hiệu quả cao; tăng độ phủ, thị phần; mở rộng tìm kiếm, đa dạng hóa thị trường, khách hàng xuất khẩu; Nâng cao năng lực sản xuất, áp dụng khoa học để nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường; triển khai chương trình kinh tế tuần hoàn; Thực hiện tự động hóa, số hóa các công đoạn trong sản xuất; ứng dụng cuộc Cách mạng CN 4.0 trong quản trị doanh nghiệp.

Nồng độ bụi của các ống khói khí thải khu vực làm nguội, lò nung dao động từ 9 đến 35 mg/Nm3. Các ống khói của các máy nghiền và các điểm có phát sinh bụi đều < 30 mg/Nm3.

Công ty thường xuyên duy trì cải tạo chỉnh trang khuôn viên cây xanh, trồng cây phủ xanh các khu vực đất trống, tỷ lệ cây xanh trên diện tích mặt bằng toàn nhà máy/trạm nghiền năm 2024 cụ thể như sau: NM Bình Phước 56,66%; NM Kiên Lương 36,50%; TN Phú Hữu 32,85%; TN Long An 45,59%; TN Cam Ranh 33,73%.

Tổng công ty Xi măng Việt Nam về chuyên đề “Chuyển đổi số trong Tổng công ty Xi măng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Corporate restructuring

Review and update the 5-year Production and Business Plan and adjust the implementation schedule, implement investment projects to improve production capacity to suit the actual situation in order to improve the efficiency of production and business administration and increase efficiency. feasibility of investment projects.

Along with promoting production, business and development investment, in 2024, VICEM Ha Tien will continue to review and develop the Company's restructuring project for the period of 2021 – 2025 in accordance with the orientations of the restructuring project of Vietnam Cement Corporation for the period of 2021 – 2025 approved by the Ministry of Construction.

Safety & Environmental Operations

Strictly comply with the provisions of the law on occupational safety and health, fire and explosion prevention and fighting. Employees are trained, participate in training courses on occupational safety and health, fire and explosion prevention according to regulations and are fully equipped with labor protection equipment. Perform periodic inspection of equipment with strict requirements on occupational safety.

The emission indicators emitted to the environment at the average mill/crushing plant in 2024 are lower than the requirements of QCVN 23:2009/BTNMT.

Implementing a digital transformation program

Continue to implement the application of information technology in production and business and corporate governance to ensure appropriateness, efficiency, and cost savings according to Decree No. 1166-NQ/ĐU dated November 29, 2022 of the Party

The restructuring project of VICEM Ha Tien focuses on the core business line of cement; Diversify products to compete in all segments but limit the impact on traditional and highly effective products; increase coverage and market share; expanding search and diversification of export markets and customers; Improve production capacity, apply science to improve product quality, save resources and protect the environment; implementing the circular economy program; Automate and digitize stages in production; application of the Industrial Revolution 4.0 in corporate governance.

The dust concentration of the exhaust gas flues in the cooling area and furnaces ranges from 9 to 35 mg/Nm3. The chimneys of the crushers and the points where dust is generated are all < 30 mg/Nm3.

The company regularly maintains the renovation and embellishment of the green campus, planting trees to cover vacant land areas, the ratio of trees to the ground area of the whole plant/crushing station in 2024 is as follows: Binh Phuoc Plant 56.66%; Kien Luong Plant 36.50%; Phu Huu National Park 32.85%; Long An National Park 45.59%; Cam Ranh National Park 33.73%.

Committee of Vietnam Cement Corporation on the topic "Digital transformation in Vietnam Cement Corporation to 2025, orientation to 2030".

Hoạt động đối với cộng đồng địa phương

Mặc dù tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua còn gặp nhiều khó khăn nhưng các hoạt động chăm lo cho đoàn viên, Người lao động và công tác từ thiện xã hội luôn được quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện thường xuyên với nhiều hình thức thiết thực, đa dạng thể hiện tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết.

Trong năm, công ty đã chi 33,28 tỷ đồng cho các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội, gồm các chương trình như:

- Ủng hộ quỹ an sinh xã hội: 8.000.000.000 đồng
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo: 33.000.000 đồng
- Công trình xây dựng ủng hộ địa phương: 25.226.580.000 đồng
- Phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng: 16.000.000 đồng

Các khó khăn tồn tại ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và nguyên nhân của khó khăn tồn tại

Các khó khăn, tồn tại

Xu hướng người tiêu dùng sử dụng xi măng giá rẻ để tiếp giảm chi phí xây dựng: Chênh lệch giá bán của VICEM Hà Tiên với các xi măng giá rẻ tại địa phương từ 300.000 – 400.000 đồng/tấn; ngay cả, Insee – cùng phân khúc giá cao – cũng thấp hơn khoảng 100.000 đồng/tấn nên khi thu nhập giảm, người tiêu dùng chuyển sang sử dụng xi măng giá rẻ làm ảnh hưởng đến sản lượng VICEM Hà Tiên.

Do thị trường miền Nam có nền giá bán cao nên khi xuất khẩu khó khăn, lượng xi măng, clinker dư thừa từ phía Bắc tràn vào với giá bán rất thấp, thấp hơn VICEM Hà Tiên từ 185.000 - 470.000 đồng/tấn làm tăng áp lực cạnh tranh, kéo giá thu về chung của địa bàn giảm xuống. Vissai, Xuân Thành ... cũng chọn kênh dự án để tiếp cận với mức giá thấp hơn VICEM Hà Tiên từ 100.000 – 150.000 đồng/tấn.

Có hơn 30 loại vỏ bao có gắn liền chữ “HÀ TIÊN” của các nhãn hiệu giá rẻ nhằm nhái thương hiệu “VICEM HÀ TIÊN”. Trước đây, chỉ tập trung tại Tây Nam Bộ, thì năm 2024, đã tràn vào thị trường Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Tình hình xuất khẩu hàng may mặc, giày da, giấy, nhựa, hạt điều... vẫn đang thấp, do đó sản lượng rác công nghiệp, rác nông nghiệp giảm nhiều.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương của Nhà Nước về phát triển kinh tế tuần hoàn, nhiều đơn vị sản xuất đã tăng cường sử dụng nhiên liệu thay thế dẫn đến nguồn cung ngày càng giảm.

Liên quan đến công tác thu phí đường bộ BOT Phú Hữu: VICEM Hà Tiên đã làm việc với Sở Giao thông Vận tải TP.Hồ Chí Minh để mở rộng đối tượng miễn giảm liên quan phản ánh cũng như yêu cầu của người dân yêu cầu không thu phí đối với tất cả các xe của người dân và các xe phục vụ hoạt động, đời sống cư dân nhưng chưa nhận được ý kiến phản hồi nên công tác xác định các xe phục vụ dân cư còn khó khăn và phức tạp.

Đơn giá tính tiền thuê đất các khu đất ở TP.Hồ Chí Minh, Kiên Giang chu kỳ 2020-2024 tăng cao, làm gia tăng tiền nộp thuế, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Activities for local communities

Although the situation of the Company's production and business activities in the past year still faces many difficulties, activities to take care of union members, employees and social charity work are always paid attention to and directed and implemented regularly in many practical forms. diversity expresses the spirit of mutual affection and solidarity.

Existing difficulties affecting production and business results in 2024 and the causes of existing difficulties

Difficulties and existence

The trend of consumers using cheap cement to reduce construction costs: The difference in selling price of Vicem Ha Tien with local cheap cement is from 300,000 to 400,000 VND/ton; even, Insee – in the same high-price segment – is also about 100,000 VND/ton lower, so when income decreases, consumers switch to using cheap cement, affecting Vicem Ha Tien's output.

Due to the high selling price of the Southern market, when it is difficult to export, the excess cement and clinker from the North flooded in with a very low selling price, lower than Vicem Ha Tien from 185,000 to 470,000 VND/ton, increasing competitive pressure, dragging down the overall revenue price of the area. Vissai, Xuan Thanh ... also chose the project channel to access a lower price than Vicem Ha Tien from 100,000 to 150,000 VND/ton.

There are more than 30 types of cases with the word "HA TIEN" attached to low-cost brands to imitate the brand "VICEM HA TIEN". Previously, it was only concentrated in the Southwest, but in 2024, it has spilled into the Southeast and South Central - Central Highlands markets.

During the year, the company spent VND 33.28 billion on charity and social security activities, including programs such as:

- Support for social security fund: 8,000,000,000 VND
- Supporting the fund for the poor: 33,000,000 VND
- Construction works supporting localities: 25,226,580,000 VND
- Supporting Vietnamese Heroic Mother: 16,000,000 VND

The export situation of garments, leather shoes, paper, plastic, cashew nuts... is still low, so the output of industrial waste and agricultural waste has decreased a lot.

In addition, implementing the State's policy on circular economy development, many production units have increased the use of alternative fuels, leading to a decreasing supply.

Regarding the toll collection of BOT Phu Huu road: VICEM Ha Tien has worked with the Department of Transport of Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City, in order to expand the relevant exemption and reduction subjects, reflects as well as the request of the people to request not to collect tolls for all vehicles of the people and vehicles serving the activities and lives of residents but has not received feedback, so the identification of vehicles serving the population is still difficult and complicated.

The unit price of calculating land rent for land plots in Ho Chi Minh City. Ho Chi Minh City, Kien Giang in the 2020-2024 cycle will increase, increasing tax payments, affecting the Company's business results.

Nguyên nhân của các khó khăn, tồn tại

Do độ mở của nền kinh tế lớn, kinh tế Việt Nam trở nên nhạy cảm với các biến động từ bên ngoài, chịu ảnh hưởng nhiều của kinh tế - tài chính thế giới, biến động giá nguyên vật liệu và khủng hoảng năng lượng tại một số quốc gia, chiến tranh, lạm phát.... nên các chính sách điều hành trong nước như tài khóa, tiền tệ, thương mại,... chứa đựng nhiều yếu tố khó lường, ảnh hưởng đến dự báo cũng như việc thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty.

Thị trường bất động sản trầm lắng, các dự án xây dựng từ nguồn đầu tư công chậm giải ngân, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ của xi măng trong nước. Sự gia tăng nhu cầu của ngành xi măng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như giá cả, chính sách, tình hình thời tiết và sự phát triển của các ngành khác...mà trong quá trình lập kế hoạch cũng như quá trình thực hiện kế hoạch chưa dự báo hết.

Kế hoạch năm 2025

Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt và là năm tăng tốc, bứt phá về đích, năm cuối thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2021-2025). Tuy nhiên, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng khoảng 8%-10%; CPI bình quân khoảng 4,5%; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng 24,1%.

Các thủ tục đầu tư phải thực hiện qua nhiều bước, mất nhiều thời gian, vượt quá thời gian dự kiến ban đầu. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất tại các dự án đều bị chậm do các hộ dân không đồng ý đơn giá bồi thường.

Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt, ảnh hưởng đến việc đổi tên mới trên hồ sơ pháp lý của các khu đất nên không được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất trong các năm từ 2021-2024.

Do những ảnh hưởng chung của kinh tế thế giới, nhiều ngành nghề như vật liệu xây dựng, may mặc, giày da... phải thu hẹp quy mô sản xuất, gây thiếu hụt nguồn xử lý cao, vải vụn, đế giày... so với nhu cầu sử dụng của công ty.

Năm 2025, ngành xi măng có nhiều tín hiệu tốt lên. Những khó khăn của ngành được Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc, thị trường cuối năm 2024 đã có chuyển động tích cực hơn. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; thị trường bất động sản có dấu hiệu phục hồi tích cực.

Causes of difficulties, existing

Due to the openness of the large economy, Vietnam's economy has become sensitive to external fluctuations, greatly influenced by the world economy and finance, fluctuations in raw material prices and energy crises in some countries, wars, inflation, etc. so domestic operating policies such as fiscal, monetary, and trade,... contain many unpredictable factors, affecting the forecast as well as the company's production and business performance.

The real estate market is quiet, construction projects from public investment are slow to disburse, directly affecting the consumption demand of cement in the country. The increase in demand of the cement industry is affected by factors such as prices, policies, weather situation and the development of other industries... but in the planning process as well as the process of implementing the plan, it has not been fully forecasted.

Plan for 2025

Forecast of the macroeconomic situation in 2025

The year 2025 has special significance and is the year of acceleration and breakthrough to the finish line, the last year of implementing the 5-year socio-economic development plan (2021-2025). However, it is forecasted that potential risks from the world economy still exist and continue to impact Vietnam's economic growth. The Government aims to increase GDP by about 8%-10%; The average CPI is about 4.5%; the proportion of the processing and manufacturing industry in GDP reached about 24.1%.

Investment procedures must be carried out in many steps, take a long time, and exceed the originally expected time. The compensation for site clearance and land recovery at projects are delayed because households do not agree to the compensation unit price.

The plan to rearrange and handle the Company's houses and land has not yet been approved by the competent authority, affecting the new name change on the legal documents of the land plots, so they are not entitled to preferential policies on land rent exemption and reduction in the years from 2021-2024.

Due to the general effects of the world economy, many industries such as building materials, garments, leather shoes... had to reduce the scale of production, causing a shortage of blast furnace slag, scrap fabrics, shoe soles... compared to the company's needs.

In 2025, the cement industry will have many signs of improvement. The difficulties of the industry are directly directed by the Prime Minister, removing obstacles, and the market at the end of 2024 has made a more positive movement. Investment in the construction of technical infrastructure, transport and irrigation; the real estate market showed signs of positive recovery.

Tuy nhiên thị trường xi măng dự báo tiếp tục mất cân đối do cung vẫn vượt cầu (tổng công suất thiết kế toàn ngành đến cuối năm 2024 là 125,64 triệu tấn); xuất khẩu cũng sẽ gặp nhiều thách thức do nhu cầu thế giới giảm, xu hướng bảo hộ ngành sản xuất trong nước của các quốc gia và cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xi măng ngày càng gia tăng. Với đà đầu tư vào xây dựng nhà ở xã hội, cơ sở hạ tầng và sự phục hồi của ngành xây dựng, thị trường xi măng nội địa năm 2025 dự báo tăng trưởng khoảng 3% -6% so với năm 2024.

Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025

Với những kết quả đã đạt được trong năm 2024, trên cơ sở khả năng huy động thiết bị cho sản xuất và dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng, clinker, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty thống nhất xây dựng mục tiêu đầy thách thức và quyết tâm cao về kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2025, như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	(+)/(-)% Kế hoạch 2025 so với thực hiện năm 2024
I	Mục tiêu tiêu thụ	Tấn	6.370.000	6.072.844	4,9%
1	Tiêu thụ xi măng		5.830.000	5.454.031	6,9%
	Nội địa		5.750.000	5.384.194	6,8%
	Xuất khẩu		80.000	69.837	14,6%
2	Gia công xi măng		10.000	6.006	66,5%
3	Tiêu thụ clinker		530.000	612.807	-13,5%
II	Mục tiêu sản xuất	Tấn	10.115.000	9.421.894	7,4%
1	Xi măng		5.840.000	5.451.808	7,1%
	+ Tự sản xuất, trong đó gia công cho:		5.660.000	5.274.178	7,3%
	++ Vicem Hoàng Mai		5.000	3.452	44,9%
	++ Xi măng Hạ Long		5.000	2.554	95,8%
	+ Thuê gia công		180.000	177.630	1,3%

However, the cement market is forecast to continue to be unbalanced due to supply still exceeding demand (the total design capacity of the whole industry by the end of 2024 is 125.64 million tons); Exports will also face many challenges due to declining world demand, the trend of protecting the domestic manufacturing industry of countries and increasing competition among cement enterprises. With the momentum of investment in social housing construction, infrastructure and the recovery of the construction industry, the domestic cement market in 2025 is forecast to grow by about 3%-6% compared to 2024.

Plan for production, business and investment activities in 2025

With the results achieved in 2024, on the basis of the ability to mobilize equipment for production and forecast the demand for cement and clinker, the Board of Directors, the Board of Directors and all

The growth rate is still modest due to weak market support factors in the first half of the year and the specific level depends on the speed of public investment disbursement and the speed of implementation of infrastructure construction projects.

The selling price of cement is unlikely to tend to adjust upwards because supply still outstrips demand. Manufacturers will find ways to compete for market share. Cheap and counterfeit cement... continues to be a challenge for traditional cement brands.

employees of the Company agreed to build challenging goals and high determination on the annual production and business and investment plan 2025, as follows:

No	Content	Unit	Plan 2025	Implementati on 2024	(+)/(-)% of the 2025 plan compared to the implementation in 2024
I	Target consumption	Ton	6,370,000	6,072,844	4.9%
1	Cement consumption		5,830,000	5,454,031	6.9%
	Hinterland		5,750,000	5,384,194	6.8%
	Export		80,000	69,837	14.6%
2	Cement Processing		10,000	6,006	66.5%
3	Clinker consumption		530,000	612,807	-13.5%
II	Production Target	Ton	10,115,000	9,421,894	7.4%
1	Cement		5,840,000	5,451,808	7.1%
	+ Self-property, which is processed for:		5,660,000	5,274,178	7.3%
	++ Vicem Hoang Mai		5,000	3,452	44.9%
	++ Ha Long Cement		5,000	2,554	95.8%
	+ Outsourcing		180,000	177,630	1.3%

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	(+)/(-)% Kế hoạch 2025 so với thực hiện năm 2024
2	Clinker		4.275.000	3.970.086	7,7%
	<i>Tự sản xuất</i>		3.600.000	3.932.822	-8,5%
	<i>Mua ngoài</i>		675.000	37.264	1711,4%
III	Mục tiêu tài chính				
1	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu VNĐ	7.162.082	6.904.265	3,7%
	+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.155.272	6.884.246	3,9%
	+ Doanh thu hoạt động tài chính		6.810	8.822	-22,8%
	+ Thu nhập khác		0	11.198	-100,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VNĐ	230.000	80.437	185,9%
	Lợi nhuận trước thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá		230.000	79.557	189,1%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VNĐ	184.000	60.099	206,2%
	Lợi nhuận sau thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá		184.000	59.219	210,7%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế chưa tính chênh lệch tỷ giá trên vốn chủ sở hữu	%	3,89%	1,25%	210,7%
5	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu VNĐ	417.275	355.649	17,3%
6	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	0	
IV	Mục tiêu Đầu tư xây dựng				
1	Khối lượng	Triệu VNĐ	505.646	74.308	580,5%
2	Thanh toán	Triệu VNĐ	435.079	126.351	244,3%

Ghi chú:
+ Số liệu 2024 được trích từ Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán.
+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2025 của VICEM nói chung và của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên nói riêng đã được VICEM báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng phê duyệt theo quy định; sau khi Bộ Xây dựng phê duyệt, nếu có sự thay đổi, VICEM sẽ điều chỉnh sau.
+ Vốn chủ sở hữu tại chỉ tiêu nêu trên được xác định theo số dư hiện có tại thời điểm 31/12/2024, bao gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu + Quỹ đầu tư phát triển + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

No	Content	Unit	Plan 2025	Implemen- tation 2024	(+)/(-)% of the 2025 plan compared to the implementation in 2024
2	Clinker		4,275,000	3,970,086	7.7%
	<i>Self-production</i>		3,600,000	3,932,822	-8.5%
	<i>Buy out</i>		675,000	37,264	1711.4%
III	Financial Goals				
1	Revenue and other income	Million VND	7,162,082	6,904,265	3.7%
	+ Net revenue from sales and provision of services		7,155,272	6,884,246	3.9%
	+ Revenue from financial activities		6,810	8,822	-22.8%
	+ Other incomes		0	11,198	-100.0%
2	Profit before tax	Million VND	230,000	80,437	185.9%
	Profit before tax excluding exchange rate difference		230,000	79,557	189.1%
3	Profit after tax	Million VND	184,000	60,099	206.2%
	Profit after tax before exchange rate difference		184,000	59,219	210.7%
4	Profit margin after tax excluding exchange rate difference on equity	%	3.89%	1.25%	210.7%
5	Remittance to the state budget	Million VND	417,275	355,649	17.3%
6	Expected dividend payout ratio	%	0	0	
IV	Construction Investment Objectives				
1	Mass	Million VND	505,646	74,308	580.5%
2	Abate	Million VND	435,079	126,351	244.3%

Notes:
+ The 2024 data is extracted from the 2024 separate financial statements of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company which has been audited by Deloitte Vietnam Auditing Co., Ltd.
+ The production, business, and construction investment plan in 2025 of VICEM in general and of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company in particular has been reported by VICEM and proposed to the Ministry of Construction for approval according to regulations; after the Ministry of Construction approves, if there is a change, VICEM will adjust later.
+ The equity at the above target is determined according to the existing balance as of December 31, 2024, including: Owner's investment capital + Development investment fund + Capital investment in capital construction.

Tình hình tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con: Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	% năm 2024 so với năm 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	-	-	-
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,68	0,62	91,3%
3	Tổng tài sản	Tỷ đồng	27,45	28,05	102,2%
4	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	27,26	27,88	102,3%

Tình hình tài chính năm 2024

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

1. Tổng tài sản đến thời điểm 31/12/2024 là 8.223,4 tỷ đồng, giảm 400,4 tỷ đồng so với ngày đầu năm. Cụ thể trong đó:

- **Tài sản ngắn hạn** giảm 64,9 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu khoản mục:

+ Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 241,4 tỷ đồng;

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 97,1 tỷ đồng. Trong đó phải thu khách hàng giảm 38,7 tỷ đồng, trả trước người bán giảm 13,4 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn khác giảm 45 tỷ đồng;

+ Hàng tồn kho giảm 200,5 tỷ đồng;
+ Tài sản ngắn hạn khác giảm 9,6 tỷ đồng, trong đó chi phí trả trước ngắn hạn giảm 11,1 tỷ đồng, thuế giá trị gia tăng được khấu trừ tăng 1,5 tỷ đồng.

- **Tài sản dài hạn** giảm từ 6.654,9 tỷ đồng xuống 6.319,4 tỷ đồng, tương ứng giảm 335,5 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu do chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm.

2. Tổng nguồn vốn tại ngày 31/12/2024 là 8.223,4 tỷ đồng, trong đó:

- **Nợ phải trả** là 3.348 tỷ đồng, giảm 442,8 tỷ đồng so với đầu năm và chiếm tỷ lệ 41% tổng nguồn vốn. Trong đó phải trả người bán giảm 100,5 tỷ đồng (giảm 8,2%), vay ngắn hạn giảm 66,6 tỷ đồng (giảm 4,2%).

- **Vốn chủ sở hữu** ghi nhận 4.875,3 tỷ đồng, tăng 42,4 tỷ đồng so với đầu năm, chủ yếu do Lợi nhuận sau thuế năm 2024 tăng. Trong đó, Vốn góp của Chủ sở hữu: 3.815,899 tỷ đồng, Quỹ đầu tư phát triển: 918,346 tỷ đồng, Thặng dư vốn cổ phần: 70,877 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 60,446 tỷ đồng.

Financial situation

Investment in subsidiary

Subsidiary: Truong Tho Real Estate Development Investment Co., Ltd.

No.	Quota	Unit	In 2023	In 2024	% in 2024 compared to 2023
1	Net Revenue	Billion VND	-	-	-
2	Profit after tax	Billion VND	0.68	0.62	91.3%
3	Total assets	Billion VND	27.45	28.05	102.2%
4	Equity	Billion VND	27.26	27.88	102.3%

Financial situation in 2024

According to the Audited Financial Statements:

1. Total assets as of December 31, 2024 is VND 8,223.4 billion, down VND 400.4 billion compared to the first day of the year. Specifically:

- **Short-term assets** decreased by VND 64.9 billion. In which, the main items:

+ Cash and cash equivalents increased by VND 241.4 billion;

+ Short-term receivables decreased by VND 97.1 billion. In which, customer receivables decreased by VND 38.7 billion, prepayment to sellers decreased by VND 13.4 billion, other short-term receivables decreased by VND 45 billion;

+ Inventory decreased by VND 200.5 billion;

+ Other short-term assets decreased by VND 9.6 billion, of which short-term prepaid expenses decreased by VND 11.1 billion, deductible value-added tax increased by VND 1.5 billion.

- **Long-term assets** decreased from VND 6,654.9 billion to VND 6,319.4 billion, equivalent to a decrease of VND 335.5 billion compared to the beginning of the year, mainly due to depreciation of fixed assets in the year.

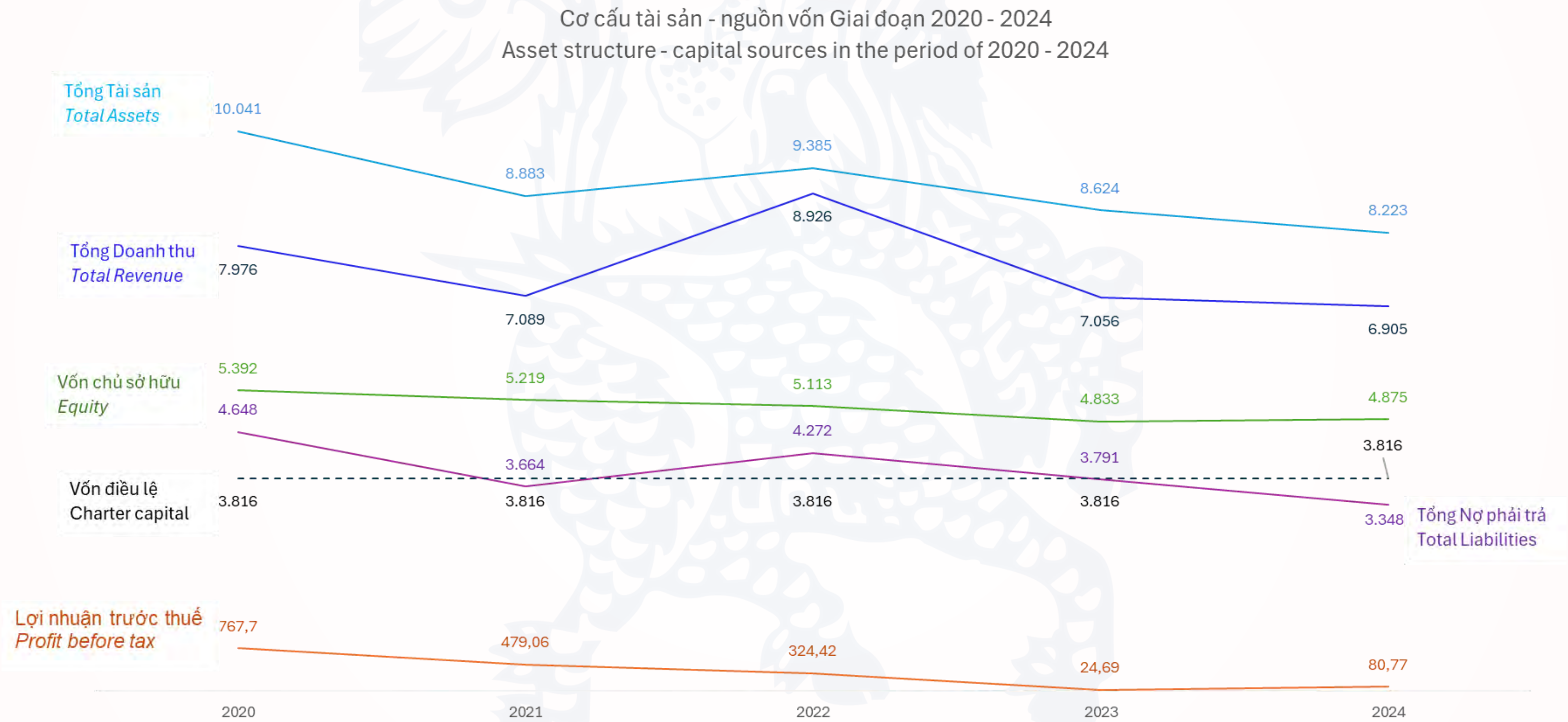
2. Total capital as of December 31, 2024 is VND 8,223.4 billion, of which:

- **Liabilities** were VND 3,348 billion, down VND 442.8 billion compared to the beginning of the year and accounting for 41% of total capital. In which, payable to sellers decreased by VND 100.5 billion (down 8.2%), short-term loans decreased by VND 66.6 billion (down 4.2%).

- **Equity** recorded VND 4,875.3 billion, an increase of VND 42.4 billion compared to the beginning of the year, mainly due to an increase in Profit after tax in 2024. In which, Owner's contributed capital: VND 3,815,899 billion, Development Investment Fund: VND 918,346 billion, Surplus share capital: VND 70,877 billion, Undistributed profit after tax is VND 60,446 billion.

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm 2024 là 60,146 tỷ đồng, tăng 42,418 tỷ đồng so với thực hiện năm 2023 (17,728 tỷ đồng). Nhìn chung, cơ cấu tài sản và nguồn vốn của VICEM Hà Tiên ở mức ổn định (đơn vị tính: tỷ đồng). Số liệu được trích từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Profit after tax Corporate income in 2024 is VND 60,146 billion, an increase of VND 42,418 billion compared to 2023 (VND 17,728 billion). In general, the asset structure and capital sources of VICEM Ha Tien are at a stable level (unit: billion VND). The figures are extracted from the audited Consolidated Financial Statements.



Với kết quả kinh doanh có lãi và quản lý tài chính chặt chẽ, năm 2024 các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đảm bảo tính hiệu quả và an toàn. Số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,50	0,42	0,56	0,52	0,57
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,35	0,24	0,31	0,30	0,38
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,46	0,41	0,46	0,44	0,41
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,86	0,70	0,84	0,78	0,69
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
+ Vòng quay hàng tồn kho	9,14	8,92	9,38	6,82	8,36
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,79	0,80	0,95	0,82	0,84
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,6%	5,3%	2,9%	0,3%	0,9%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,3%	7,0%	5,0%	0,4%	1,2%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,1%	4,2%	2,7%	0,2%	0,7%

With profitable business results and strict financial management, in 2024, financial indicators mainly ensure efficiency and safety. The figures are taken from the audited Consolidated Financial Statements.

Quota	In 2020	In 2021	In 2022	In 2023	In 2024
1. Solvency indicators					
+ Short-term payment coefficient	0.50	0.42	0.56	0.52	0.57
+ Fast payment coefficient	0.35	0.24	0.31	0.30	0.38
2. Indicators of capital structure					
+ Debt/Total Assets Ratio	0.46	0.41	0.46	0.44	0.41
+ Debt/Equity Ratio	0.86	0.70	0.84	0.78	0.69
3. Indicators of operational capacity					
+ Inventory turnover	9.14	8.92	9.38	6.82	8.36
+ Net Revenue/Total Assets	0.79	0.80	0.95	0.82	0.84
4. Indicators of profitability					
+ Profit after tax/Net revenue ratio	7.6%	5.3%	2.9%	0.3%	0.9%
+ Profit after tax/Equity ratio	11.3%	7.0%	5.0%	0.4%	1.2%
+ Profit after tax / Total assets ratio	6.1%	4.2%	2.7%	0.2%	0.7%

CHƯƠNG
03

Đánh giá của
Hội đồng Quản trị

- 93 Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị
- 93 Giám sát, đánh giá Tổng giám đốc và Ban Điều hành
- 95 Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

CHAPTER
03

Review of
The Board of Directors

- 94 Evaluation of the Board's performance
- 94 Supervision and evaluation the General Director and the Executive Board
- 96 Direction of the Board of Directors in 2025



Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động theo các nội dung đã được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị một cách tuân thủ, phù hợp và hiệu quả.
- Trên nguyên tắc hướng về kết quả, áp dụng linh hoạt các cách thức thực hành, từng thành viên Hội đồng Quản trị đã thực thi các nhiệm vụ một cách đầy đủ, kịp thời thông qua các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, cuộc họp sơ kết, tổng kết với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành; qua các Nghị quyết/Quyết nghị/Quyết định của Hội đồng Quản trị; qua các Báo cáo quản trị của Hội đồng Quản trị.
- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã hoạt động phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ; đề ra các chiến lược, kế hoạch để đưa Công ty vượt qua khó khăn thách thức. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị đã được thực thi nghiêm túc. Các thành viên Hội đồng Quản trị đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình.

Giám sát, đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị trong năm 2024 như sau:

- Phương thức giám sát: Hội đồng Quản trị sẽ đưa ra các nội dung mà Ban Điều hành phải chuẩn bị để trình bày/thảo luận tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Tại các cuộc họp, Hội đồng Quản trị đều soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành sẽ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, thành viên Hội đồng Quản trị thường xuyên trao đổi với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành về các nội dung, vấn đề quan tâm giám sát.
- Kết quả giám sát: với những kết quả đạt được trong năm 2024, một năm tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, năm 2024 cũng là năm Công ty có sự thay đổi nhân sự Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã có nỗ lực lớn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong năm 2024 với kết quả rất đáng khích lệ, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã làm tốt công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, và có trách nhiệm cao với các bên liên quan.

Evaluation of the Board's performance

- The Board of Directors has organized, implemented and implemented activities in accordance with the contents specified in the Charter, the Internal Regulation on Corporate Governance, and the Operation Regulation of the Board of Directors in a compliant, appropriate and effective manner.
- On the principle of being results-oriented, flexibly applying practice methods, each member of the Board of Directors has fully and promptly implemented the tasks through meetings of the Board of Directors, preliminary and summary meetings with the General Director and the Executive Board; through Resolutions/Resolutions/Decisions of the Board of Directors; through the Management Reports of the Board of Directors.
- In 2024, the Board of Directors has operated in accordance with the provisions of the Law and the Charter; set out strategies and plans to bring the Company to overcome difficulties and challenges. The contents under the responsibility and authority of the Board of Directors have been strictly implemented. Members of the Board of Directors are assessed to have completed their tasks well, been proactive and active in implementing their responsibilities.

Supervision and evaluation of the General Director and the Executive Board

Pursuant to the Company's Charter and the Company's Governance Regulations, the Board of Directors has supervised the activities of the General Director and the Executive Board in operating production and business and implementing the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in 2024 as follows:

- Supervision method: The Board of Directors will give the contents that the Board of Directors must prepare to present/discuss at the Board of Directors meeting. At meetings, the Board of Directors reviews the implementation of resolutions, the production and business situation of the quarter and accumulates, discusses and decides to approve resolutions for the General Director and the Executive Board as a basis for implementation. The General Director and the Executive Board will report the results to the Board of Directors. In addition, members of the Board of Directors regularly discuss with the General Director and the Executive Board about the contents and issues of concern and supervision.
- Monitoring results: with the results achieved in 2024, a year of unpredictable and unfavorable fluctuations in the world economic and political situation, 2024 is also the year when the Company has changed the personnel of the General Director, the Board of Directors evaluates that the General Director and the Board of Directors have made great efforts and successfully completed the assigned tasks in the year 2024 with very encouraging results, strictly complying with current legal regulations, the Charter and the Company's operating regulations. The General Director and the Executive Board have done a good job of managing production and business activities, and have high responsibility to stakeholders.

Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng Quản trị theo đúng Điều lệ Công ty, đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty và đúng với các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Hội đồng Quản trị duy trì họp ít nhất mỗi quý một lần, họp đột xuất hoặc lấy ý kiến luân phiên khi cần thiết để xem xét, giải quyết kịp thời, thỏa đáng những vấn đề thuộc thẩm quyền với tinh thần chủ động, linh hoạt nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu do Đại hội đồng Cổ đông đề ra.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy trình quản trị nội bộ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và chủ động điều hành hoạt động của Công ty.
- Triệt để thực hành tiết kiệm. Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Tập trung vào thị trường nội địa làm thị trường chính, chủ động có chính sách bán hàng phù hợp, linh hoạt, kịp thời, tiếp tục mục tiêu đẩy mạnh sản lượng, giữ vững và tăng thị phần tại các khu vực thị trường của Công ty. Tăng cường tiêu thụ xi măng vào các công trình, dự án lớn, công trình trọng điểm, nhà ở xã hội. Tiếp tục tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu trong giai đoạn thị trường nội địa đang tiếp tục dư cung.
- Đẩy mạnh công tác đổi mới, sáng tạo, các chương trình, giải pháp để tiết kiệm tài nguyên; sử dụng nguyên, nhiên liệu thay thế và sử dụng các chất thải của các ngành công nghiệp khác trong sản xuất clinker và xi măng nhằm giảm phát thải, giảm sử dụng nguồn nguyên liệu hóa thạch, tiết giảm chi phí, hạ giá thành và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục triển khai các chương trình đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào sản xuất và tiêu thụ.
- Cân đối hài hòa sản xuất và tiêu thụ, chủ động các phương án vận hành hiệu quả, giảm tồn kho sản phẩm, ứ đọng vốn.
- Về công tác đầu tư xây dựng, tập trung đẩy mạnh việc thực hiện :
 - + Các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng xanh (dự án tận dụng nhiệt khí thải để phát điện tại nhà máy xi măng Bình Phước, nhà máy xi măng Kiên Lương; lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà tại nhà máy xi măng Bình Phước, nhà máy xi măng Kiên Lương và trạm nghiền Phú Hữu) để giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, giảm chi phí năng lượng;
 - + Các dự án mỏ nguyên liệu (mỏ đá vôi Khoe Lá, mỏ đá vôi Núi Nai, mỏ đá Thanh Lương...) để đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất ổn định, lâu dài cho các nhà máy.
 - + Triển khai công tác quản lý, vận hành, thu phí dự án đường BOT Phú Hữu đảm bảo an toàn, hiệu quả, thu hồi vốn đầu tư theo quy định.

Direction of the Board of Directors in 2025

- Ensure the operation of the Board of Directors in accordance with the Company's Charter, resolutions of the Company's General Meeting of Shareholders and in accordance with current provisions of Vietnamese law.
- The Board of Directors shall maintain meetings at least once a quarter, irregular meetings or alternate opinions when necessary to consider and satisfactorily resolve issues under its jurisdiction in a proactive and flexible spirit in order to best implement the objectives set by the General Meeting of Shareholders.
- Continue to review, amend, supplement and promulgate internal management processes to facilitate the management and proactive administration of the Company's operations.
- Thoroughly practice thrift. Economical and efficient use of the Company's resources.
- Focusing on the domestic market as the main market, proactively having appropriate, flexible and timely sales policies, continuing the goal of boosting output, maintaining and increasing market share in the Company's market areas. Increase the consumption of cement in large works, projects, key works, and social housing. Continue to search for markets, promote exports in the period when the domestic market is continuing to be oversupplied.
- Promote innovation, creativity, programs and solutions to save resources; using raw materials and alternative fuels and using wastes of other industries in clinker and cement production in order to reduce emissions, reduce the use of fossil raw materials, reduce costs, lower costs and increase production and business efficiency.
- Continue to implement programs on technological innovation, technical improvement, and application of scientific and technical achievements of the industrial revolution 4.0 to production and consumption.
- Harmoniously balancing production and consumption, proactively operating effective plans, reducing product inventory, and capital stagnation.
- Regarding construction investment, focus on promoting the implementation of:
 - + Renewable energy and green energy projects (projects to take advantage of waste gas heat to generate electricity at Binh Phuoc cement plant, Kien Luong cement plant; install rooftop solar power systems at Binh Phuoc cement plant, Kien Luong cement plant and Phu Huu crushing station) to reduce greenhouse gas emissions, protecting the environment, reducing energy costs;
 - + Raw material mine projects (Khoe La limestone quarry, Nui Nai limestone quarry, Thanh Luong quarry...) to ensure a stable and long-term source of raw materials for production for factories.
 - + Implement the management, operation and toll collection of the Phu Huu BOT road project to ensure safety and efficiency, and recover investment capital according to regulations.

CHƯƠNG 04

Quản trị Công ty

- 99 Hội đồng Quản trị
- 111 Ban kiểm soát
- 115 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

- 100 Board of Directors
- 112 Supervisory Board
- 116 Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors and the Supervisory Board

CHAPTER 04

Corporate Governance



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 7 thành viên, trong đó, 02 thành viên là các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, chiếm 28,57% số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và 01 thành viên trực tiếp điều hành Công ty. Chi tiết thông tin của Thành viên Hội đồng Quản trị tại mục Hội đồng Quản trị trang 43 và 45.

Các phiên họp của Hội đồng Quản trị

Năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tiến hành họp 11 phiên. Trong đó, có 04 phiên họp mở rộng, bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các chi nhánh và Thủ trưởng các đơn vị phòng ban chuyên môn của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Số thành viên HĐQT tham dự trên tổng số thành viên HĐQT	Tỷ lệ biểu quyết
1	29/01/2024	Thông qua nội dung Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023.	7/7	100%
2	04/03/2024	Thông qua các nội dung: - Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng ước 2 tháng đầu năm và ước Quý I năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý II năm 2024. - Tình hình thực hiện Định mức kinh tế - kỹ thuật ước 2 tháng đầu năm và ước Quý I năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý II năm 2024. - Tình hình thực hiện chi phí sửa chữa thiết bị ước 2 tháng đầu năm và ước Quý I năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý II năm 2024. - Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. - Kế hoạch tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Công ty (21/03/2024).	6/7	100%
3	13/06/2024	Thông qua các nội dung: - Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng thực hiện Quý I năm 2024, ước Quý II và 6 tháng đầu năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý III năm 2024. - Tình hình thực hiện Định mức kinh tế - kỹ thuật Quý I năm 2024, ước Quý II và 6 tháng đầu năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý III năm 2024. - Tình hình thực hiện chi phí sửa chữa thiết bị Quý I năm 2024, ước Quý II và 6 tháng đầu năm 2024; Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý III năm 2024. - Đánh giá xếp loại, chất lượng Nhóm Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Xi măng Việt Nam tại VICEM Hà Tiên năm 2023.	7/7	100%

Board of Directors

The Board of Directors of the Company consists of 7 members, of which, 02 members are independent members of the Board of Directors, accounting for 28.57% of the number of members of the Board of Directors of the Company and 01 member directly managing the Company. Details of Board Members of the Board of Directors can be found on pages 43 and 45 of the Board of Directors.

Board Meetings

In 2024, the Board of Directors has held 11 meetings. In which, there are 04 extended sessions, including the Board of Directors, the Supervisory Board, the Board of General Directors, Directors of branches and Heads of professional departments of the Company. Specifically, as follows:

No	Meeting Date	Meeting content	Members of the Board of Directors attended	Voting Rate
1	January 29, 2024	Approving the content of the Company's Governance Report in 2023.	7/7	100%
2	March 04, 2024	Through the following contents: - Results of production, business and construction investment are estimated in the first 2 months of the year and estimated in the first quarter of 2024; Objectives, tasks and solutions for the implementation of the second quarter of 2024. - The implementation of economic-technical norms is estimated in the first 2 months of the year and estimated in the first quarter of 2024; Objectives, tasks and solutions for the implementation of the second quarter of 2024. - The implementation of equipment repair costs is estimated in the first 2 months of the year and estimated in the first quarter of 2024; Objectives, tasks and solutions for the implementation of the second quarter of 2024. - Plan to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2024. - Plan to organize the 60th Anniversary of the Company's establishment (21/03/2024).	6/7	100%
3	June 13, 2024	Through the following contents: - Results of production, business and construction investment in the first quarter of 2024, estimated in the second quarter and the first 6 months of 2024; Objectives, tasks and solutions for implementation in the third quarter of 2024. - The implementation of the economic-technical norms in the first quarter of 2024, estimated in the second quarter and the first 6 months of 2024; Objectives, tasks and solutions for implementation in the third quarter of 2024. - The implementation of equipment repair costs in the first quarter of 2024, estimated in the second quarter and the first 6 months of 2024; Objectives, tasks and solutions for implementation in the third quarter of 2024. - Evaluating the rating and quality of the Group of Capital Representatives of Vietnam Cement Corporation at Vicem Ha Tien in 2023.	7/7	100%

STT	Ngày họp	Nội dung họp	Số thành viên HĐQT tham dự trên tổng số thành viên HĐQT	Tỷ lệ biểu quyết
4	13/06/2024	Thông nhất giao quyền Tổng Giám đốc Công ty	7/7	100%
5	19/06/2024	Kế hoạch tổ chức và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024	7/7	100%
6	20/06/2024	Thông nhất thông qua chủ trương báo cáo Tổng công ty Xi măng Việt Nam kiện toàn Tổng Giám đốc VICEM Hà Tiên	6/7	100%
7	02/07/2024	Thông nhất cử cán bộ đi công tác	6/7	100%
8	30/07/2024	Thông qua nội dung Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2024	6/7	100%
9	30/07/2024	Thông nhất việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật	6/7	100%
10	13/09/2024	Thông qua các nội dung: - Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng thực hiện Quý II, 6 tháng đầu năm 2024; Ước thực hiện Quý III, 9 tháng và cả năm 2024. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý IV năm 2024. - Tình hình thực hiện Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện Quý II, 6 tháng đầu năm 2024; Ước thực hiện Quý III, 9 tháng và cả năm 2024. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý IV năm 2024. - Tình hình thực hiện chi phí sửa chữa thiết bị thực hiện Quý II, 6 tháng đầu năm 2024; Ước thực hiện Quý III, 9 tháng và cả năm 2024. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Quý IV năm 2024.	7/7	100%
11	13/12/2024	Thông nhất và ghi nhận các nội dung: - Kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng ước Quý IV và cả năm 2024. - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. - Dự án cải tạo Dây chuyền 1 – Nhà máy Xi măng Kiên Lương. - Mua sắm và lắp đặt hệ thống điện mặt trời mái nhà cho Nhà máy Xi măng Kiên Lương, Nhà máy Xi măng Bình Phước và Trạm nghiền Phú Hữu. - Nhân sự đại diện vốn của VICEM Hà Tiên tại Công ty TNHH Đầu tư phát triển Bất động sản Trường Thọ. - Bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ mới.	7/7	100%

No	Meeting Date	Meeting content	Members of the Board of Directors attended	Voting Rate
4	June 13, 2024	Unanimously assigning the Acting General Director of the Company	7/7	100%
5	June 19, 2024	Organizational plan and content of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024	7/7	100%
6	June 20, 2024	Agreed to approve the policy of reporting to Vietnam Cement Corporation to consolidate the General Director of Vicem Ha Tien	6/7	100%
7	July 02, 2024	Agree to send officials on business trips	6/7	100%
8	July 30, 2024	Approving the content of the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2024	6/7	100%
9	July 30, 2024	Agree on the change of legal representative	6/7	100%
10	September 13, 2024	Through the following contents: - Results of production, business and construction investment in the second quarter, the first 6 months of 2024; estimated implementation in the third quarter, 9 months and the whole year of 2024. Objectives, tasks and solutions for implementation in the fourth quarter of 2024. - The implementation of economic-technical norms in the second quarter of 2024, the first 6 months of 2024; It is estimated to be implemented in the third quarter, 9 months and the whole year of 2024. Objectives, tasks and solutions for implementation in the fourth quarter of 2024. - The implementation of equipment repair costs in the second quarter of 2024, the first 6 months of 2024; It is estimated to be implemented in the third quarter, 9 months and the whole year of 2024. Objectives, tasks and solutions for implementation in the fourth quarter of 2024.	7/7	100%
11	December 13, 2024	Agree and record the following contents: - Results of production, business and construction investment are estimated in the fourth quarter and the whole year of 2024. - Production and business plan in 2025. - Line 1 renovation project – Kien Luong Cement Factory. - Procurement and installation of rooftop solar power systems for Kien Luong Cement Plant, Binh Phuoc Cement Plant and Phu Huu Crushing Station. - Capital representative of Vicem Ha Tien at Truong Tho Real Estate Development Investment Co., Ltd. - Appoint a new Internal Audit Officer.	7/7	100%

Các nghị quyết và quy chế đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt

Tất cả các thành viên HĐQT thống nhất việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 03 Quy chế, cụ thể:

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/09/QĐ-HĐQT	05/09/2024	Quy chế Quản lý mua sắm hàng hóa dịch vụ
2	06/10/QĐ-HĐQT	07/10/2024	Quy chế quản lý cán bộ và người đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên
3	32/12/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng

Hội đồng Quản trị đã thông qua 11 Biên bản họp và 136 Nghị quyết luân chuyển/Nghị quyết/Quyết định.

STT	Số	Ngày	Nội dung
1	01/01/NQLC-HĐQT	03/01/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện của Nhà máy Xi măng Bình Phước.
2	02/01/QĐ-HĐQT	03/01/2024	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện của Nhà máy Xi măng Bình Phước.
3	02A/01/NQLC-HĐQT	03/01/2024	Chấp thuận chủ trương gia hạn hợp đồng gia công xi măng với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long.
4	03/01/NQLC-HĐQT	15/01/2024	Ý kiến về nội dung báo cáo điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên theo văn bản số 1702/VICEM-ĐTXD ngày 31/8/2023 của Tổng công ty Xi măng Việt Nam.
5	04/01/NQLC-HĐQT	15/01/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng năm 2024 với Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) và Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế
6	05/01/QĐ-HĐQT	15/01/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng năm 2024 với Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) và Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế
7	05A/01/NQLC-HĐQT	16/01/2024	Phê duyệt gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng vay mượn clinker với Công ty CP Xi măng Hạ Long
8	08/01/NQ-HĐQT	29/01/2024	Thống nhất nội dung và ban hành Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023
9	09/01/NQLC-HĐQT	29/01/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng gia công xi măng năm 2024 tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên - Trạm nghiền Cam Ranh với Công ty CP Xi măng Hạ Long và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
10	10/01/QĐ-HĐQT	29/01/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng gia công xi măng năm 2024 tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên - Trạm nghiền Cam Ranh với Công ty CP Xi măng Hạ Long và Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
11	01/02/NQLC-HĐQT	22/02/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng gia công xi măng năm 2024 với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
12	02/02/QĐ-HĐQT	22/02/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng gia công xi măng năm 2024 với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
13	03/02/NQLC-HĐQT	22/02/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
14	04/02/QĐ-HĐQT	22/02/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
15	02/03/NQ-HĐQT	04/03/2024	Họp Hội đồng quản trị lần thứ 53
16	03/03/NQ-HĐQT	04/03/2024	Phê chuẩn các nội dung thực hiện tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024

Resolutions and regulations approved by the Board of Directors

All members of the Board of Directors agreed to amend, supplement and promulgate a total of 03 new Regulations, specifically:

No	Decision Number	Date	Content
1	03/09/QĐ-HĐQT	September 05, 2024	Regulation on management of procurement of goods and services
2	06/10/QĐ-HĐQT	October 07, 2024	Regulation on management of officials and capital representatives of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
3	32/12/QĐ-HĐQT	December 30, 2024	Promulgating the Regulation on Assurance of Cyber Information Security

The Board of Directors has approved 11 Minutes of meetings and 136 Rotational Resolutions/Resolutions/Decisions

No	Decision Number	Date	Content
1	01/01/NQLC-HĐQT	January 03, 2024	Approving the plan to select contractors for the Project of Utilizing waste heat for power generation of Binh Phuoc Cement Plant.
2	02/01/QĐ-HĐQT	January 03, 2024	Approving the plan to select contractors for the Project of Utilizing waste heat for power generation of Binh Phuoc Cement Plant.
3	02A/01/NQLC-HĐQT	January 03, 2024	Approved the policy of extending the cement processing contract with Ha Long Cement One Member Co., Ltd.
4	03/01/NQLC-HĐQT	January 15, 2024	Opinions on the content of the report on adjustment of the plan for rearrangement and treatment of houses and land of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company according to document No. 1702/VICEM-DTXD dated August 31, 2023 of Vietnam Cement Corporation.
5	04/01/NQLC-HĐQT	January 15, 2024	Approving the policy of signing a contract in 2024 with Siam City Cement (Vietnam) Co., Ltd. and International Transport and Trade Joint Stock Company
6	05/01/QĐ-HĐQT	January 15, 2024	Approving the policy of signing a contract in 2024 with Siam City Cement (Vietnam) Co., Ltd. and International Transport and Trade Joint Stock Company
7	05A/01/NQLC-HĐQT	January 16, 2024	Approval of the extension of the time for the implementation of the clinker loan contract with Ha Long Cement Joint Stock Company
8	08/01/NQ-HĐQT	January 29, 2024	Agree on the content and issue the Corporate Governance Report in 2023
9	09/01/NQLC-HĐQT	January 29, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2024 at the Branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company - Cam Ranh Crushing Station with Ha Long Cement Joint Stock Company and Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company
10	10/01/QĐ-HĐQT	January 29, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2024 at the Branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company - Cam Ranh Crushing Station with Ha Long Cement Joint Stock Company and Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company
11	01/02/NQLC-HĐQT	February 22, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2024 with Ha Long Cement Company Limited
12	02/02/QĐ-HĐQT	February 22, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2024 with Ha Long Cement Company Limited
13	03/02/NQLC-HĐQT	February 22, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
14	04/02/QĐ-HĐQT	February 22, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
15	02/03/NQ-HĐQT	March 04, 2024	53rd Board Meeting
16	03/03/NQ-HĐQT	March 04, 2024	Approving the contents of organizing the Annual General Meeting of Shareholders in 2024

STT	Số	Ngày	Nội dung
17	04/03/NQLC-HĐQT	04/03/2024	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ
18	05/03/NQLC-HĐQT	19/03/2024	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
19	06/03/QĐ-HĐQT	19/03/2024	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
20	07/03/NQLC-HĐQT	22/03/2024	Cử người đại diện phần vốn của VICEM Hà Tiên tại Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng và Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
21	08/03/QĐ-HĐQT	22/03/2024	Cử người đại diện phần vốn của VICEM Hà Tiên tại Công ty Cổ phần Thạch cao Xi măng và Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
22	09/03/NQLC-HĐQT	27/03/2024	Chấp thuận chủ trương ký phụ lục hợp đồng gia công xi măng năm 2024 với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
23	10/03/QĐ-HĐQT	27/03/2024	Chấp thuận chủ trương ký phụ lục hợp đồng gia công xi măng năm 2024 với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
24	11/03/NQLC-HĐQT	27/03/2024	Luân chuyển và giao nhiệm vụ cho cán bộ quản lý
25	12/03/NQLC-HĐQT	28/03/2024	Chấp thuận chủ trương thanh lý tài sản cố định "Đường từ KPX1 ra núi Trầu" tại Nhà máy Xi măng Kiên Lương
26	01/04/NQLC-HĐQT	02/04/2024	Thông qua văn kiện họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024
27	02/04/NQLC-HĐQT	03/04/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
28	03/04/QĐ-HĐQT	03/04/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
29	04/04/NQLC-HĐQT	10/04/2024	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Kiên Lương
30	05/04/QĐ-HĐQT	10/04/2024	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Kiên Lương
31	06/04/NQLC-HĐQT	22/04/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
32	07/04/QĐ-HĐQT	22/04/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
33	08/04/NQLC-HĐQT	24/04/2024	Chấp thuận chủ trương lắp đặt hệ thống cối đập 2E2.CR03 cho Nhà máy Xi măng Bình Phước
34	01/05/NQLC-HĐQT	10/05/2024	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm cán bộ
35	02/05/NQLC-HĐQT	10/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
36	03/05/QĐ-HĐQT	10/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
37	04/05/NQLC-HĐQT	14/05/2024	Thỏa thuận bổ nhiệm cán bộ
38	05/05/NQLC-HĐQT	15/05/2024	Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023
39	06/05/NQLC-HĐQT	28/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng
40	07/05/QĐ-HĐQT	28/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xi măng
41	08/05/NQLC-HĐQT	29/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
42	09/05/QĐ-HĐQT	29/05/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
43	10/05/NQLC-HĐQT	30/05/2024	Chấp thuận phương án mua sắm gói "Cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên"
44	01/06/NQLC-HĐQT	12/06/2024	Chấp thuận tài trợ xi măng cho tỉnh Long An xây dựng tuyến đường giao thông nông thôn
45	02/06/NQLC-HĐQT	12/06/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Logistics Vicem
46	03/06/QĐ-HĐQT	12/06/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Logistics Vicem
47	04/06/NQLC-HĐQT	12/06/2024	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi núi Nai tại huyện Kiên Lương
48	05/06/QĐ-HĐQT	12/06/2024	Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi núi Nai tại huyện Kiên Lương
49	07/06/NQ-HĐQT	13/06/2024	Họp Hội đồng quản trị lần thứ 54
50	07B/06/NQLC-HĐQT	13/06/2024	Thôi chức vụ Tổng giám đốc Công ty
51	07C/06/QĐ-HĐQT	13/06/2024	Thôi chức vụ Tổng giám đốc Công ty
52	09/06/NQ-HĐQT	13/06/2024	Giao quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên
53	10/06/QĐ-HĐQT	13/06/2024	Giao quyền Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên
54	12/06/NQ-HĐQT	19/06/2024	Phê chuẩn các nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024

No	Decision Number	Date	Content
17	04/03/NQLC-HĐQT	March 04, 2024	Approving the policy of re-appointment of officials
18	05/03/NQLC-HĐQT	March 19, 2024	Establishment of the Organizing Committee of the Annual General Meeting of Shareholders in 2024
19	06/03/QĐ-HĐQT	March 19, 2024	Establishment of the Organizing Committee of the Annual General Meeting of Shareholders in 2024
20	07/03/NQLC-HĐQT	March 22, 2024	Appointing a representative of Vicem Ha Tien's capital at Gypsum Cement Joint Stock Company and Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
21	08/03/QĐ-HĐQT	March 22, 2024	Appointing a representative of Vicem Ha Tien's capital at Gypsum Cement Joint Stock Company and Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
22	09/03/NQLC-HĐQT	March 27, 2024	Approval of the policy of signing an appendix to the cement processing contract in 2024 with Ha Long Cement Company Limited
23	10/03/QĐ-HĐQT	March 27, 2024	Approval of the policy of signing an appendix to the cement processing contract in 2024 with Ha Long Cement Company Limited
24	11/03/NQLC-HĐQT	March 27, 2024	Rotation and assignment of tasks to managers (Deputy Director of TNCR)
25	12/03/NQLC-HĐQT	March 28, 2024	Approval of the policy of liquidation of fixed assets "Road from KPX1 to Betel Mountain" at Kien Luong Cement Factory
26	01/04/NQLC-HĐQT	April 02, 2024	Approval of the document of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders
27	02/04/NQLC-HĐQT	April 03, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
28	03/04/QĐ-HĐQT	April 03, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
29	04/04/NQLC-HĐQT	April 10, 2024	Approval of the investment policy of the project Taking advantage of waste heat for power generation - Kien Luong Cement Plant
30	05/04/QĐ-HĐQT	April 10, 2024	Approval of the investment policy of the project Taking advantage of waste heat for power generation - Kien Luong Cement Plant
31	06/04/NQLC-HĐQT	April 22, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
32	07/04/QĐ-HĐQT	April 22, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
33	08/04/NQLC-HĐQT	April 24, 2024	Approve the policy of installing the 2E2 dam mortar system. CR03 for Binh Phuoc Cement Plant
34	01/05/NQLC-HĐQT	May 10, 2024	Approving the policy of appointing officials
35	02/05/NQLC-HĐQT	May 10, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
36	03/05/QĐ-HĐQT	May 10, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
37	04/05/NQLC-HĐQT	May 14, 2024	Agreement on appointment of officials
38	05/05/NQLC-HĐQT	May 15, 2024	Deduction of the Reward Fund and the Welfare Fund from after-tax profits in 2023
39	06/05/NQLC-HĐQT	May 28, 2024	Approval of the policy of signing a contract with the Cement Engineering Vocational Intermediate School
40	07/05/QĐ-HĐQT	May 28, 2024	Approval of the policy of signing a contract with the Cement Engineering Vocational Intermediate School
41	08/05/NQLC-HĐQT	May 29, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
42	09/05/QĐ-HĐQT	May 29, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
43	10/05/NQLC-HĐQT	May 30, 2024	Approval of the procurement plan of the package "Providing financial statement review services for the 6-month operating period ending june 06, 2024 and auditing the financial statements for the financial year ending december 31, 2024 of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company"
44	01/06/NQLC-HĐQT	June 12, 2024	Approval of cement financing for Long An province to build rural roads
45	02/06/NQLC-HĐQT	June 12, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Logistics Joint Stock Company
46	03/06/QĐ-HĐQT	June 12, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Logistics Joint Stock Company
47	04/06/NQLC-HĐQT	June 12, 2024	Approving the adjustment of the investment project on construction of Nai mountain limestone quarry in Kien Luong district
48	05/06/QĐ-HĐQT	June 12, 2024	Approving the adjustment of the investment project on construction of Nai mountain limestone quarry in Kien Luong district
49	07/06/NQ-HĐQT	June 13, 2024	54th Board Meeting
50	07B/06/NQLC-HĐQT	June 13, 2024	Resignation from the position of General Director of the Company
51	07C/06/QĐ-HĐQT	June 13, 2024	Resignation from the position of General Director of the Company
52	09/06/NQ-HĐQT	June 13, 2024	Assignment of Acting General Director of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
53	10/06/QĐ-HĐQT	June 13, 2024	Assignment of Acting General Director of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
54	12/06/NQ-HĐQT	June 19, 2024	Approving the contents of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024

STT	Số	Ngày	Nội dung
55	01/07/NQLC-HĐQT	01/07/2024	Chủ trương chấp thuận bàn giao tuyến đường giao thông dân sinh dọc hai bên băng tải dài của Nhà máy Xi măng Bình Phước về địa phương quản lý và sử dụng
56	02/07/NQLC-HĐQT	01/07/2024	Chấp thuận đơn vị thực hiện “Cung cấp dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên”
57	04/07/QĐ-HĐQT	02/07/2024	Cử cán bộ đi công tác
58	05/07/NQLC-HĐQT	09/07/2024	Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
59	06/07/QĐ-HĐQT	09/07/2024	Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
60	07/07/NQLC-HĐQT	09/07/2024	Thông qua văn kiện họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024
61	08/07/NQLC-HĐQT	18/07/2024	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2024
62	09/07/QĐ-HĐQT	18/07/2024	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2024
63	12/07/NQ-HĐQT	30/07/2024	Thông qua và ban hành Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2024
64	13/07/NQLC-HĐQT	30/07/2024	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
65	14/07/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
66	15/07/NQLC-HĐQT	30/07/2024	Thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy Xi măng Bình Phước
67	16/07/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy Xi măng Bình Phước
68	17/07/QĐ-HĐQT	30/07/2024	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật
69	18/07/NQLC-HĐQT	31/07/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
70	19/07/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
71	20/07/NQLC-HĐQT	31/07/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Vicem Thạch cao Xi măng
72	21/07/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Vicem Thạch cao Xi măng
73	22/07/NQLC-HĐQT	31/07/2024	Phê duyệt báo cáo thực hiện kế hoạch lao động, đào tạo, quỹ tiền lương năm 2023 và kế hoạch lao động, đào tạo, quỹ tiền lương năm 2024
74	01/08/NQLC-HĐQT	07/08/2024	Cử cán bộ đi công tác
75	02/08/QĐ-HĐQT	07/08/2024	Cử cán bộ đi công tác
76	03/08/NQLC-HĐQT	22/08/2024	Chấp thuận chủ trương ký phụ lục hợp đồng gia công xi măng năm 2024 với Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
77	01/09/NQLC-HĐQT	04/09/2024	Thông nhất chủ trương và phương án nhân sự để bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Xi măng Bình Phước và Giám đốc Chi nhánh Trạm nghiền Cam Ranh
78	02/09/NQLC-HĐQT	05/09/2024	Quy chế Quản lý mua sắm hàng hóa dịch vụ
79	03/09/QĐ-HĐQT	05/09/2024	Quy chế Quản lý mua sắm hàng hóa dịch vụ
80	04/09/NQLC-HĐQT	05/09/2024	Phê duyệt thỏa thuận bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Nhà máy Xi măng Bình Phước và Giám đốc Chi nhánh Trạm nghiền Cam Ranh
81	05/09/NQLC-HĐQT	06/09/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
82	06/09/QĐ-HĐQT	06/09/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
83	07/09/NQLC-HĐQT	13/09/2024	Tài trợ xây dựng đường bao quanh khu vùng đệm Nhà máy Xi măng Bình Phước
84	08/09/NQLC-HĐQT	13/09/2024	Phê duyệt danh sách đưa ra khỏi, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 thuộc diện VICEM quản lý
85	09/09/QĐ-HĐQT	13/09/2024	Ban hành danh sách đưa ra khỏi, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031
86	11/09/NQ-HĐQT	13/09/2024	Họp Hội đồng quản trị lần thứ 55
87	12/09/NQLC-HĐQT	17/09/2024	Phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật từ 01/01/2024 của Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên
88	01/10/NQLC-HĐQT	02/10/2024	Thông nhất triển khai phương án sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Xi măng Hà Tiên 2
89	02/10/NQLC-HĐQT	04/10/2024	Cử cán bộ đi công tác
90	03/10/QĐ-HĐQT	04/10/2024	Cử cán bộ đi công tác
91	04/10/NQLC-HĐQT	07/10/2024	Chấp thuận phê duyệt danh sách đưa ra khỏi, bổ sung quy hoạch giai đoạn 2021-2026 và danh sách quy hoạch giai đoạn 2026-2031 chức danh Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng Văn phòng chính thuộc diện Công ty quản lý

No	Decision Number	Date	Content
55	01/07/NQLC-HĐQT	July 01, 2024	The policy of approving the handover of the people's traffic route along both sides of the long conveyor belt of Binh Phuoc Cement Factory to the locality for management and use
56	02/07/NQLC-HĐQT	July 01, 2024	Approving the unit to "Provide services for reviewing financial statements for the 6-month operating period ending June 30, 2024 and auditing the financial statements for the fiscal year ending December 31, 2024 of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company"
57	04/07/QĐ-HĐQT	July 02, 2024	Sending officials on business trips
58	05/07/NQLC-HĐQT	July 09, 2024	Organizing Committee of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024
59	06/07/QĐ-HĐQT	July 09, 2024	Organizing Committee of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024
60	07/07/NQLC-HĐQT	July 09, 2024	Approval of the document of the Extraordinary General Meeting of Shareholders in 2024
61	08/07/NQLC-HĐQT	July 18, 2024	Production and business plan and construction investment in 2024
62	09/07/QĐ-HĐQT	July 18, 2024	Production and business plan and construction investment in 2024
63	12/07/NQ-HĐQT	July 30, 2024	Approving and promulgating the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2024
64	13/07/NQLC-HĐQT	July 30, 2024	Appointment of the Company's General Director
65	14/07/QĐ-HĐQT	July 30, 2024	Appointment of the Company's General Director
66	15/07/NQLC-HĐQT	July 30, 2024	Quitting the position of Director of Binh Phuoc Cement Plant
67	16/07/QĐ-HĐQT	July 30, 2024	Quitting the position of Director of Binh Phuoc Cement Plant
68	17/07/QĐ-HĐQT	July 30, 2024	Change of Legal Representative
69	18/07/NQLC-HĐQT	July 31, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
70	19/07/QĐ-HĐQT	July 31, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
71	20/07/NQLC-HĐQT	July 31, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Gypsum Cement Joint Stock Company
72	21/07/QĐ-HĐQT	July 31, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Gypsum Cement Joint Stock Company
73	22/07/NQLC-HĐQT	July 31, 2024	Approving the report on the implementation of the labor, training, and salary plan in 2023 and the labor, training, and salary plan in 2024
74	01/08/NQLC-HĐQT	August 07, 2024	Sending officials on business trips
75	02/08/QĐ-HĐQT	August 07, 2024	Sending officials on business trips
76	03/08/NQLC-HĐQT	August 22, 2024	Approval of the policy of signing an appendix to the cement processing contract in 2024 with Ha Long Cement Company Limited
77	01/09/NQLC-HĐQT	September 04, 2024	Agree on the policy and personnel plan to appoint the Branch Director of Binh Phuoc Cement Plant and the Director of Cam Ranh Crushing Station Branch
78	02/09/NQLC-HĐQT	September 05, 2024	Regulation on management of procurement of goods and services
79	03/09/QĐ-HĐQT	September 05, 2024	Regulation on management of procurement of goods and services
80	04/09/NQLC-HĐQT	September 05, 2024	Approving the agreement on the appointment of the Director of Binh Phuoc Cement Plant Branch and the Director of Cam Ranh Crushing Station Branch
81	05/09/NQLC-HĐQT	September 06, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
82	06/09/QĐ-HĐQT	September 06, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
83	07/09/NQLC-HĐQT	September 13, 2024	Sponsoring the construction of roads around the buffer zone of Binh Phuoc Cement Factory
84	08/09/NQLC-HĐQT	September 13, 2024	Approving the list of leaders and managers for the period 2021-2026 and the period 2026-2031 under the management of VICEM
85	09/09/QĐ-HĐQT	September 13, 2024	Promulgating a list to exclude and supplement the planning for leading and managing cadres for the 2021-2026 period and the 2026-2031 period
86	11/09/NQ-HĐQT	September 13, 2024	55th Board Meeting
87	12/09/NQLC-HĐQT	September 17, 2024	Approving the adjustment of a number of economic and technical norms from 01/01/2024 of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
88	01/10/NQLC-HĐQT	October 02, 2024	Agree to implement the plan for production and consumption of Ha Tien 2 cement products
89	02/10/NQLC-HĐQT	October 04, 2024	Sending officials on business trips
90	03/10/QĐ-HĐQT	October 04, 2024	Sending officials on business trips
91	04/10/NQLC-HĐQT	October 07, 2024	Approving and approving the list of proposed and supplemented planning for the period 2021-2026 and the list of planning for the period 2026-2031 for the title of Branch Director, Head of Head Office under the management of the Company

STT	Số	Ngày	Nội dung
92	05/10/NQLC-HĐQT	07/10/2024	Quy chế quản lý cán bộ và người đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên
93	06/10/QĐ-HĐQT	07/10/2024	Quy chế quản lý cán bộ và người đại diện phần vốn Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hà Tiên
94	07/10/NQLC-HĐQT	17/10/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng cho thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp tại Nhà máy Xi măng Bình Phước với Tổng Công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc phòng
95	08/10/NQLC-HĐQT	17/10/2024	Phê duyệt bổ sung gói thầu Lập hồ sơ báo cáo, xác định vị trí, khối lượng và loại khoáng sản ở hồ lầy 2 vào Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi núi Khoe Lá
96	09/10/QĐ-HĐQT	17/10/2024	Phê duyệt bổ sung gói thầu Lập hồ sơ báo cáo, xác định vị trí, khối lượng và loại khoáng sản ở hồ lầy 2 vào Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi núi Khoe Lá
97	10/10/NQLC-HĐQT	17/10/2024	Bổ sung một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng nâng công suất khai thác mỏ đá vôi núi Trầu, núi Côm và núi Châu Hang
98	11/10/QĐ-HĐQT	17/10/2024	Bổ sung một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án đầu tư cải tạo, mở rộng nâng công suất khai thác mỏ đá vôi núi Trầu, núi Côm và núi Châu Hang
99	12/10/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Người quản lý Công ty
100	13/10/NQLC-HĐQT	28/10/2024	Ủy quyền quyết định thực hiện hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản và các giao dịch đảm bảo của dự án Tận dụng nhiệt khí thải Nhà máy Xi măng Bình Phước
101	A01/11/NQLC-HĐQT	05/11/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán clinker cho Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
102	01/11/NQLC-HĐQT	18/11/2024	Bổ sung một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi núi Khoe Lá
103	02/11/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Bổ sung một số nội dung thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Đầu tư xây dựng công trình mỏ đá vôi núi Khoe Lá
104	01/12/NQLC-HĐQT	02/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Vicem Bao bì Hải Phòng
105	02/12/QĐ-HĐQT	02/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Vicem Bao bì Hải Phòng
106	03/12/NQLC-HĐQT	02/12/2024	Chấp thuận chủ trương bổ nhiệm mới Giám đốc Ban Quản lý dự án
107	04/12/NQLC-HĐQT	09/12/2024	Hiệu chỉnh chức danh trong hệ thống bảng lương của Quy chế tiền lương
108	05/12/NQLC-HĐQT	09/12/2024	Ủy quyền quyết định thực hiện hợp đồng vay vốn ngắn hạn, thế chấp, cầm cố tài sản và các giao dịch đảm bảo của Công ty năm 2025
109	06/12/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Ủy quyền quyết định thực hiện hợp đồng vay vốn ngắn hạn, thế chấp, cầm cố tài sản và các giao dịch đảm bảo của Công ty năm 2025
110	07/12/NQLC-HĐQT	09/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
111	08/12/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty CP Cao su Bến Thành
112	09/12/NQLC-HĐQT	09/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng bán xi măng với Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế năm 2025
113	10/12/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng bán xi măng với Công ty CP Vận tải và Thương mại Quốc tế năm 2025
114	11/12/NQLC-HĐQT	11/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cung cấp vỏ bao KPK năm 2025
115	12/12/QĐ-HĐQT	11/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cung cấp vỏ bao KPK năm 2025
116	13/12/NQLC-HĐQT	11/12/2024	Thông qua nội dung, kết quả thuê ngoài kiểm toán nội bộ Công ty năm 2024
117	15/12/NQLC-HĐQT	13/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty Logistics Vicem
118	16/12/QĐ-HĐQT	13/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng với Công ty Logistics Vicem
119	17/12/NQ-HĐQT	13/12/2024	Họp Hội đồng Quản trị lần thứ 56
120	18/12/NQLC-HĐQT	16/12/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ mới
121	19/12/QĐ-HĐQT	16/12/2024	Bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ mới
122	20/12/NQLC-HĐQT	16/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán clinker cho Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
123	21/12/QĐ-HĐQT	16/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán clinker cho Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
124	22/12/NQLC-HĐQT	20/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng cung cấp băng tải cho Nhà máy Xi măng Bình Phước với Công ty CP Cao su Bến Thành
125	23/12/QĐ-HĐQT	20/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng cung cấp băng tải cho Nhà máy Xi măng Bình Phước với Công ty CP Cao su Bến Thành

No	Decision Number	Date	Content
92	05/10/NQLC-HĐQT	October 07, 2024	Regulation on management of officials and capital representatives of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
93	06/10/QĐ-HĐQT	October 07, 2024	Regulation on management of officials and capital representatives of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
94	07/10/NQLC-HĐQT	October 17, 2024	Approval of the policy of signing a lease contract for industrial explosives storage at Binh Phuoc Cement Plant with Defense Industry Economics and Technology Corporation
95	08/10/NQLC-HĐQT	October 17, 2024	Approving the addition of the bidding package Preparation of reporting dossiers, determination of location, volume and type of minerals in sedimentation reservoir 2 in the contractor selection plan of the investment project for construction of Khoe La mountain limestone quarry
96	09/10/QĐ-HĐQT	October 17, 2024	Approving the addition of the bidding package Preparation of reporting dossiers, determination of location, volume and type of minerals in sedimentation reservoir 2 in the contractor selection plan of the investment project for construction of Khoe La mountain limestone quarry
97	10/10/NQLC-HĐQT	October 17, 2024	Supplementing a number of contents of the contractor selection plan of the investment project on renovation and expansion to increase the mining capacity of limestone quarries in Trau mountain, Com mountain and Chau Hang mountain
98	11/10/QĐ-HĐQT	October 17, 2024	Supplementing a number of contents of the contractor selection plan of the investment project on renovation and expansion to increase the mining capacity of limestone quarries in Trau mountain, Com mountain and Chau Hang mountain
99	12/10/QĐ-HĐQT	October 22, 2024	Approving the results of quality assessment and rating in 2023 for the Company's Manager
100	13/10/NQLC-HĐQT	October 28, 2024	Authorization to decide on the implementation of mortgage contracts, pledge assets and secured transactions of the project Taking advantage of waste heat of Binh Phuoc Cement Plant
101	A01/11/NQLC-HĐQT	November 05, 2024	Approval of the policy of signing a contract to sell clinker to Ha Long Cement Company Limited
102	01/11/NQLC-HĐQT	November 18, 2024	Supplementing some contents of the contractor selection plan of the Investment Project for the construction of Khoe La mountain limestone quarry
103	02/11/QĐ-HĐQT	November 18, 2024	Supplementing some contents of the contractor selection plan of the Investment Project for the construction of Khoe La mountain limestone quarry
104	01/12/NQLC-HĐQT	December 02, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Hai Phong Packaging Joint Stock Company
105	02/12/QĐ-HĐQT	December 02, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Hai Phong Packaging Joint Stock Company
106	03/12/NQLC-HĐQT	December 02, 2024	Approving the policy of appointing a new Director of the Project Management Board
107	04/12/NQLC-HĐQT	December 09, 2024	Adjustment of titles in the payroll system of the Wage Regulation
108	05/12/NQLC-HĐQT	December 09, 2024	Authorizing the decision to perform short-term loans, mortgages, pledges of assets and secured transactions of the Company in 2025
109	06/12/QĐ-HĐQT	December 09, 2024	Authorizing the decision to perform short-term loans, mortgages, pledges of assets and secured transactions of the Company in 2025
110	07/12/NQLC-HĐQT	December 09, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
111	08/12/QĐ-HĐQT	December 09, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
112	09/12/NQLC-HĐQT	December 09, 2024	Approval of the policy of signing a cement sale contract with International Transport and Trade Joint Stock Company in 2025
113	10/12/QĐ-HĐQT	December 09, 2024	Approval of the policy of signing a cement sale contract with International Transport and Trade Joint Stock Company in 2025
114	11/12/NQLC-HĐQT	December 11, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Da Nang Building Materials Joint Stock Company to supply KPK covers in 2025
115	12/12/QĐ-HĐQT	December 11, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Da Nang Building Materials Joint Stock Company to supply KPK covers in 2025
116	13/12/NQLC-HĐQT	December 11, 2024	Approval of the content and results of outsourcing the Company's internal audit in 2024
117	15/12/NQLC-HĐQT	December 13, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Logistics Company
118	16/12/QĐ-HĐQT	December 13, 2024	Approval of the policy of signing a contract with Vicem Logistics Company
119	17/12/NQ-HĐQT	December 13, 2024	56th Board Meeting
120	18/12/NQLC-HĐQT	December 16, 2024	Appointment of a new Internal Audit Officer
121	19/12/QĐ-HĐQT	December 16, 2024	Appointment of a new Internal Audit Officer
122	20/12/NQLC-HĐQT	December 16, 2024	Approval of the policy of signing a contract to sell clinker to Ha Long Cement Company Limited
123	21/12/QĐ-HĐQT	December 16, 2024	Approval of the policy of signing a contract to sell clinker to Ha Long Cement Company Limited
124	22/12/NQLC-HĐQT	December 20, 2024	Approval of the policy of signing a contract to supply conveyor belts for Binh Phuoc Cement Factory with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company
125	23/12/QĐ-HĐQT	December 20, 2024	Approval of the policy of signing a contract to supply conveyor belts for Binh Phuoc Cement Factory with Ben Thanh Rubber Joint Stock Company

STT	Số	Ngày	Nội dung
126	24/12/NQLC-HĐQT	24/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán clinker cho Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
127	25/12/QĐ-HĐQT	24/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký hợp đồng bán clinker cho Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long
128	26/12/NQLC-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Bình Phước
129	27/12/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Bình Phước
130	28/12/NQLC-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Kiên Lương
131	29/12/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt dự án Tận dụng nhiệt khí thải để phát điện - Nhà máy Xi măng Kiên Lương
132	30/12/NQLC-HĐQT	30/12/2024	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025
133	31/12/NQLC-HĐQT	30/12/2024	Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng
134	32/12/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng
135	33/12/NQLC-HĐQT	30/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng gia công xi măng năm 2025 tại CN Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên - Trạm nghiền Cam Ranh với Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
136	34/12/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng gia công xi măng năm 2025 tại CN Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên - Trạm nghiền Cam Ranh với Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Ban kiểm soát

Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động với cơ cấu 03 thành viên, trong đó: gồm có Trưởng Ban kiểm soát làm việc theo chế độ chuyên trách và hưởng lương theo hợp đồng lao động của Công ty; 01 thành viên là người nội bộ, 01 thành viên là người bên ngoài làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và hưởng tiền thù lao theo mức được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

Ban kiểm soát hoạt động theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hàng năm và nội dung chương trình làm việc được Tổng giám đốc Công ty chấp thuận, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty, Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định khác có liên quan. Thông tin thành viên Ban kiểm soát chi tiết tại mục Thành viên Ban Kiểm soát trang 49.

Phiên họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp, với đầy đủ 03 (ba) thành viên tham dự, gồm:

- Phiên họp ngày 12/3/2024: Họp thông qua các nội dung báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và thống nhất việc dự thảo tờ trình Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một đơn vị kiểm toán độc lập trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, kiểm toán cho các doanh nghiệp là công ty niêm yết và đáp ứng các tiêu

chí để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho VICEM Hà Tiên phù hợp với quy định của pháp luật;

No	Decision Number	Date	Content
126	24/12/NQLC-HĐQT	December 24, 2024	Approval of the policy of signing a contract to sell clinker to Ha Long Cement Company Limited
127	25/12/QĐ-HĐQT	December 24, 2024	Approval of the policy of signing a contract to sell clinker to Ha Long Cement Company Limited
128	26/12/NQLC-HĐQT	December 30, 2024	Approving the adjustment of a number of contents of the Contractor Selection Plan of the Project on Utilization of Waste Heat for Power Generation - Binh Phuoc Cement Plant
129	27/12/QĐ-HĐQT	December 30, 2024	Approving the adjustment of a number of contents of the Contractor Selection Plan of the Project on Utilization of Waste Heat for Power Generation - Binh Phuoc Cement Plant
130	28/12/NQLC-HĐQT	December 30, 2024	Approval of the project Taking advantage of waste heat for power generation - Kien Luong Cement Plant
131	29/12/QĐ-HĐQT	December 30, 2024	Approval of the project Taking advantage of waste heat for power generation - Kien Luong Cement Plant
132	30/12/NQLC-HĐQT	December 30, 2024	Approval of the 2025 Internal Audit Plan
133	31/12/NQLC-HĐQT	December 30, 2024	Promulgating the Regulation on Assurance of Cyber Information Security
134	32/12/QĐ-HĐQT	December 30, 2024	Promulgating the Regulation on Assurance of Cyber Information Security
135	33/12/NQLC-HĐQT	December 30, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2025 at the branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company - Cam Ranh Crushing Station with Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company
136	34/12/QĐ-HĐQT	December 30, 2024	Approval of the policy of signing a cement processing contract in 2025 at the branch of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company - Cam Ranh Crushing Station with Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company

Supervisory Board

Information about members of the Supervisory Board

The Supervisory Board operates with a structure of 03 members, including: the Head of the Supervisory Board working under the full-time regime and receiving salary according to the Company's labor contract; 01 member is an internal person, 01 member is an outsider who works on a part-time basis and enjoys remuneration at the level approved by the General Meeting of Shareholders every year.

The Supervisory Board operates according to the plan approved annually by the Annual General Meeting of Shareholders and the contents of the work program approved by the General Director of the Company, on the basis of compliance with the Company's regulations, the Operating Regulation of the Supervisory Board and other relevant regulations. Detailed information on members of the Supervisory Board page 49.

The meeting of the Supervisory Board

In 2024, the Supervisory Board has held 03 meetings, with all 03 (three) members attending, including:

- Meeting on 12/3/2024: Meeting to approve the contents of the report to the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and agree on the draft report to the General Meeting to authorize the Board of Directors of the Company to select an independent audit unit on the list approved by the State Securities Commission, audit for enterprises that are listed companies and meet the criteria to

review the semi-annual financial statements and audit the 2024 financial statements for VICEM Ha Tien in accordance with the provisions of law;

- Phiên họp ngày 22/7/2024: Thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đã được Tổng công ty Xi măng Việt Nam (Công ty mẹ - VICEM) thỏa thuận; Tổng kết, đánh giá tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong 6 tháng đầu năm và thống nhất nội dung dự thảo báo cáo để hợp nhất vào Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2024;

Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp;
- Giám sát việc thực hiện của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác đối với quy định được ghi tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp. Trong đó, gồm cả việc giám sát việc tuân thủ quy định ghi tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; giám sát hoạt động công bố thông tin: thông qua việc đối chiếu thông tin Công ty công bố trên các phương tiện thông tin mà pháp luật quy định với các văn bản hành chính được Công ty cung cấp, phân phối;
- Thực hiện công tác thẩm định nội dung báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 175 của Luật Doanh nghiệp theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Công ty;
- Thực hiện nhiệm vụ công tác theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ Công ty;
- Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với cổ đông, tham gia bỏ phiếu đề cử nhân sự thuộc nhóm Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp theo Quy chế Quản lý cán bộ và người đại diện phần vốn VICEM của Công ty mẹ (Tổng công ty Xi măng Việt Nam) và theo thông báo mời của Công ty;

- Phiên họp ngày 05/12/2024: Đánh giá công tác, hoạt động trong năm 2024 và đề mục kế hoạch hoạt động trong năm 2025 của Ban kiểm soát.

- Thực hiện nhiệm vụ rà soát, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, thông qua việc thực hiện rà soát lại nội dung các văn bản quy phạm nội bộ mà Công ty đã ban hành; thông qua Báo cáo kiểm toán nội bộ của Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty; thông qua việc tham gia và quan sát quá trình đánh giá của lực lượng đánh giá viên Hệ thống quản lý ISO khi thực hiện đánh giá tại các đơn vị trực thuộc Công ty;
- Thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp: trong năm 2024, không có phát sinh yêu cầu nào của cổ đông gửi đến Ban kiểm soát;
- Thực hiện các nội dung công tác khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định liên quan khác của pháp luật.

- Meeting on 22/7/2024: Information on the results of production and business activities in the first 6 months of 2024 and the Company's production and business targets in 2024 have been agreed upon by the parent company VICEM; Summarize and evaluate the operation of the Supervisory Board in the first 6 months of the year and agree on the content of the draft report to be consolidated into the Company's governance report for the first 6 months of 2024;

Activities of the Supervisory Board

- Perform supervision tasks as prescribed in Article 170 of the Law on Enterprises;
- To supervise the implementation of the Board of Directors, the General Director and other managers of the provisions stated in Article 165 of the Law on Enterprises. In particular, including the supervision of compliance with the provisions stated in Clause 2, Article 164 of the Law on Enterprises; supervising information disclosure activities: through the comparison of information published by the Company on the information media prescribed by law with administrative documents provided and distributed by the Company;
- Carry out the appraisal of the report contents specified in Clause 3, Article 175 of the Law on Enterprises at the request of the Board of Directors of the Company;
- Perform work tasks as prescribed in Article 39 of the Company's Charter;
- Perform the task of coordinating with shareholders, participate in voting to nominate personnel in the group of Business Managers, Business Executives according to the Regulation on Management of Personnel and Representatives of VICEM Capital of the Parent Company (Vietnam Cement Corporation) and according to the Company's invitation notice;

- Meeting on 05/12/2024: Evaluation of work and activities in 2024 and the heading of the Supervisory Board's operation plan in 2025.

- Perform the task of reviewing and evaluating the internal control system, internal audit, through reviewing the content of internal normative documents that the Company has issued; approve the internal audit report of the person in charge of the Company's internal audit; through participating in and observing the assessment process of the ISO Management System auditors when conducting audits at units under the Company;
- Perform tasks at the request of shareholders or groups of shareholders as prescribed in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises: in 2024, there will be no requests from shareholders sent to the Supervisory Board;
- Perform other work contents in accordance with the provisions of the Law on Enterprises, the Company's Charter, the Operation Regulation of the Control Board and other relevant provisions of law.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thù lao

Việc chi trả thù lao hàng tháng của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Tổng mức thù lao chi trả cho tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 là 672.000.000 đồng:

- Thù lao cho Hội đồng Quản trị là 576.000.000 đồng. Cụ thể:

 - Chủ tịch HĐQT: 8.000.000 đồng/tháng
 - Các thành viên HĐQT còn lại: 6.000.000 đồng/tháng/thành viên
 - Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty: 4.000.000 đồng/tháng
- Thù lao cho các Ban Kiểm soát là 96.000.000 đồng. Cụ thể:

 - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: hưởng lương theo Quy chế trả lương của Công ty.
 - Các thành viên BKS còn lại: 4.000.000 đồng/tháng/thành viên

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên độc lập HĐQT	15.900	0,0041%	0	0%	Giao dịch bán khớp lệnh vào ngày 02/04/2024

Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors and the Supervisory Board

Remuneration

The payment of monthly remuneration of members of the Board of Directors and the Supervisory Board shall comply with the Resolution of the General Meeting of Shareholders. The total remuneration paid to all members of the Board of Directors and the Supervisory Board in 2024 is VND 672,000,000:

- The remuneration for the Board of Directors is 576,000,000 VND. Concrete:

 - Chairman of the Board of Directors: 8,000,000 VND/month
 - Remaining members of the Board of Directors: 6,000,000 VND/month/member
 - Person in charge of administration Company Secretary: 4,000,000 VND/month
- The remuneration for the Supervisory Boards is 96,000,000 VND. Concrete:

 - Head of the Supervisory Board in charge: enjoy salary according to the Company's salary payment regulations.
 - The remaining members of the Supervisory Board: 4,000,000 VND/month/member

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

No	Transaction excutor	Relationship with internal persons	Number of shares owned at the beginning of the period		Number of shares owned at the end of the period		Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, ect..)
			Number of shares	Percentage	Number of shares	Percentage	
1	Mr. Nguyen Quoc Huy	Independent member of BOD	15,900	0.0041%	0	0%	Matching Sale transaction on April 02,2024

CHƯƠNG

CHAPTER

05

Báo cáo tài chính

Financial statements

- 119

Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán
- 121

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 125

Báo cáo kiểm toán độc lập
- 129

Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 135

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 137

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 141

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
- 120

Audited 2024 financial statements
- 122

Statement of The Board of Management
- 126

Independent auditors' report
- 130

Consolidated balance sheet
- 136

Consolidated income statement
- 138

Consolidated cash flow statement
- 142

Notes to the consolidated financial statements

Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán đã được Công ty công bố thông tin trên website Công ty theo đường link <https://www.vicemhatien.com.vn/thong-tin-tai-chinh>.
Gồm: Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất, giải trình lợi nhuận sau thuế so với năm trước và giải trình lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán.

Trên Báo cáo thường niên Công ty chỉ thể hiện Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Audited 2024 Financial Statements

The audited financial statements for 2024 have been published by the Company on the Company's website at the <https://www.vicemhatien.com.vn/thong-tin-tai-chinh> link. Including: Separate financial statements, consolidated financial statements, explanation of profit after tax compared to the previous year and explanation of profit after tax before and after audit.

On the Annual Report, the Company only shows the audited Consolidated Financial Statements.



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên (được bầu ngày 02 tháng 8 năm 2024)
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02 tháng 8 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Lập	Thành viên
Ông Phan Xuân Hiệu	Thành viên
Ông Võ Ngọc Trung	Thành viên
Ông Hoàng Cảnh Nguyễn	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Trung Thị Tâm Thanh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Thắng	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2024)
	Phó Tổng giám đốc (được giao Quyền Tổng giám đốc từ ngày 14 tháng 6 năm 2024 đến ngày 29 tháng 7 năm 2024)
Ông Lưu Đình Cường	Tổng giám đốc (thời giữ chức vụ từ ngày 14 tháng 6 năm 2024)
Ông Phạm Kiến Phương	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Phó Tổng giám đốc

Statement of The Board of Management

The Board of Management of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company (the “Company”) presents this report together with the Company’s consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024.

THE BOARDS OF DIRECTORS, SUPERVISORS AND MANAGEMENT

The members of the Boards of Directors, Supervisors and Management of the Company during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Dinh Quang Dung	Chairman
Mr. Nguyen Quoc Thang	Member (appointed on 2 August 2024)
Mr. Luu Dinh Cuong	Member (resigned on 2 August 2024)
Mr. Nguyen Van Lap	Member
Mr. Phan Xuan Hieu	Member
Mr. Vo Ngoc Trung	Member
Mr. Hoang Canh Nguyen	Independent Member
Mr. Nguyen Quoc Huy	Independent Member

Board of Supervisors

Ms. Trung Thi Tam Thanh	Head
Ms. Tran Thi Hang	Member
Ms. Le Thi Thu Thuy	Member

Board of Management

Mr. Nguyen Quoc Thang	General Director (appointed on 30 July 2024)
	Deputy General Director (appointed as Acting General Director from 14 June 2024 to 29 July 2024)
	General Director (resigned on 14 June 2024)
Mr. Luu Dinh Cuong	Deputy General Director
Mr. Pham Kien Phuong	Deputy General Director
Mr. Bui Nguyen Quynh	Deputy General Director

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Quốc Thắng
Tổng giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

BOARD OF MANAGEMENT'S STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Management of the Company is responsible for preparing the consolidated financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of Management of the Company is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. The Board of Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Management,



Nguyen Quoc Thang
General Director

10 March 2025

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi:	Các Cổ đông Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.	
Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc	
Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.	
Trách nhiệm của Kiểm toán viên	
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.	
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.	
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.	

Independent auditors’ report

To:	The Shareholders The Boards of Directors and Management Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company
We have audited the accompanying consolidated financial statements of Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company (the “Company”), prepared on 10 March 2025 as set out from page 05 to page 41, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, the consolidated income statement and consolidated cash flow statement for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.	
Management’s Responsibility for the Consolidated Financial Statements	
Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.	
Auditors’ Responsibility	
Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.	
An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors’ judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company’s preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company’s internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.	
We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.	

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2025
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1472-2023-001-1

Opinion

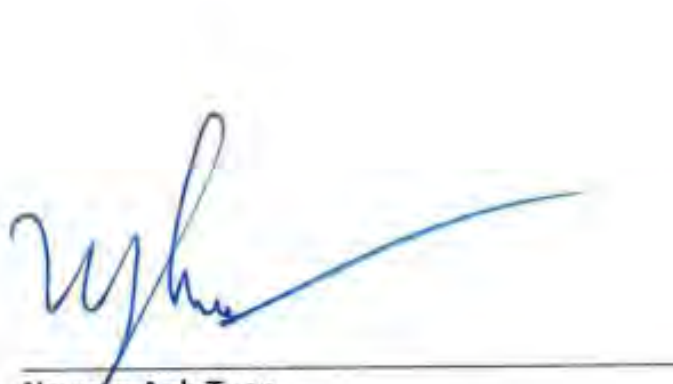
In our opinion, the consolidated financial statements present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as at 31 December 2024, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.



Vu Duc Nguyen
Deputy General Director
Audit Practising Registration Certificate
No. 0764-2023-001-1

DELOITTE VIETNAM AUDIT COMPANY LIMITED

10 March 2025
Hanoi, S.R. Vietnam



Nguyễn Anh Tuấn
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 1472-2023-001-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Consolidated balance sheet

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.903.995.283.234	1.968.851.936.864
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	848.514.761.917	607.069.497.529
1. Tiền	111		348.010.052.607	606.493.375.644
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.504.709.310	576.121.885
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	17.014.852.499	16.189.284.652
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.014.852.499	16.189.284.652
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.021.939.954	439.080.200.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	240.158.234.166	278.817.009.522
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	39.264.959.715	52.666.704.154
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	62.598.746.073	107.596.486.345
IV. Hàng tồn kho	140	8	646.113.879.205	846.615.468.085
1. Hàng tồn kho	141		656.799.316.365	883.104.090.870
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.685.437.160)	(36.488.622.785)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		50.329.849.659	59.897.486.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	30.872.305.027	41.966.945.099
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.456.982.703	17.929.979.549
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	561.929	561.929

As at 31 December 2024				
Unit: VND				
ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
A. CURRENT ASSETS	100		1,903,995,283,234	1,968,851,936,864
I. Cash and cash equivalents	110	4	848,514,761,917	607,069,497,529
1. Cash	111		348,010,052,607	606,493,375,644
2. Cash equivalents	112		500,504,709,310	576,121,885
II. Short-term financial investments	120	13	17,014,852,499	16,189,284,652
1. Held-to-maturity investments	123		17,014,852,499	16,189,284,652
III. Short-term receivables	130		342,021,939,954	439,080,200,021
1. Short-term trade receivables	131	5	240,158,234,166	278,817,009,522
2. Short-term advances to suppliers	132	6	39,264,959,715	52,666,704,154
3. Other short-term receivables	136	7	62,598,746,073	107,596,486,345
IV. Inventories	140	8	646,113,879,205	846,615,468,085
1. Inventories	141		656,799,316,365	883,104,090,870
2. Provision for devaluation of inventories	149		(10,685,437,160)	(36,488,622,785)
V. Other short-term assets	150		50,329,849,659	59,897,486,577
1. Short-term prepayments	151	9	30,872,305,027	41,966,945,099
2. Value added tax deductibles	152		19,456,982,703	17,929,979,549
3. Taxes and other receivables from the State budget	153	16	561,929	561,929

Đơn vị: VND				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.319.360.390.914	6.654.898.040.414
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.685.480.453	21.390.221.488
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	22.685.480.453	21.390.221.488
II. Tài sản cố định	220		5.073.753.112.455	5.001.379.784.456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.432.838.028.375	4.897.487.031.300
- Nguyên giá	222		13.905.242.711.058	13.895.577.902.629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.472.404.682.683)	(8.998.090.871.329)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	640.915.084.080	103.892.753.156
- Nguyên giá	228		693.016.313.071	145.239.071.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(52.101.228.991)	(41.346.318.660)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		526.184.269.240	1.061.106.457.528
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	526.184.269.240	1.061.106.457.528
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	36.484.000.000	31.171.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		56.000.000.000	56.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.516.000.000)	(24.829.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		660.186.569.392	539.750.137.884
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	534.497.647.239	403.426.914.255
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	30	12.048.302.483	8.963.184.425
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	113.640.619.670	127.360.039.204
VI. Lợi thế thương mại	269		66.959.374	100.439.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.223.355.674.148	8.623.749.977.278

Unit: VND				
ASSETS	Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
B. NON-CURRENT ASSETS	200		6,319,360,390,914	6,654,898,040,414
I. Long-term receivables	210		22,685,480,453	21,390,221,488
1. Other long-term receivables	216	7	22,685,480,453	21,390,221,488
II. Fixed assets	220		5,073,753,112,455	5,001,379,784,456
1. Tangible fixed assets	221	10	4,432,838,028,375	4,897,487,031,300
- Cost	222		13,905,242,711,058	13,895,577,902,629
- Accumulated depreciation	223		(9,472,404,682,683)	(8,998,090,871,329)
2. Intangible assets	227	11	640,915,084,080	103,892,753,156
- Cost	228		693,016,313,071	145,239,071,816
- Accumulated amortisation	229		(52,101,228,991)	(41,346,318,660)
III. Long-term assets in progress	240		526,184,269,240	1,061,106,457,528
1. Construction in progress	242	12	526,184,269,240	1,061,106,457,528
IV. Long-term financial investments	250	13	36,484,000,000	31,171,000,000
1. Equity investments in other entities	253		56,000,000,000	56,000,000,000
2. Provision for impairment of long-term financial investments	254		(19,516,000,000)	(24,829,000,000)
V. Other long-term assets	260		660,186,569,392	539,750,137,884
1. Long-term prepayments	261	9	534,497,647,239	403,426,914,255
2. Deferred tax assets	262	30	12,048,302,483	8,963,184,425
3. Long-term reserved spare parts	263	8	113,640,619,670	127,360,039,204
VI. Goodwill	269		66,959,374	100,439,058
TOTAL ASSETS (270=100 + 200)	270		8,223,355,674,148	8,623,749,977,278

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.348.030.896.424	3.790.838.619.074
I.	Nợ ngắn hạn	310		3.327.002.972.589	3.771.124.636.797
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.130.188.504.916	1.230.721.486.283
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	75.684.116.525	116.026.475.921
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	28.191.984.961	13.084.570.827
4.	Phải trả người lao động	314		102.292.690.328	143.493.578.468
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.635.740.111	6.806.791.565
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	132.430.538.991	121.084.421.294
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	19	223.151.050.239	402.124.385.993
8.	Vay ngắn hạn	320	20	1.511.389.960.951	1.578.035.584.184
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	922.267.989	1.644.732.923
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		112.116.117.578	158.102.609.339
II.	Nợ dài hạn	330		21.027.923.835	19.713.982.277
1.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	30	276.070.093	356.387.455
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	20.751.853.742	19.357.594.822
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.875.324.777.724	4.832.911.358.204
I.	Vốn chủ sở hữu	410	22	4.875.324.777.724	4.832.911.358.204
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.815.899.110.000	3.815.899.110.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		70.877.131.506	70.877.131.506
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		918.345.539.128	918.345.539.128
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.446.262.724	18.249.082.255
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		300.082.255	521.136.598
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		60.146.180.469	17.727.945.657
5.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.756.734.366	9.540.495.315
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		8.223.355.674.148	8.623.749.977.278

Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu

Nguyễn Nho Lương
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Thắng
Tổng giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Unit: VND

RESOURCES		Codes	Notes	Closing balance	Opening balance
C.	LIABILITIES	300		3,348,030,896,424	3,790,838,619,074
I.	Current liabilities	310		3,327,002,972,589	3,771,124,636,797
1.	Short-term trade payables	311	14	1,130,188,504,916	1,230,721,486,283
2.	Short-term advances from customers	312	15	75,684,116,525	116,026,475,921
3.	Taxes and amounts payable to the State budget	313	16	28,191,984,961	13,084,570,827
4.	Payables to employees	314		102,292,690,328	143,493,578,468
5.	Short-term accrued expenses	315	17	10,635,740,111	6,806,791,565
6.	Short-term unearned revenue	318	18	132,430,538,991	121,084,421,294
7.	Other current payables	319	19	223,151,050,239	402,124,385,993
8.	Short-term loans	320	20	1,511,389,960,951	1,578,035,584,184
9.	Short-term provisions	321	21	922,267,989	1,644,732,923
10.	Bonus and welfare funds	322		112,116,117,578	158,102,609,339
II.	Long-term liabilities	330		21,027,923,835	19,713,982,277
1.	Deferred tax liabilities	341	30	276,070,093	356,387,455
2.	Long-term provisions	342	21	20,751,853,742	19,357,594,822
D.	EQUITY	400		4,875,324,777,724	4,832,911,358,204
I.	Owners' equity	410	22	4,875,324,777,724	4,832,911,358,204
1.	Owners' contributed capital	411		3,815,899,110,000	3,815,899,110,000
	- Ordinary shares carrying voting rights	411a		3,815,899,110,000	3,815,899,110,000
2.	Share premium	412		70,877,131,506	70,877,131,506
3.	Investment and development fund	418		918,345,539,128	918,345,539,128
4.	Retained earnings	421		60,446,262,724	18,249,082,255
	- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		300,082,255	521,136,598
	- Retained earnings of the current year	421b		60,146,180,469	17,727,945,657
5.	Non-controlling interests	429		9,756,734,366	9,540,495,315
TOTAL RESOURCES (440=300+400)		440		8,223,355,674,148	8,623,749,977,278

Nguyễn Thị Loan
Preparer

Nguyễn Nho Lương
Chief Accountant

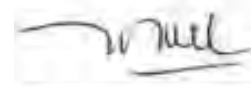


Nguyễn Quốc Thắng
General Director

10 March 2025

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Đơn vị: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	7.360.182.839.307	7.541.572.367.977
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	475.937.142.170	492.546.249.771
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	6.884.245.697.137	7.049.026.118.206
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	26	6.238.997.893.894	6.445.081.350.234
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		645.247.803.243	603.944.767.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.617.298.945	6.181.731.431
7. Chi phí tài chính	22	28	95.844.715.287	159.691.404.230
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		53.892.973.542	123.733.708.971
8. Chi phí bán hàng	25	29	185.589.405.232	174.002.877.569
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	284.594.667.829	242.378.339.254
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		88.836.313.840	34.053.878.350
11. Thu nhập khác	31		11.198.046.102	638.852.226
12. Chi phí khác	32		19.259.937.884	10.004.490.001
13. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(8.061.891.782)	(9.365.637.775)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		80.774.422.058	24.688.240.575
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	23.577.437.958	3.010.138.301
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	(3.165.435.420)	3.713.210.197
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-(51+52))	60		60.362.419.520	17.964.892.077
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	61		60.146.180.469	17.727.945.657
17.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		216.239.051	236.946.420
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	158	2


Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu

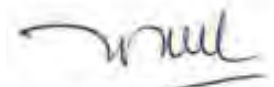

Nguyễn Nho Lương
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Thắng
Tổng giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

Consolidated income statement

For the year ended 31 December 2024				
Unit: VND				
ITEMS	Codes	Notes	Current year	Prior year
1. Gross revenue from goods sold and services rendered	01	25	7,360,182,839,307	7,541,572,367,977
2. Deductions	02	25	475,937,142,170	492,546,249,771
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	25	6,884,245,697,137	7,049,026,118,206
4. Cost of sales	11	26	6,238,997,893,894	6,445,081,350,234
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		645,247,803,243	603,944,767,972
6. Financial income	21		9,617,298,945	6,181,731,431
7. Financial expenses	22	28	95,844,715,287	159,691,404,230
- In which: Interest expense	23		53,892,973,542	123,733,708,971
8. Selling expenses	25	29	185,589,405,232	174,002,877,569
9. General and administration expenses	26	29	284,594,667,829	242,378,339,254
10. Operating profit (30=20+(21-22)-(25+26))	30		88,836,313,840	34,053,878,350
11. Other income	31		11,198,046,102	638,852,226
12. Other expenses	32		19,259,937,884	10,004,490,001
13. (Losses) from other activities (40=31-32)	40		(8,061,891,782)	(9,365,637,775)
14. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		80,774,422,058	24,688,240,575
15. Current corporate income tax expense	51	30	23,577,437,958	3,010,138,301
16. Deferred corporate tax (income)/expense	52	30	(3,165,435,420)	3,713,210,197
17. Net profit after corporate income tax (60=50-(51+52))	60		60,362,419,520	17,964,892,077
17.1. The parent company's net profit after tax	61		60,146,180,469	17,727,945,657
17.2. The non-controlling shareholders' net profit after tax	62		216,239,051	236,946,420
18. Basic earnings per share	70	31	158	2


Nguyễn Thị Loan
Preparer


Nguyễn Nho Lương
Chief Accountant


Nguyễn Quốc Thắng
General Director

10 March 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Consolidated cash flow statement

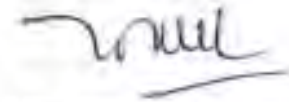
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

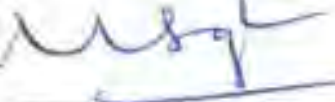
For the year ended 31 December 2024

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.774.422.058	24.688.240.575
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	558.735.076.509	548.652.752.157
Các khoản dự phòng	03	(30.444.391.639)	(8.446.479.890)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(880.231.755)	(226.801.410)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(18.912.488.643)	(4.987.461.052)
Chi phí lãi vay	06	53.892.973.542	123.733.708.971
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	643.165.360.072	683.413.959.351
Thay đổi các khoản phải thu	09	115.929.305.624	125.517.415.668
Thay đổi hàng tồn kho	10	240.024.194.039	177.534.541.322
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(174.705.603.278)	(207.699.126.743)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(119.976.092.912)	(8.785.437.026)
Tiền lãi vay đã trả	14	(55.510.393.425)	(124.526.210.455)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.508.786.500)	(18.121.384.050)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	272.485.456	8.688.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(63.705.899.860)	(144.861.428.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	571.984.569.216	482.481.017.872
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(109.271.761.124)	(147.603.298.130)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.186.358.569	520.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(825.567.847)	(844.672.263)
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.486.664.894	4.467.188.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(92.424.305.508)	(143.460.509.341)

		Unit: VND	
ITEMS	Codes	Current year	Prior year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	80,774,422,058	24,688,240,575
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	558,735,076,509	548,652,752,157
Provisions	03	(30,444,391,639)	(8,446,479,890)
Foreign exchange (gain) arising from translating foreign currency items	04	(880,231,755)	(226,801,410)
(Gain) from investing activities	05	(18,912,488,643)	(4,987,461,052)
Interest expense	06	53,892,973,542	123,733,708,971
3. Operating profit before movements in working capital	08	643,165,360,072	683,413,959,351
Changes in receivables	09	115,929,305,624	125,517,415,668
Changes in inventories	10	240,024,194,039	177,534,541,322
Changes in payables (excluding accrued loan interest and corporate income tax payable)	11	(174,705,603,278)	(207,699,126,743)
Changes in prepaid expenses	12	(119,976,092,912)	(8,785,437,026)
Interest paid	14	(55,510,393,425)	(124,526,210,455)
Corporate income tax paid	15	(13,508,786,500)	(18,121,384,050)
Other cash inflows	16	272,485,456	8,688,000
Other cash outflows	17	(63,705,899,860)	(144,861,428,195)
Net cash generated by operating activities	20	571,984,569,216	482,481,017,872
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21	(109,271,761,124)	(147,603,298,130)
2. Proceeds from sale, disposal of fixed assets and other long-term assets	22	12,186,358,569	520,272,728
3. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities	23	(825,567,847)	(844,672,263)
4. Interest earned, dividends and profits received	27	5,486,664,894	4,467,188,324
Net cash (used in) investing activities	30	(92,424,305,508)	(143,460,509,341)

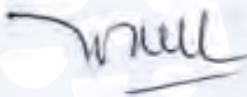
Đơn vị: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.813.711.880.178	5.038.851.418.528
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.880.357.503.411)	(5.305.838.212.039)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(172.344.136.800)	(140.838.341.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(238.989.760.033)	(407.825.135.411)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	240.570.503.675	(68.804.626.880)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	607.069.497.529	675.607.103.925
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	874.760.713	267.020.484
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	848.514.761.917	607.069.497.529


Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu

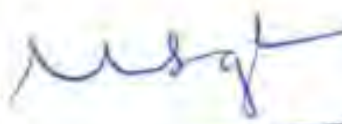

Nguyễn Nho Lương
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Thắng
Tổng giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Thị Loan
Preparer

Unit: VND			
ITEMS	Codes	Current year	Prior year
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from borrowings	33	3,813,711,880,178	5,038,851,418,528
2. Repayment of borrowings	34	(3,880,357,503,411)	(5,305,838,212,039)
3. Dividends and profits paid	36	(172,344,136,800)	(140,838,341,900)
Net cash (used in) financing activities	40	(238,989,760,033)	(407,825,135,411)
Net increase/(decrease) in cash (50=20+30+40)	50	240,570,503,675	(68,804,626,880)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	607,069,497,529	675,607,103,925
Effect of changes in foreign exchange rates	61	874,760,713	267,020,484
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	848,514,761,917	607,069,497,529


Nguyễn Nho Lương
Chief Accountant


Nguyễn Quốc Thắng
General Director

10 March 2025

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên (“Công ty”) là công ty Nhà nước được thành lập tại Việt Nam và sau này được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD và chính thức trở thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 18 ngày 5 tháng 8 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Công ty là 3.815.899.110.000 VND.

Từ tháng 10 năm 2007, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HT1.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.418 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.446 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu; xây dựng công trình giao thông (theo hình thức B.O.T).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Notes to the consolidated financial statements

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company (the “Company”), was incorporated as a State-owned company in Vietnam and subsequently equitised in accordance with Decision No.1774/QĐ-BXD and thereafter officially operated as a joint stock company. Vicem Ha Tien Cement Joint Stock Company operates under Business Registration Certificate No. 4103005941 issued for the first time by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment on 18 January 2007 and its amendments.

According to the latest 18th amended Enterprise Registration Certificate dated 5 August 2024, the Company’s total charter capital is VND 3,815,899,110,000.

Since October 2007, the Company’s shares have been listed on Ho Chi Minh City Stock Exchange with stock code HT1.

The number of employees of the Company as at 31 December 2024 was 2,418 (31 December 2023: 2,446).

Principal activities

The principal activities of the Company are producing and trading cement and products from cement, building materials (bricks, tiles, mortar, concrete), clinker, construction materials and supplies; undertaking civil construction works; trading real estates (office building for lease); exploiting stone, sand, gravel and clay; and performing collection, disposals of waste and recycling scrap; construction of traffic works (in the form of B.O.T).

Normal production and business cycle

The Company’s normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months or less.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và 08 chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Hoạt động chính
1	Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng
2	Trạm nghiền Phú Hữu	Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất xi măng
3	Trạm nghiền Thủ Đức	Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Đã đóng cửa và đang chờ bàn giao lại
4	Nhà máy Xi măng Bình Phước	Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Sản xuất đá vôi, clinker và xi măng
5	Trạm nghiền Long An	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	Sản xuất xi măng
6	Nhà máy Xi măng Kiên Lương	Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	Sản xuất đá vôi, clinker và xi măng
7	Trạm nghiền Cam Ranh	Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất xi măng
8	Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu	Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình giao thông (theo hình thức B.O.T)

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ	Lầu 5, Tòa nhà Landmark, Số 5B Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	65	65	Đầu tư phát triển dự án bất động sản

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

The Company’s structure:

The Company’s head office is located at No.604 Vo Van Kiet Street, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam and 08 Company’s branches as at 31 December 2024 are as follows:

No.	Name	Address	Principal activities
1	Sales and Services Enterprise	District 1, Ho Chi Minh City	Trading cement and products from cement, building materials
2	Phu Huu Grinding Terminal	Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Producing cement
3	Thu Duc Grinding Terminal	Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Closed and waiting for handover
4	Binh Phuoc Cement Plant	Binh Long Town, Binh Phuoc Province	Producing stone, clinker and cement
5	Long An Grinding Terminal	Ben Luc District, Long An Province	Producing cement
6	Kien Luong Cement Plant	Kien Luong Town, Kien Giang Province	Producing stone, clinker and cement
7	Cam Ranh Grinding Terminal	Cam Ranh City, Khanh Hoa Province	Producing cement
8	Management Unit of Phu Huu B.O.T	Thu Duc City, Ho Chi Minh City	Construction of traffic works (in the form of B.O.T)

Details of the Company’s subsidiary as at 31 December 2024 are as follows:

Name	Place of incorporation and operation	Proportion of ownership interest %	Proportion of voting power held %	Principal activities
Truong Tho Real Estate Development and Investment Company Limited	5 th Floor, Landmark Building, No. 5B Ton Duc Thang Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam	65	65	Investment and development of real estate projects

Disclosure of information comparability in the consolidated financial statements

The comparative figures are the figures of the Company’s audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

The consolidated financial statements are prepared based on consolidation of separate financial statements of the Company and its subsidiary's.

Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of the consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting requires management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the management's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Basis of consolidation

The consolidated financial statements incorporate the separate financial statements of the Company and an enterprise controlled by the Company (its subsidiary) for the year ended 31 December 2024. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Nếu sau ngày kiểm soát công ty con, công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con, công ty mẹ phải xác định giá phí khoản đầu tư thêm và phần sở hữu tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con (không tính theo giá trị hợp lý như tại ngày mua). Khoản chênh lệch giữa giá phí đầu tư thêm và giá trị ghi sổ tài sản thuần được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (như giao dịch giữa các cổ đông nội bộ).

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo quy định hiện hành. Trường hợp giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất trong năm cao hơn giá trị phân bổ hàng năm theo phương pháp đường thẳng thì thực hiện phân bổ theo giá trị bị tổn thất.

The results of subsidiaries acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiaries to bring the accounting policies used in line with those used by the Company.

Intragroup transactions and balances are eliminated in full on consolidation.

Non-controlling interests consist of the amount of those non-controlling interests at the date of the original business combination and the non-controlling interests’ share of changes in equity since the date of the combination. Losses in subsidiaries are respectively attributed to the non-controlling interests even if this results in the non-controlling interests having a deficit balance.

Business combinations

On acquisition, the assets and liabilities and contingent liabilities of a subsidiary are measured at their fair values at the date of acquisition. Any excess of the cost of acquisition over the fair values of the identifiable net assets acquired is recognized as goodwill. Any deficiency of the cost of acquisition below the fair values of the identifiable net assets acquired is credited to the consolidated profit and loss in the year of acquisition.

The non-controlling interests are initially measured at the non-controlling shareholders’ proportion of the net fair value of the assets, liabilities, and contingent liabilities recognized.

Goodwill

Goodwill represents the excess of the cost of acquisition over the Company’s interest in the net fair value of the identifiable assets, liabilities and contingent liabilities of a subsidiary at the date of acquisition. After acquisition date, if the Parent company continues making investment in the subsidiary, it should determine the cost of additional investment and corresponding increase in ownership of the carrying value of the acquired net asset of the subsidiary (not applying fair value on acquisition date). The difference between the cost of additional investment and the carrying value of the acquired net asset should be recorded directly into retained earnings (similar to transactions among internal shareholders).

Goodwill arising on the acquisition date is presented separately as an asset in the consolidated balance sheet and is amortised on the straight-line basis in the consolidated income statement according to current regulation. In case where the amount of goodwill impairment loss in the period is more than the annual amortised amount on the straight-line basis, the loss amount shall be recognised.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, bank demand deposits and short-term, highly liquid investments (not exceeding 3 months) that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Financial investments

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits.

Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the consolidated income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

Equity investments in other entities

Equity investments in other entities represent the Company's investments in ordinary shares of the entities over which the Company has no control, joint control, or significant influence.

Equity investments in other entities are carried at cost less provision for impairment.

Provisions for impairment of long-term investments are made when there is reliable evidence for declining in value of these investments at the consolidated balance sheet date.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho bất động sản bao gồm chi phí tư vấn, thiết kế phát triển dự án, chi phí lương ban quản lý dự án. Giá gốc hàng tồn kho của Công ty được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	Chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realizable value. Cost comprises direct materials and where applicable direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost of real estate inventories includes consulting costs, project development design, and project management salary costs. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and estimated selling cost.

The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Raw materials	Cost of purchase on a weighted average basis.
Finished goods and work-in-process	Cost of direct materials and labour plus attributable manufacturing overheads based on the normal operating capacity on a weighted average basis.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the consolidated balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State’s regulations on investment and construction management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	04 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản khác	05 - 25

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

(i) Quyền thu phí hoàn vốn Dự án B.O.T

Quyền thu phí hoàn vốn Dự án B.O.T là tài sản vô hình có được từ Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao số 03/2012/HĐ-B.O.T ngày 4 tháng 5 năm 2012 ký giữa Công ty và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện Dự án xây dựng Đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án B.O.T Phú Hữu”). Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Quyền thu phí này được khấu hao theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm, phù hợp với thời gian khai thác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ để hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, sản lượng, khối lượng sản phẩm) để đảm bảo tỷ lệ hoàn vốn của chủ đầu tư Dự án.

completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	05 - 50
Machinery and equipment	04 - 20
Motor vehicles, transmission equipment	06 - 30
Office equipment	03 - 08
Other assets	05 - 25

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between the net proceeds from sales or disposals of assets and their carrying amount and is recognised in the consolidated income statement.

Leasing

Leases are classified as finance leases whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the consolidated income statement over the term of the relevant lease.

Intangible assets and amortisation

(i) Right to charge for cost recovery in the B.O.T project

The Right to charge for cost recovery in the B.O.T Project is an intangible asset obtained from the Build-Operate-Transfer (B.O.T) Contract No. 03/2012/HD-B.O.T, signed on May 4, 2012, between the Company and the competent state authority (Department of Transport of Ho Chi Minh City). This contract pertains to the construction of the road connecting Nguyen Duy Trinh Street to Phu Huu Industrial Zone in District 9 (now Thu Duc City), Ho Chi Minh City (referred to as the "Phu Huu B.O.T Project"). The provisional original cost will be adjusted according to the settlement price approved by the relevant authorities. This right to charge is amortized in proportion to the annual revenue, corresponding to the toll collection period required for cost recovery in the project. This method is similar to the depreciation based on quantity, output, or volume of products, ensuring that the project investor’s return on investment is met over the project’s operational period.

(ii) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

(iii) *Bản quyền*

Bản quyền phần mềm được hạch toán như tài sản cố định vô hình. Bản quyền được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến tám năm.

(iv) *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm máy tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba đến tám năm.

(v) *Tài sản vô hình khác*

Tài sản vô hình khác bao gồm hệ thống số hóa, lưu trữ và quản lý dữ liệu, gồm cả phần mềm và các chi phí triển khai, lắp đặt liên quan trực tiếp đến hệ thống. Hệ thống số hóa, lưu trữ và quản lý dữ liệu được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ sáu đến mười năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán kiểm toán vốn đầu tư và quyết định phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp dự án đầu tư bị hủy bỏ, doanh nghiệp phải tiến hành thanh lý và thu hồi các chi phí đã phát sinh của dự án. Phần chênh lệch giữa chi phí đầu tư thực tế phát sinh và số tiền thu từ việc thanh lý được ghi nhận vào chi phí khác hoặc xác định trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân để thu hồi.

(ii) *Land use rights*

Intangible assets represent land use rights that are stated at cost less accumulated amortisation. Definite land use rights are amortised using the straight-line method over the duration of the right to use the land. Indefinite land use rights are not amortized.

(iii) *Copyrights*

Software copyright is accounted for as an intangible asset. Copyrights are amortized to consolidated income statement on a straight-line basis from 3 to 8 years.

(iv) *Computer software*

Purchase price of new computer software, which is not an integral part of related hardware is capitalized and accounted for as intangible asset. Computer software is amortised to the consolidated income statement on straight-line basis over a period of 3 to 8 years.

(v) *Other intangible assets*

Other intangible assets include the systems of data digitization, storage and management which comprises software, and deployment and installment costs directly related to the system. The systems of data digitization, storage and management are amortized to operating expenses on a straight-line basis over six to ten years.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost includes any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Company's accounting policy. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

According to the regulations on state investment and construction management, depending on the management level, the finalization value of completed basic construction works must be approved by competent authorities. Therefore, the final value of basic construction works may change and depend on the finalization of investment capital audit and the approval decision by competent authorities.

In case the investment project is canceled, the enterprise must liquidate and recover the project costs incurred. The difference between the actual investment costs incurred and the proceeds from the liquidation is recorded in other expenses or to determine the liability for compensation of organizations and individuals for recovery.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm vật tư tiêu hao, chi phí bảo hiểm, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí bóc tầng phủ, hồ thu, hồ lắng, phí cấp quyền khai thác khoáng sản, chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư Dự án B.O.T Phú Hữu, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Vật tư tiêu hao theo định mức (bao gồm gạch chịu lửa, bi nghiền,...) được ghi nhận dưới hình thức các khoản trả trước. Vật tư tiêu hao theo định mức được phân bổ dần vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa vào thời gian tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong từng kỳ kế toán theo các quy định hiện hành.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng thuê đất.

Chi phí bóc tầng phủ, hồ thu, hồ lắng được ghi nhận dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian khai thác có hiệu lực theo giấy phép khai thác khoáng sản.

Chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư Dự án B.O.T Phú Hữu phản ánh chi phí quản lý nằm trong phương án giá được duyệt của cơ quan nhà nước để hoàn vốn cho chủ đầu tư Dự án. Chi phí này được ghi nhận dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa vào thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không được tính tăng nguyên giá tài sản cố định mà được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong năm, nhưng tối đa không quá 3 năm. Đối với những tài sản cố định mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì doanh nghiệp được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods. Prepaid expenses include consumable supplies, insurance expenses, land clearance expenses, stripping costs, mining license, management costs incurred during the investment phase of the Phu Huu B.O.T project, fixed asset repairs and other prepaid expenses.

Standard consumables (including refractory bricks, grinding balls, etc.) are recorded in the form of prepayments. Standard consumable supplies are gradually allocated to the consolidated income statement based on the time spent participating in production and business activities in each accounting period in accordance with current regulations.

Insurance expenses are amortized to the consolidated income statement on a straight-line basis over the insurance contract term.

Land clearance expenses are amortized to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

Stripping costs, gauge value are recognized as prepayments and amortized to the consolidated income statement on a straight-line basis in accordance with current regulations.

Mining license fees are recognized as prepayments and amortized to the consolidated income statement on a straight-line basis over the effective period of mining according to the mining license.

Management costs incurred during the investment phase of the Phu Huu B.O.T project reflect costs included in the approved pricing scheme for cost recovery to the project investor. These costs are recognized as prepaid expenses and are gradually amortized into the Income Statement based on the toll collection period required for the project's cost recovery.

Fixed asset repairing expenses shall not be calculated as an increase in cost of fixed assets but are recorded directly or amortized into the operating expenses in the year, but not exceeding 3 years maximally. For fixed assets of which repairing is cyclical, the enterprises shall be allowed for deduction of repair expense by estimating into the annual expense. If the actual fixed assets repairing expenses exceed the deduction by estimate, the enterprises shall be allowed to include in the rational costs this difference. If the actual fixed asset repairing expenses are less than the deduction, the difference is recorded by a reduction of operating expenses in the year.

Other types of prepayments comprise costs of small tools and supplies issued for consumption. These expenses are capitalized as prepayments and are allocated to the consolidated income statement using the straight-line method in accordance with the current prevailing accounting regulations.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho hàng hóa chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Payable provisions

Payable provisions are recognized when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the management’s best estimate of the expenditure required to settle the obligation as at the consolidated balance sheet date.

Bonus and welfare fund

This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouraging, offering common benefits and improving employees’ benefits and presented as a liability in the consolidated balance sheet. The provisioning and utilization of the bonus and welfare fund must adhere to prevailing accounting and financial principles.

Unearned revenue

Unearned revenue is the amounts received in advance relating to results of operations of multiple accounting periods for services or products that have been yet provided or delivered. The Company recognizes unearned revenue in proportion to its obligations that the Company will have to perform in the future. When the revenue recognition conditions are satisfied, unearned revenue will be recognized in the consolidated income statement for the year corresponding to the portion that meets the revenue recognition conditions.

Revenue recognition

Revenue is recognized when the outcome of such transactions can be measured reliably and it is probable that the economic benefits associated with the transactions will flow to the Company.

Revenue from the sale of goods

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) The Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) The Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with; ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) The amount of revenue can be measured reliably;
- (d) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) The costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Revenue from rendering of services

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transaction can be measured reliably. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) The amount of revenue can be measured reliably;
- (b) It is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- (c) The percentage of completion of the transaction at the consolidated balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest income

Interest income is accrued on a time basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Dividend income

Dividend income from investments is recognised when the Company's right to receive payment has been established.

Sales deductions

Sales deductions include trade discounts.

Sales deductions incurred in the same year of the related revenue from sales of products, goods and rendering of services are recorded as a deduction from the revenue of that year. In case that sales deductions for sales of products, goods or rendering of services sold in the year incurred after the balance sheet date but before the issuance of the consolidated financial statements, the Company recorded as revenue deductions for the year.

Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the consolidated balance sheet date are retranslated at the exchange rates of commercial bank where the Company usually transacts on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the consolidated income statement.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu đối với toàn bộ cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được gọi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognised in the consolidated income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 “Borrowing costs”. Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

Earnings per share

The Company presents basic earnings per share (EPS) and diluted earnings per share (Diluted EPS) for its ordinary shares. Basic EPS is calculated by having the profit after tax or loss attributable to the ordinary shareholders of the Company divided by the weighted average number of outstanding ordinary shares during the year. Diluted EPS is determined by adjusting the profit after tax or loss attributable to the ordinary shareholders and the weighted average number of ordinary shares outstanding taking into consideration the effect of all dilutive potential ordinary shares, which comprise convertible bonds and share options.

Related parties

Parties are considered to be related parties of the Company if one party has the ability to directly or indirectly control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Company and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprises or individuals, including close members of their families.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.295.987.425	914.300.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	346.714.065.182	605.579.075.032
Các khoản tương đương tiền (i)	500.504.709.310	576.121.885
	848.514.761.917	607.069.497.529

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities’ examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Cash on hand	1,295,987,425	914,300,612
Bank demand deposits	346,714,065,182	605,579,075,032
Cash equivalents (i)	500,504,709,310	576,121,885
	848,514,761,917	607,069,497,529

(i) Cash equivalents represents term deposits with terms not exceeding 03 months and earn the interest at applicable rates.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Siêu thị Vật liệu Xây dựng Thế giới Nhà	83.552.369.654	84.426.156.833
Công ty TNHH Hòa Thành Tiến	38.136.231.667	37.022.144.544
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Bảo An Sài Gòn	32.381.733.831	32.058.122.069
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Nam	28.913.971.791	23.813.368.915
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đức Thành	24.804.815.192	14.888.512.395
Khách hàng khác	32.369.112.031	86.608.704.766
	240.158.234.166	278.817.009.522
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	425.007.276	549.587.430

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hefei Cement Research & Design Institute Corporation Ltd	7.487.041.151	-
Công ty Cổ phần Đức Việt 568	5.995.200.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thiết Bị và Công nghệ	4.165.001.598	3.019.977.840
UBND huyện Kiên Lương	-	23.706.634.921
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp và Hệ thống Kỹ Thuật Lilama 69-3	-	5.630.000.000
Người bán khác	21.617.716.966	20.310.091.393
	39.264.959.715	52.666.704.154
Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	145.953.000	145.953.000

5. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
Home World Construction Material Supermarket Joint Stock Company	83,552,369,654	84,426,156,833
Hoa Thanh Tien Company Limited	38,136,231,667	37,022,144,544
Bao An Saigon Investment Trading Company Limited	32,381,733,831	32,058,122,069
Phuong Nam Trading Joint Stock Company	28,913,971,791	23,813,368,915
Duc Thanh Trading Investment Joint Stock Company	24,804,815,192	14,888,512,395
Others	32,369,112,031	86,608,704,766
	240,158,234,166	278,817,009,522
In which: Short-term receivables from related parties (Details stated in Note 32)	425,007,276	549,587,430

6. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Hefei Cement Research & Design Institute Corporation Ltd	7,487,041,151	-
Duc Viet 568 Joint Stock Company	5,995,200,000	-
Machinery and Technology Import Export Joint Stock Company	4,165,001,598	3,019,977,840
Kien Luong District People's Committee	-	23,706,634,921
Lilama 69-3 Industrial Design and Technical Systems Joint Stock Company	-	5,630,000,000
Others	21,617,716,966	20,310,091,393
	39,264,959,715	52,666,704,154
In which: Short-term advances to related parties (Details stated in Note 32)	145,953,000	145,953,000

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tiền chi hỗ trợ người lao động nghỉ việc (i)	53.574.127.500	53.574.127.500
Trao đổi nguyên vật liệu	-	1.234.825.152
Phải thu khác	9.024.618.573	52.787.533.693
	62.598.746.073	107.596.486.345
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	-	1.234.825.152
b. Dài hạn		
Kỷ cược, kỷ quỹ	22.685.480.453	21.390.221.488
	22.685.480.453	21.390.221.488

(i) Đây là khoản tạm ứng nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động nghỉ việc do di dời Trạm nghiền Thủ Đức theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg (“Quyết định 86”) ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị và sẽ được hoàn trả lại từ nguồn vốn tạo ra từ vị trí sau khi di dời theo quy định tại Quyết định 86. Sau đó, Quyết định 86 đã được thay thế bằng Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2017. Ngày 15 tháng 7 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Hàng mua đang đi đường	-	-	248.174.962	-
Nguyên liệu, vật liệu	355.863.133.894	(10.685.437.160)	468.500.877.910	(36.488.622.785)
Công cụ, dụng cụ	4.316.982.598	-	4.576.330.662	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	15.693.529.615	-	16.024.258.418	-
Thành phẩm	280.483.259.147	-	391.207.423.918	-
Hàng hóa	442.411.111	-	2.547.025.000	-
	656.799.316.365	(10.685.437.160)	883.104.090.870	(36.488.622.785)

7. OTHER RECEIVABLES

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Current		
Unemployment compensation (i)	53,574,127,500	53,574,127,500
Exchange of raw materials	-	1,234,825,152
Others	9,024,618,573	52,787,533,693
	62,598,746,073	107,596,486,345
In which: Other short-term receivables from related parties (Details stated in Note 32)	-	1,234,825,152
b. Non-current		
Deposits	22,685,480,453	21,390,221,488
	22,685,480,453	21,390,221,488

(i) This presents the advance for supporting unemployment compensation due to cessation of Thu Duc Grinding Terminal according to Decision No.86/2010/QĐ-TTg (“Decision 86”) of the Prime Minister dated 22 December 2010 on promulgating financial regulation for the relocation of the entities causing environmental pollution and the entities must relocate according to urban construction planning and shall be refunded by the capital source which is formed from the latter location according to the provisions of Decision 86. Decision 86 was then replaced by Decree No. 167/2017/ND-CP on disposition of public property issued by the Government on 31 December 2017. On 15 July 2021, the Government issued Decree No. 67/2021/ND-CP amending and supplementing numbers of articles of Decree No. 167/2017/ND-CP.

8. INVENTORIES

	Closing balance VND		Opening balance VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
a. Inventory				
Goods in transit	-	-	248,174,962	-
Raw materials	355,863,133,894	(10,685,437,160)	468,500,877,910	(36,488,622,785)
Tools and supplies	4,316,982,598	-	4,576,330,662	-
Work in progress (i)	15,693,529,615	-	16,024,258,418	-
Finished goods	280,483,259,147	-	391,207,423,918	-
Merchandise	442,411,111	-	2,547,025,000	-
	656,799,316,365	(10,685,437,160)	883,104,090,870	(36,488,622,785)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	113.640.619.670	-	127.360.039.204	-
Tổng cộng	770.439.936.035	(10.685.437.160)	1.010.464.130.074	(36.488.622.785)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với nguyên liệu, vật liệu mất phẩm chất, lạc hậu và không còn nhu cầu sử dụng với số tiền là 1.365.505.390 VND và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 27.168.691.015 VND (năm 2023: hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 7.751.760.330 VND).

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá trị của hàng tồn kho bất động sản với số tiền là 8.491.960.952 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.491.960.952 VND).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Vật tư tiêu hao	28.280.271.417	35.972.903.094
Chi phí bảo hiểm	2.592.033.610	2.581.296.103
Chi phí khác	-	3.412.745.902
	30.872.305.027	41.966.945.099
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng	110.096.463.499	119.353.711.039
Chi phí bóc tầng phủ, hồ thu, hồ lắng	127.156.835.315	114.409.448.587
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	119.534.154.655	102.221.629.796
Chi phí quản lý trong giai đoạn đầu tư Dự án B.O.T Phú Hữu	52.358.158.913	-
Chi phí sửa chữa lớn	38.305.689.103	30.278.501.797
Vật tư tiêu hao	34.503.697.026	21.991.468.937
Chi phí khác	52.542.648.728	15.172.154.099
	534.497.647.239	403.426.914.255

	Closing balance		Opening balance	
	VND		VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
b. Long-term reserved spare parts	113,640,619,670	-	127,360,039,204	-
Total	770,439,936,035	(10,685,437,160)	1,010,464,130,074	(36,488,622,785)

During the year, VND 1,365,505,390 was provided as a provision for devaluation of inventories which were sub-standard, obsolete and no longer in demand, and VND 27,168,691,015 was reversed as provision for devaluation of inventories (2023: VND 7,751,760,330 was reversed as a provision for devaluation of inventories).

(i) As at 31 December 2024, included in the Company's work-in-process is inventory property with an amount of VND 8,491,960,952 (as at 31 December 2023: VND 8,491,960,952).

9. PREPAYMENTS

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
a. Current		
Consumable supplies	28,280,271,417	35,972,903,094
Insurance expenses	2,592,033,610	2,581,296,103
Others	-	3,412,745,902
	30,872,305,027	41,966,945,099
b. Non-current		
Land clearance expenses	110,096,463,499	119,353,711,039
Stripping costs, gauge valve	127,156,835,315	114,409,448,587
Mining license fee	119,534,154,655	102,221,629,796
Management costs incurred during the investment phase of the Phu Huu B.O.T Project	52,358,158,913	-
Major repair costs	38,305,689,103	30,278,501,797
Consumable supplies	34,503,697,026	21,991,468,937
Others	52,542,648,728	15,172,154,099
	534,497,647,239	403,426,914,255

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH						
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	3.569.715.672.473	9.235.149.222.275	334.493.077.967	58.760.565.748	697.459.364.166	13.895.577.902.629
Tăng trong năm	-	23.924.967.417	-	944.750.000	-	24.869.717.417
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	59.581.993.476	-	-	-	-	59.581.993.476
Thanh lý, nhượng bán	(21.463.736.040)	(33.955.081.520)	(18.610.689.015)	(757.395.889)	-	(74.786.902.464)
Số dư cuối năm	3.607.833.929.909	9.225.119.108.172	315.882.388.952	58.947.919.859	697.459.364.166	13.905.242.711.058
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	1.908.450.186.628	6.348.708.757.348	292.496.856.500	44.956.405.426	403.478.665.427	8.998.090.871.329
Khấu hao trong năm	112.338.342.343	401.619.768.365	6.581.947.794	3.759.083.613	24.149.621.736	548.448.763.851
Thanh lý, nhượng bán	(20.811.786.073)	(33.955.081.520)	(18.610.689.015)	(757.395.889)	-	(74.134.952.497)
Số dư cuối năm	1.999.976.742.898	6.716.373.444.193	280.468.115.279	47.958.093.150	427.628.287.163	9.472.404.682.683
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.661.265.485.845	2.886.440.464.927	41.996.221.467	13.804.160.322	293.980.698.739	4.897.487.031.300
Tại ngày cuối năm	1.607.857.187.011	2.508.745.663.979	35.414.273.673	10.989.826.709	269.831.077.003	4.432.838.028.375
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.342.942.111.794 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.452.953.019.592 VND) và nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết chờ thanh lý với giá trị là 55.349.937.758 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18.574.584.510 VND).						
Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngắn hạn.						

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH						
	Quyền thu phí hoàn vốn Dự án B.O.T (*)	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Bản quyền	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	-	102.202.954.505	31.439.734.630	3.247.354.120	8.349.028.561	145.239.071.816
Tăng trong năm	-	-	59.950.000	-	-	59.950.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	548.066.173.755	-	-	-	-	548.066.173.755
Giảm khác	-	(348.882.500)	-	-	-	(348.882.500)
Số dư cuối năm	548.066.173.755	101.854.072.005	31.499.684.630	3.247.354.120	8.349.028.561	693.016.313.071
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	-	9.197.084.220	27.343.666.248	3.247.354.120	1.558.214.072	41.346.318.660
Khấu hao trong năm	8.079.353.117	519.964.395	1.199.089.964	-	956.502.855	10.754.910.331
Số dư cuối năm	8.079.353.117	9.717.048.615	28.542.756.212	3.247.354.120	2.514.716.927	52.101.228.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	-	93.005.870.285	4.096.068.382	-	6.790.814.489	103.892.753.156
Tại ngày cuối năm	539.986.820.638	92.137.023.390	2.956.928.418	-	5.834.311.634	640.915.084.080

10. INCREASES, DECREASES IN TANGIBLE FIXED ASSETS						
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles, transmission equipment	Office equipment	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST						
Opening balance	3,569,715,672,473	9,235,149,222,275	334,493,077,967	58,760,565,748	697,459,364,166	13,895,577,902,629
Additions	-	23,924,967,417	-	944,750,000	-	24,869,717,417
Transfer from construction in progress	59,581,993,476	-	-	-	-	59,581,993,476
Disposals	(21,463,736,040)	(33,955,081,520)	(18,610,689,015)	(757,395,889)	-	(74,786,902,464)
Closing balance	3,607,833,929,909	9,225,119,108,172	315,882,388,952	58,947,919,859	697,459,364,166	13,905,242,711,058
ACCUMULATED DEPRECIATION						
Opening balance	1,908,450,186,628	6,348,708,757,348	292,496,856,500	44,956,405,426	403,478,665,427	8,998,090,871,329
Charge for the year	112,338,342,343	401,619,768,365	6,581,947,794	3,759,083,613	24,149,621,736	548,448,763,851
Disposals	(20,811,786,073)	(33,955,081,520)	(18,610,689,015)	(757,395,889)	-	(74,134,952,497)
Closing balance	1,999,976,742,898	6,716,373,444,193	280,468,115,279	47,958,093,150	427,628,287,163	9,472,404,682,683
NET BOOK VALUE						
Opening balance	1,661,265,485,845	2,886,440,464,927	41,996,221,467	13,804,160,322	293,980,698,739	4,897,487,031,300
Closing balance	1,607,857,187,011	2,508,745,663,979	35,414,273,673	10,989,826,709	269,831,077,003	4,432,838,028,375
As at 31 December 2024, the cost of the Company’s tangible fixed assets which have been fully depreciated but are still in use is VND 2,342,942,111,794 (as at 31 December 2023: VND 2,452,953,019,592) and the cost of tangible fixed assets fully depreciated awaiting disposal is VND 55,349,937,758 (as at 31 December 2023: VND 18,574,584,510).						
As noted further in Note 20, the Company has pledged its fixed assets to secure some short-term bank loans.						

11. INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS						
	Right to charge for cost recovery in the B.O.T project (*)	Land use rights	Computer software	Copyrights	Others	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
COST						
Opening balance	-	102,202,954,505	31,439,734,630	3,247,354,120	8,349,028,561	145,239,071,816
Additions	-	-	59,950,000	-	-	59,950,000
Transfer from construction in progress	548,066,173,755	-	-	-	-	548,066,173,755
Other decrease	-	(348,882,500)	-	-	-	(348,882,500)
Closing balance	548,066,173,755	101,854,072,005	31,499,684,630	3,247,354,120	8,349,028,561	693,016,313,071
ACCUMULATED AMORTISATION						
Opening balance	-	9,197,084,220	27,343,666,248	3,247,354,120	1,558,214,072	41,346,318,660
Charge for the year	8,079,353,117	519,964,395	1,199,089,964	-	956,502,855	10,754,910,331
Closing balance	8,079,353,117	9,717,048,615	28,542,756,212	3,247,354,120	2,514,716,927	52,101,228,991
NET BOOK VALUE						
Opening balance	-	93,005,870,285	4,096,068,382	-	6,790,814,489	103,892,753,156
Closing balance	539,986,820,638	92,137,023,390	2,956,928,418	-	5,834,311,634	640,915,084,080

(*) Quyền thu phí hoàn vốn Dự án B.O.T có được từ Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao số 03/2012/HĐ-B.O.T ngày 4 tháng 5 năm 2012 ký giữa Công ty và Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh) để thực hiện Dự án xây dựng Đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án B.O.T Phú Hữu”). Theo phương án giá được trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và biên bản thỏa thuận với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm cơ sở ban hành mức giá cụ thể dịch vụ sử dụng đường bộ Dự án B.O.T Phú Hữu, Công ty dự kiến thu phí hoàn vốn đến năm 2040 hoặc dừng thu phí khi đã thu đủ chi phí đầu tư được quyết toán, trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 10%/năm. Công ty có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại phương án tài chính để lấy ý kiến của các cơ quan chức năng, báo cáo Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp thuận làm cơ sở đàm phán ký kết Phụ lục hợp đồng, trong đó xác định lại thời gian thu phí dịch vụ đường bộ của Dự án.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.459.700.170 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 9.234.700.170 VND) và nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết đang chờ thanh lý với giá trị là 1.789.508.560 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.789.508.560 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các dự án tại Kiên Lương	234.405.695.588	250.572.179.726
Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy xi măng Bình Phước (i)	200.505.175.327	200.521.116.335
Các dự án tại Bình Phước	69.553.790.129	66.625.427.167
Dự án B.O.T Phú Hữu (ii)	-	537.790.946.231
Các dự án khác	21.719.608.196	5.596.788.069
	526.184.269.240	1.061.106.457.528

(i) Ngày 07 tháng 5 năm 2021, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 1184/QĐ-UBND về việc thu hồi lại diện tích đất để xây dựng dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên – Nhà máy xi măng Bình Phước, theo đó dự án được yêu cầu dừng thực hiện, UBND tỉnh cũng yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu xem xét xử lý các vấn đề tài chính và chi phí đầu tư liên quan cho Công ty. Ngày 19 tháng 7 năm 2021, Công ty gửi văn bản số 2070/HT1-QLDA cho Sở Tài nguyên và Môi trường về nội dung do UBND tỉnh Bình Phước chưa thống nhất được phương án tài chính và các chi phí khác có liên quan đến dự án nên Công ty kiến nghị tạm thời chưa bàn giao đất thực địa. Ngày 21 tháng 9 năm 2023, UBND tỉnh Bình Phước tiếp tục gửi văn bản số 3311/UBND-KT đề nghị Công ty bàn giao đất ngoài thực địa như theo quyết định số 1184/QĐ-UBND. Ngày 04 tháng 10 năm 2023, Công ty gửi văn bản số 2882/HT1-QLDA phản hồi về kế hoạch bàn giao lại lô đất cho UBND, theo đó, sau khi có kết quả báo cáo kiểm toán độc lập, Công ty sẽ trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt cho phép dừng dự án, phê duyệt quyết toán dự án và phê duyệt thống nhất bàn giao lại đất cho địa phương. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ để trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt chi phí đã thực hiện của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND tỉnh Bình Phước chưa có phương án xử lý các vấn đề tài chính và chi phí đầu tư liên quan cho Công ty.

(ii) Trong năm 2024, cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã chấp thuận nghiệm thu đối với công trình Đầu tư lắp đặt hệ thống thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ điện tử không ngừng tại Trạm thu phí BOT Phú Hữu thuộc dự án Xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu, Thành phố Thủ Đức và đã ban hành mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ tại Dự án BOT Phú Hữu. Theo đó, Công ty đã ban hành mức giá cụ thể dịch vụ sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư Dự án BOT Phú Hữu và thực hiện thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ trong năm và ghi nhận tăng tài sản cố định vô hình “Quyền thu phí Dự án B.O.T” (Thuyết minh số 11).

(*) The right to charge for cost recovery in the B.O.T project is obtained through the Build-Operate-Transfer (B.O.T) Contract No. 03/2012/HD-B.O.T, signed on 4 May 2012, between the Company and the competent state authority (Department of Transport of Ho Chi Minh City). This agreement pertains to the construction of the road connecting Nguyen Duy Trinh Street to the Phu Huu Industrial Zone in District 9 (now Thu Duc City), Ho Chi Minh City (referred to as the “Phu Huu B.O.T Project”). According to the pricing scheme submitted to the People's Committee of Ho Chi Minh City and the agreement with the relevant state authority, which serves as the basis for establishing the specific road service fees for the Phu Huu B.O.T Project, the Company plans to recover the costs until 2040 or cease toll collection once the total investment has been fully recovered, ensuring an equity return rate of 10% per year. The Company is responsible for reviewing and updating the financial plan, seeking input from relevant authorities, and submitting it to the People's Committee of Ho Chi Minh City for review and approval. This will form the basis for negotiating and signing an Appendix to the contract, which will include the determination of the toll collection period for the road service fees of the Project.

As at 31 December 2024, the cost of intangible assets includes VND 9,459,700,170 (31 December 2023: VND 9,234,700,170) of assets which have been fully amortized but are still in use and the cost of intangible assets fully amortized awaiting disposal is VND 1,789,508,560 (31 December 2023: VND 1,789,508,560).

12. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Projects in Kiên Lương	234,405,695,588	250,572,179,726
Housing project for officials and employees - Binh Phuoc Cement Factory (i)	200,505,175,327	200,521,116,335
Projects in Binh Phuoc	69,553,790,129	66,625,427,167
Phu Huu B.O.T road project (ii)	-	537,790,946,231
Others	21,719,608,196	5,596,788,069
	526,184,269,240	1,061,106,457,528

(i) On 07 May 2021, the People's Committee of Binh Phuoc province issued Decision No. 1184/QĐ-UBND on reclaiming the land area to build the housing project for officials and employees - Binh Phuoc Cement Factory. Accordingly, the project was requested to stop implementation. The Provincial People's Committee also requested that the Department of Natural Resources and Environment advise and consider handling financial issues and related investment costs for the Company. On 19 July 2021, the Company sent document No. 2070/HT1-QLDA to the Department of Natural Resources and Environment regarding the fact that the People's Committee of Binh Phuoc province has not yet agreed on a financial plan and other costs related to the project, so the Company proposed not to temporarily hand over the land. On 21 September 2023, the People's Committee of Binh Phuoc province continued to send document No. 3311/UBND-KT requesting the Company to hand over land in the field as per Decision No. 1184/QĐ-UBND. On 04 October 2023, the Company sent document No. 2882/HT1-QLDA responding to the plan to hand over the land lot to the People's Committee. Accordingly, the Company is conducting an audit to finalize the project. After having the results of the independent audit report, the Company will submit to the Board of Directors for approval to stop the project, approve the project settlement and approve the uniform handover of land to the locals. As at 31 December 2024, the Company is completing the project settlement to submit to the competent authorities for approval of the project's actual costs after having a the result of an independent audit. As of the date of these consolidated financial statements, the People's Committee of Binh Phuoc Province has yet provided a solution to the financial issues and investment costs related to the Company.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	17.014.852.499	17.014.852.499	16.189.284.652	16.189.284.652
	17.014.852.499	17.014.852.499	16.189.284.652	16.189.284.652

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất áp dụng.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND (i)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND (i)
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	(8.736.000.000)	33.264.000.000	2.310.000	42.000.000.000	(14.049.000.000)	27.951.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch Cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	(10.780.000.000)	3.220.000.000	700.000	14.000.000.000	(10.780.000.000)	3.220.000.000
		56.000.000.000	(19.516.000.000)	36.484.000.000		56.000.000.000	(24.829.000.000)	31.171.000.000

(i) Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác là căn cứ vào giá trị giao dịch chứng khoán trên sàn HOSE, HNX của các đơn vị đó tại phiên giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các đơn vị khác được trình bày tại Thuyết minh số 32.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn (i)	1.130.188.504.916	1.230.721.486.283
	1.130.188.504.916	1.230.721.486.283
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	304.677.435.985	438.999.295.933

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có người bán nào là bên thứ ba có số dư chiếm tỷ lệ hơn 10% trên tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn.

(ii) In 2024, the relevant state authority approved the completion of the installation of the electronic toll collection system at the Phu Huu BOT toll station, which is part of the project to connect Nguyen Duy Trinh Street to the Phu Huu Industrial Park in Thu Duc City. The authority also set the maximum toll rate for the road service under the Phu Huu BOT project. In response, the company established specific toll rates to recover the investment in the Phu Huu BOT project, initiated toll collection for the road service, and recorded an increase in intangible fixed assets under " Right to charge for cost recovery in the B.O.T project" (Note 11).

13. FINANCIAL INVESTMENTS

a. Held-to-maturity investments

	Closing balance		Opening balance	
	Cost	Carrying amount	Cost	Carrying amount
Term deposits	17,014,852,499	17,014,852,499	16,189,284,652	16,189,284,652
	17,014,852,499	17,014,852,499	16,189,284,652	16,189,284,652

The balance represents deposits at the commercial banks with terms of twelve months and earn the interest at applicable rates.

b. Equity investments in other entities

	Closing balance				Opening balance			
	Quantity of shares	Value VND	Provision VND	Fair value VND (i)	Quantity of shares	Value VND	Provision VND	Fair value VND (i)
Ben Thanh Rubber Joint Stock Company	2,310,000	42,000,000,000	(8,736,000,000)	33,264,000,000	2,310,000	42,000,000,000	(14,049,000,000)	27,951,000,000
Vicem Gypsum and Cement Joint Stock Company	700,000	14,000,000,000	(10,780,000,000)	3,220,000,000	700,000	14,000,000,000	(10,780,000,000)	3,220,000,000
		56,000,000,000	(19,516,000,000)	36,484,000,000		56,000,000,000	(24,829,000,000)	31,171,000,000

(i) The Company determined the fair value of investments in other entities based on the trading value of securities on the HOSE and HNX of those entities at the last trading session preceding the end of the fiscal year.

The significant transactions between the Company and other entities are presented in Note 32.

14. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
	Amount/Amount able to be paid off	Amount/Amount able to be paid off
Short-term trade payables (i)	1,130,188,504,916	1,230,721,486,283
	1,130,188,504,916	1,230,721,486,283
In which: Short-term payables to related parties (Details stated in Note 32)	304,677,435,985	438,999,295,933

(i) As at 31 December 2024 and 31 December 2023, there was no third-party vendor whose balance accounted for more than 10% of the total short-term payables.

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Văn phòng điều phối Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Bình Phước	13.172.824.380	14.837.956.500
Công ty TNHH Sản xuất Vôi - Thương mại - Dịch vụ Thống Nhất	12.194.643.864	12.458.206.154
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Thanh Trí	3.642.165.572	58.211.374.252
Khác	46.674.482.709	30.518.939.015
	75.684.116.525	116.026.475.921
Trong đó: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	165.780.000	248.670.000

15. SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS

	Closing balance VND	Opening balance VND
Coordination Office of National Targeted Program on New Rural Construction of Binh Phuoc Province	13,172,824,380	14,837,956,500
Thong Nhat Lime Production - Trading - Services Company Limited	12,194,643,864	12,458,206,154
Thanh Tri Trading Investment Company Limited	3,642,165,572	58,211,374,252
Others	46,674,482,709	30,518,939,015
	75,684,116,525	116,026,475,921
In which: Short-term advances from related parties (Details stated in Note 32)	165,780,000	248,670,000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp/ được khấu trừ	Số cuối năm		Số cuối năm
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND		VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	1.149.104.386	128.066.015.473	127.197.244.820	-	2.017.875.039
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	19.533.496	19.533.496	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.010.138.301	23.577.437.958	13.508.786.500	-	13.078.789.759
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.180.214.072	33.094.996.369	30.269.691.198	-	7.005.519.243
Thuế tài nguyên	-	3.332.168.141	44.156.163.833	43.074.671.538	-	4.413.660.436
Phí bảo vệ môi trường	-	1.370.254.010	17.629.083.623	17.421.993.603	-	1.577.344.030
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	38.043.885.000	38.043.885.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất và các loại thuế khác	561.929	42.691.917	86.341.561.379	86.285.456.842	561.929	98.796.454
	561.929	13.084.570.827	370.928.677.131	355.821.262.997	561.929	28.191.984.961

16. TAXES AND AMOUNTS RECEIVABLE/PAYABLE TO THE STATE BUDGET

	Opening balance	Payables	Paid/Deducted	Closing balance		
	Receivables	Payables	during the year	during the year	Receivables	Payables
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Output value added tax	-	1,149,104,386	128,066,015,473	127,197,244,820	-	2,017,875,039
Value added tax on imported goods	-	-	19,533,496	19,533,496	-	-
Corporate income tax	-	3,010,138,301	23,577,437,958	13,508,786,500	-	13,078,789,759
Personal income tax	-	4,180,214,072	33,094,996,369	30,269,691,198	-	7,005,519,243
Natural resource tax	-	3,332,168,141	44,156,163,833	43,074,671,538	-	4,413,660,436
Environmental protection fee	-	1,370,254,010	17,629,083,623	17,421,993,603	-	1,577,344,030
Fees for granting mineral exploitation rights	-	-	38,043,885,000	38,043,885,000	-	-
Real estate tax, land rental and other taxes	561,929	42,691,917	86,341,561,379	86,285,456,842	561,929	98,796,454
	561,929	13,084,570,827	370,928,677,131	355,821,262,997	561,929	28,191,984,961

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí tái chế bao bì	4.934.915.005	-
Lãi vay phải trả	992.442.283	2.609.862.166
Các khoản khác	4.708.382.823	4.196.929.399
	10.635.740.111	6.806.791.565

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản tiền nhận hộ của Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên - Nhà máy xi măng Bình Phước (i)	201.417.459.511	201.416.598.486
Cổ tức phải trả	6.894.633.400	179.238.770.200
Kinh phí công đoàn phải nộp	1.925.228.539	1.886.846.478
Khác	12.913.728.789	19.582.170.829
	223.151.050.239	402.124.385.993
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan	-	172.314.926.400
(Chi tiết tại Thuyết minh số 32)		

(i) Phản ánh khoản tiền nhận hộ từ một số cá nhân liên quan tới Dự án Khu nhà ở cán bộ công nhân viên – Nhà máy xi măng Bình Phước với tổng số tiền bao gồm cả gốc và lãi là 201.417.459.511 VND, trong đó, số tiền gốc là 200.987.600.000 VND. Hiện tại, dự án đã và đang được cơ quan chức năng xác minh, làm rõ một số vấn đề về việc triển khai, thực hiện. Ngày 27 tháng 6 năm 2023, Công ty đã có văn bản báo cáo tới các cơ quan chức năng có thẩm quyền về việc sử dụng số tiền này đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty cũng đảm bảo có đủ nguồn lực để đáp ứng các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền khi có các hướng dẫn tiếp theo về việc xử lý khoản tiền này.

17. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Cost of recycling packaging	4,934,915,005	-
Interest payables	992,442,283	2,609,862,166
Others	4,708,382,823	4,196,929,399
	10,635,740,111	6,806,791,565

18. UNEARNED REVENUE

Short-term unearned revenues mainly represent unearned revenue arising from customer loyalty program..

19. OTHER SHORT-TERM PAYABLES

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Received amount on behalf of the housing project for officials and employees - Binh Phuoc Cement Factory (i)	201,417,459,511	201,416,598,486
Dividends payable	6,894,633,400	179,238,770,200
Union fee	1,925,228,539	1,886,846,478
Others	12,913,728,789	19,582,170,829
	223,151,050,239	402,124,385,993
In which: Other short-term payables to related parties	-	172,314,926,400
(Details stated in Note 32)		

(i) Represents the amount of money received on behalf of a number of individuals related to the Housing Project - Binh Phuoc Cement Factory with a total amount including principal and interest of VND 201,417,459,511, of which, the principal amount is VND 200,987,600,000. Currently, the project has been verified by the authorities, clarifying a number of implementation issues. On 27 June 2023, the Company sent a written report to the competent authorities on the use of this money to ensure compliance with the provisions of law. At the same time, the Company also ensures that it has enough resources to meet the requirements of competent authorities when there are further instructions on handling this money.

20. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	437.583.295.634	437.583.295.634	1.619.641.551.282	1.151.608.151.498	905.616.695.418	905.616.695.418
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ii)	350.604.928.200	350.604.928.200	1.131.899.288.527	1.013.401.928.180	469.102.288.547	469.102.288.547
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi (iii)	221.268.088.325	221.268.088.325	349.244.611.412	433.841.722.751	136.670.976.986	136.670.976.986
Ngân hàng TNHH Trung Quốc (Hong Kong) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	60.107.292.466	60.107.292.466	304.338.590.128	364.445.882.594	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	270.822.414.329	270.822.414.329	148.315.530.411	419.137.944.740	-	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	98.977.624.388	98.977.624.388	115.397.428.238	214.375.052.626	-	-
Ngân hàng HSBC - Chi nhánh Hà Nội	-	-	87.349.301.607	87.349.301.607	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	54.638.974.029	54.638.974.029	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	43.110.895.623	43.110.895.623	2.886.604.544	45.997.500.167	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	95.561.045.219	95.561.045.219	-	95.561.045.219	-	-
	<u>1.578.035.584.184</u>	<u>1.578.035.584.184</u>	<u>3.813.711.880.178</u>	<u>3.880.357.503.411</u>	<u>1.511.389.960.951</u>	<u>1.511.389.960.951</u>

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức là 1.000.000.000.000 VND theo hợp đồng tín dụng số 102/26434/24-DN1/N-CTD ngày 20 tháng 11 năm 2024 và các giấy nhận nợ. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2025. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị của dự án Trạm nghiền Long An tại Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An theo hợp đồng thế chấp số 0041/1928/TCDN1 ngày 04 tháng 4 năm 2019 và hợp đồng thế chấp số 0042/1928/TCDN1 ngày 04 tháng 04 năm 2019.
- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức là 1.000.000.000.000 VND theo hợp đồng tín dụng số 24.305061/2024-HDDCVHM/NHCT900-HT ngày 25 tháng 11 năm 2024 và các giấy nhận nợ. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 24 tháng 11 năm 2025. Thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án dây chuyền Hà Tiên 2.2 theo hợp đồng thế chấp số 22520001/2022/HĐĐB/NHCT840 ngày 25 tháng 01 năm 2022.

20. SHORT-TERM LOANS

	Opening balance		In the year		Closing balance	
	VND		VND		VND	
	Amount	Amount able to be paid off	Increases	Decreases	Amount	Amount able to be paid off
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch (i)	437,583,295,634	437,583,295,634	1,619,641,551,282	1,151,608,151,498	905,616,695,418	905,616,695,418
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh City Branch (ii)	350,604,928,200	350,604,928,200	1,131,899,288,527	1,013,401,928,180	469,102,288,547	469,102,288,547
Asia Commercial Bank – Nguyen Van Troi Branch (iii)	221,268,088,325	221,268,088,325	349,244,611,412	433,841,722,751	136,670,976,986	136,670,976,986
Bank of China (Hong Kong) – Ho Chi Minh City Branch	60,107,292,466	60,107,292,466	304,338,590,128	364,445,882,594	-	-
Military Commercial Joint Stock Bank – East Saigon Branch	270,822,414,329	270,822,414,329	148,315,530,411	419,137,944,740	-	-
Malayan Banking Berhad Bank – Ho Chi Minh City Branch	98,977,624,388	98,977,624,388	115,397,428,238	214,375,052,626	-	-
HSBC Bank - Hanoi Branch	-	-	87,349,301,607	87,349,301,607	-	-
Shinhan Bank Vietnam Limited	-	-	54,638,974,029	54,638,974,029	-	-
Tien Phong Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch	43,110,895,623	43,110,895,623	2,886,604,544	45,997,500,167	-	-
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Kien Giang Branch	95,561,045,219	95,561,045,219	-	95,561,045,219	-	-
	<u>1,578,035,584,184</u>	<u>1,578,035,584,184</u>	<u>3,813,711,880,178</u>	<u>3,880,357,503,411</u>	<u>1,511,389,960,951</u>	<u>1,511,389,960,951</u>

- (i) The loan from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam – Ho Chi Minh City Branch with a limit of VND 1,000,000,000,000 under credit contract No. 102/26434/24-DN1/N-CTD dated 20 November 2024 and debit notes. The loan is used to supplement working capital for production and business activities. The term of credit limit is until 20 November 2025. The loan term is not exceeding 6 months from the date of debt receipt. The interest rate is determined according to each debt receipt and is valid from the date of disbursement until the interest rate is adjusted. Interest will be paid on the 26th of every month. The loan is secured by assets attached to the land of the Long An Grinding Terminal project in Long Dinh Commune, Can Duoc District, Long An Province under contract No. 0041/1928/TCDN1 dated 04 April 2019 and machinery and equipment of the Long An Grinding Terminal project in Long Dinh Commune, Can Duoc District, Long An Province under contract No. 0042/1928/TCDN1 dated 04 April 2019.
- (ii) The loan from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh City Branch with a limit of VND 1,000,000,000,000 under credit contract No. 24.305061/2024-HDDCVHM/NHCT900-HT dated 25 November 2024 and debit notes. The loan is used to supplement working capital for production and business activities. The term of credit limit is until 24 November 2025. The loan term is not exceeding 6 months from the date of debt receipt. The interest rate is determined according to each debt receipt and is valid from the date of disbursement until the interest rate is adjusted. Interest will be paid on the 25th of every month. The credit facility is secured by machinery and equipment belonging to the Ha Tien 2.2 Cement Line Project based on the mortgage contract No. 22520001/2022/HDDB/NHCT840 dated 25 January 2022.

- (iii)
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nguyễn Văn Trỗi với hạn mức là 500.000.000.000 VND theo hợp đồng tín dụng số NVT.DN.3369.180624 ngày 02 tháng 7 năm 2024 và các giấy nhận nợ. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xi măng, phục vụ hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 02 tháng 7 năm 2025. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ và có giá trị kể từ ngày giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất. Lãi vay sẽ được trả vào ngày 25 hàng tháng. Khoản cấp tín dụng được đảm bảo bằng bất động sản tại 604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty là chủ sở hữu.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	922.267.989	1.644.732.923
	922.267.989	1.644.732.923
b. Dài hạn		
Phí phục hồi môi trường (i)	20.751.853.742	19.357.594.822
	20.751.853.742	19.357.594.822

- (i)
- Khoản dự phòng cho việc cải tạo, phục hồi môi trường tương ứng bằng số tiền ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường dựa trên quyết định của UBND tỉnh Bình Phước và Kiên Giang liên quan đến việc cải tạo, phục hồi môi trường của các Dự án khai thác mỏ đá vôi, sét tại Bình Phước và Kiên Lương.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	3.815.899.110.000	70.877.131.506	903.345.539.128	313.196.850.998	9.303.548.895	5.112.622.180.527
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.727.945.657	236.946.420	17.964.892.077
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(145.039.750.000)	-	(145.039.750.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(152.635.964.400)	-	(152.635.964.400)
Số dư đầu năm nay	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	18.249.082.255	9.540.495.315	4.832.911.358.204
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	60.146.180.469	216.239.051	60.362.419.520
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý Công ty (i)	-	-	-	(17.949.000.000)	-	(17.949.000.000)
Số dư cuối năm nay	3.815.899.110.000	70.877.131.506	918.345.539.128	60.446.262.724	9.756.734.366	4.875.324.777.724

- (i)
- Theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023. Theo đó, Công ty đã trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý Công ty từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với tổng số tiền là 17.949.000.000 VND.

- (iii)
- The loan from Asia Commercial Joint Stock Bank – Nguyen Van Troi Branch with a limit of VND 500,000,000,000 under credit contract No. NVT.DN.3369.180624 dated 02 July 2024 and debit notes. The loan is used to supplement working capital for cement and construction material production. The term of the credit limit is until 02 July 2025. The interest rate is determined according to each debt receipt and is valid from the date of disbursement until the interest rate is adjusted. Interest will be paid on the 25th of every month. The credit facility is secured by real estate at 604 Vo Van Kiet, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City, owned by the Company.

21. PAYABLE PROVISIONS

	Closing balance VND	Opening balance VND
a. Current		
Fees for granting mineral exploitation rights	922,267,989	1,644,732,923
	922,267,989	1,644,732,923
b. Non-current		
Provision for decommissioning cost (i)	20,751,853,742	19,357,594,822
	20,751,853,742	19,357,594,822

- (i)
- The provision for decomissioning cost is the amount deposited at the Environmental Protection Fund based on the decision of the People's Committees of Binh Phuoc and Kien Giang provinces regarding the environmental renovation and restoration of limestone and clay mining projects in Binh Phuoc and Kien Luong.

22. OWNERS' EQUITY

	Owners' contributed capital VND	Share premium VND	Investment and development fund VND	Retained earnings VND	Non-controlling interests VND	Total VND
Prior year's opening balance	3,815,899,110,000	70,877,131,506	903,345,539,128	313,196,850,998	9,303,548,895	5,112,622,180,527
Profit for the year	-	-	-	17,727,945,657	236,946,420	17,964,892,077
Appropriation of bonus and welfare funds	-	-	-	(145,039,750,000)	-	(145,039,750,000)
Appropriation of investment and development fund	-	-	15,000,000,000	(15,000,000,000)	-	-
Cash dividends declared	-	-	-	(152,635,964,400)	-	(152,635,964,400)
Current year's opening balance	3,815,899,110,000	70,877,131,506	918,345,539,128	18,249,082,255	9,540,495,315	4,832,911,358,204
Profit for the year	-	-	-	60,146,180,469	216,239,051	60,362,419,520
Appropriation of bonus and welfare funds (i)	-	-	-	(17,949,000,000)	-	(17,949,000,000)
Current year's closing balance	3,815,899,110,000	70,877,131,506	918,345,539,128	60,446,262,724	9,756,734,366	4,875,324,777,724

- (i)
- According to Resolution No. 01/NQ-DHĐCĐ dated 24 April 2024, the Annual General Meeting of Shareholders approved the profit distribution plan for year 2023. Accordingly, the Company has set aside a bonus and welfare fund and company management bonus fund from the accumulated retained earnings up to 31 December 2023 with total amount of VND 17,949,000,000.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Vốn cổ phần được phê duyệt	381.589.911	381.589.911
Cổ phiếu đã phát hành	381.589.911	381.589.911
Cổ phiếu phổ thông	381.589.911	381.589.911
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	381.589.911	381.589.911
Cổ phiếu phổ thông	381.589.911	381.589.911

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ như sau:

		Số cuối năm		Số đầu năm
	Tỷ lệ	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ	Vốn điều lệ đã góp
	(%)	(VND)	(%)	(VND)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	79,69%	3.041.025.880.000	79,69%	3.041.025.880.000
Cổ đông khác	20,31%	774.873.230.000	20,31%	774.873.230.000
	100%	3.815.899.110.000	100%	3.815.899.110.000

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.395.687.412	1.395.687.412
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.237.255	458.829
- Euro (EUR)	34	55

Number of outstanding shares

	Closing balance	Opening balance
	Shares	Shares
Authorised share capital	381,589,911	381,589,911
Issued share capital	381,589,911	381,589,911
Ordinary shares	381,589,911	381,589,911
Treasury shares	-	-
Ordinary shares	-	-
Outstanding shares in circulation	381,589,911	381,589,911
Ordinary shares	381,589,911	381,589,911

All ordinary shares have a par value of VND 10,000/share.

Charter capital

As at 31 December 2024, the Company's charter capital has been fully contributed by shareholders as follows:

	Closing balance		Opening balance
	Contributed		Contributed
Portion	charter capital	Portion	charter capital
(%)	(VND)	(%)	(VND)
79.69%	3,041,025,880,000	79.69%	3,041,025,880,000
20.31%	774,873,230,000	20.31%	774,873,230,000
100%	3,815,899,110,000	100%	3,815,899,110,000

Vietnam National Cement Corporation
 Other shareholders

23. OFF BALANCE SHEET ITEMS

	Closing balance	Opening balance
Doubtful debts written off (VND)	1,395,687,412	1,395,687,412
Foreign currencies:		
- United States dollar (USD)	1,237,255	458,829
- Euro (EUR)	34	55

Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	27.902.836.091	15.674.859.018
Trên 1 năm đến 5 năm	111.092.531.268	62.570.953.621
Trên 5 năm	500.252.477.812	330.358.670.629
	639.247.845.171	408.604.483.268

Operating lease assets

The Company leases land and warehouse under irrevocable operating lease arrangements. The minimum lease commitments as at consolidated balance sheet date under the operating lease agreements are as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Less than 1 year	27,902,836,091	15,674,859,018
From 1 - 5 years	111,092,531,268	62,570,953,621
More than 5 years	500,252,477,812	330,358,670,629
	639,247,845,171	408,604,483,268

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm bộ phận kinh doanh xi măng, clinker và hoạt động có liên quan; và bộ phận kinh doanh hoạt động đầu tư xây dựng, thu phí giao thông theo hình thức B.O.T. Việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Kinh doanh xi măng, clinker và hoạt động có liên quan	Hoạt động đầu tư xây dựng, thu phí giao thông theo hình thức B.O.T	Tổng
Số cuối năm	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	7.629.860.273.287	593.495.400.861	8.223.355.674.148
Tổng tài sản hợp nhất			8.223.355.674.148
Nợ phải trả bộ phận	3.339.361.858.834	8.669.037.590	3.348.030.896.424
Tổng nợ phải trả hợp nhất			3.348.030.896.424

24. BUSINESS SEGMENT AND GEOGRAPHY SEGMENT

Business segment

For management purposes, the Company's organizational structure is divided into two main business segments: the cement and clinker business and related activities, and the investment in construction, traffic toll collection under B.O.T model activities. The Company's management decisions are primarily based on the types of products and services it provides, rather than the geographical areas where the products and services are offered. Therefore, the Company's primary reporting is based on business sectors.

Consolidated balance sheet

Closing balance	Cement and clinker business and related activities	Investment in construction, traffic toll collection under B.O.T model activities	Total
	VND	VND	VND
Segment assets	7,629,860,273,287	593,495,400,861	8,223,355,674,148
Consolidated assets			8,223,355,674,148
Segment liabilities	3,339,361,858,834	8,669,037,590	3,348,030,896,424
Consolidated liabilities			3,348,030,896,424

	Kinh doanh xi măng, clinker và hoạt động có liên quan	Hoạt động đầu tư xây dựng, thu phí giao thông theo hình thức B.O.T	Tổng
Số đầu năm	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.035.788.100.244	587.961.877.034	8.623.749.977.278
Tổng tài sản hợp nhất			8.623.749.977.278
Nợ phải trả bộ phận	3.790.588.254.849	250.364.225	3.790.838.619.074
Tổng nợ phải trả hợp nhất			3.790.838.619.074

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Năm nay			
	Kinh doanh xi măng, clinker và hoạt động có liên quan	Hoạt động đầu tư xây dựng, thu phí giao thông theo hình thức B.O.T	Tổng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	6.848.207.780.576	36.037.916.561	6.884.245.697.137
Giá vốn	6.229.381.237.747	9.616.656.147	6.238.997.893.894
(Chi phí)/Thu nhập phát sinh	(559.750.692.944)	(4.722.688.241)	(564.473.381.185)
Lợi nhuận thuần trước thuế	59.075.849.885	21.698.572.173	80.774.422.058
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.072.288.103	4.339.714.435	20.412.002.538
Lợi nhuận thuần sau thuế	43.003.561.782	17.358.857.738	60.362.419.520

Dự án B.O.T Phú Hữu đã bắt đầu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ trong năm 2024 do đó, doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xi măng, clinker và hoạt động có liên quan.

Bộ phận theo khu vực địa lý	
Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam, do vậy không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.	

	Cement and clinker business and related activities	Investment in construction, traffic toll collection under B.O.T model activities	Total
	VND	VND	VND
Opening balance			
Segment assets	8,035,788,100,244	587,961,877,034	8,623,749,977,278
Consolidated assets			8,623,749,977,278
Segment liabilities	3,790,588,254,849	250,364,225	3,790,838,619,074
Consolidated liabilities			3,790,838,619,074

Consolidated income statement			
Current year			
	Cement and clinker business and related activities	Investment in construction, traffic toll collection under B.O.T model activities	Total
	VND	VND	VND
Revenue	6,848,207,780,576	36,037,916,561	6,884,245,697,137
Cost of sales	6,229,381,237,747	9,616,656,147	6,238,997,893,894
(Expense)/income increase	(559,750,692,944)	(4,722,688,241)	(564,473,381,185)
Net profit before tax	59,075,849,885	21,698,572,173	80,774,422,058
Coporate income tax expense	16,072,288,103	4,339,714,435	20,412,002,538
Net profit after corporate income tax	43,003,561,782	17,358,857,738	60,362,419,520

The Phu Huu B.O.T project has started collecting road service fees in 2024, therefore, the revenue and expenses presented in the consolidated income statement for the year ended 31 December 2023 are mainly related to the cement, clinker business and related activities.

Geography segment
The Company has no business activities outside of Vietnam; therefore, there is no geographical report that needs to be presented.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.360.182.839.307	7.541.572.367.977
Trong đó:		
- Xi măng, clinker	7.311.303.661.855	7.523.079.071.786
- Dịch vụ thu phí sử dụng đường bộ (*)	36.037.916.561	-
- Cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	12.841.260.891	18.493.296.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	(475.937.142.170)	(492.546.249.771)
- Chiết khấu thương mại	(475.937.142.170)	(492.546.249.771)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.884.245.697.137	7.049.026.118.206
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 32)	30.930.233.407	16.247.871.782

(*) Theo Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2024, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ tại Dự án B.O.T Phú Hữu. Theo Văn bản số 5122/UBND-DA ngày 31 tháng 8 năm 2024 (“Văn bản 5122”) của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã ban hành mức giá cụ thể dịch vụ sử dụng đường bộ để hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T Phú Hữu. Cũng theo Văn bản 5122, Công ty có trách nhiệm rà soát, cập nhật lại phương án tài chính để lấy ý kiến các cơ quan chức năng và báo cáo Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, chấp thuận làm cơ sở đàm phán ký kết Phụ lục Hợp đồng B.O.T, trong đó xác định lại thời gian thu phí dịch vụ đường bộ của Dự án.

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của xi măng, clinker	6.214.909.459.587	6.427.812.754.850
Giá vốn của cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	14.471.778.160	17.268.595.384
Giá vốn dịch vụ thu phí sử dụng đường bộ	9.616.656.147	-
	6.238.997.893.894	6.445.081.350.234

25. REVENUE FROM GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year	Prior year
	VND	VND
Gross revenue from goods sold and services rendered	7,360,182,839,307	7,541,572,367,977
In which:		
- Cements, clinkers	7,311,303,661,855	7,523,079,071,786
- Road toll collection service (*)	36,037,916,561	-
- Sands, materials and services	12,841,260,891	18,493,296,191
Deductions	(475,937,142,170)	(492,546,249,771)
- Trade discounts	(475,937,142,170)	(492,546,249,771)
Net revenue from goods sold and services rendered	6,884,245,697,137	7,049,026,118,206
In which: Revenue from related parties (Details stated in Note 32)	30,930,233,407	16,247,871,782

(*) According to Decision No. 705/QĐ-UBND dated 8 March 2024, the People's Committee of Ho Chi Minh City established the maximum toll rates for the road service of the Phu Huu B.O.T Project. Under Decision No. 5122/UBND-DA dated 31 August 2024 ("Decision 5122") of the People's Committee of Ho Chi Minh City, the Company set specific toll rates for road service usage to recover the investment in the Phu Huu B.O.T Project. Additionally, according to Decision 5122, the Company is responsible for reviewing and updating the financial plan, seeking feedback from the competent agencies, and submitting it to the People's Committee of Ho Chi Minh City for review and approval. This will serve as the basis for negotiating and signing an Appendix to the B.O.T Contract, which will include the determination of the toll collection period for the road service of the Project.

26. COST OF GOODS SOLD AND SERVICES RENDERED

	Current year	Prior year
	VND	VND
Cost of cements, clinkers	6,214,909,459,587	6,427,812,754,850
Cost of sands, auxiliary materials and services	14,471,778,160	17,268,595,384
Cost of road toll collection service	9,616,656,147	-
	6,238,997,893,894	6,445,081,350,234

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.110.563.639.340	4.569.925.983.105
Chi phí nhân công	739.282.429.578	707.103.446.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	558.735.076.509	548.652.752.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	1.189.545.927.954	1.135.048.695.349
	6.598.127.073.381	6.960.730.877.517

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	53.892.973.542	123.733.708.971
Chiết khấu thanh toán	45.337.835.751	40.817.242.799
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	628.049.537	229.452.460
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá	(5.313.000.000)	(5.089.000.000)
các khoản đầu tư tài chính		
Khắc	1.298.856.457	-
	95.844.715.287	159.691.404.230

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	62.055.264.220	60.800.123.924
Chi phí tư vấn (i)	52.861.180.441	55.640.904.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.814.083.927	4.360.092.888
Chi phí khác	62.858.876.644	53.201.755.955
	185.589.405.232	174.002.877.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	96.027.310.884	86.054.051.343
Chi phí tư vấn (i)	52.861.180.441	55.640.904.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.354.770.415	11.293.913.981
Chi phí khác	123.351.406.089	89.389.469.128
	284.594.667.829	242.378.339.254

27. PRODUCTION COST BY NATURE

	Current year	Prior year
	VND	VND
Raw materials and consumables	4,110,563,639,340	4,569,925,983,105
Labour cost	739,282,429,578	707,103,446,906
Depreciation and amortisation	558,735,076,509	548,652,752,157
Out-sourced services and others	1,189,545,927,954	1,135,048,695,349
	6,598,127,073,381	6,960,730,877,517

28. FINANCIAL EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Interest expense	53,892,973,542	123,733,708,971
Payment discounts	45,337,835,751	40,817,242,799
Losses on foreign exchange differences	628,049,537	229,452,460
Reversed provisions for impairment of financial investments	(5,313,000,000)	(5,089,000,000)
Others	1,298,856,457	-
	95,844,715,287	159,691,404,230

29. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	Current year	Prior year
	VND	VND
Selling expenses		
Labour costs	62,055,264,220	60,800,123,924
Consulting fees (i)	52,861,180,441	55,640,904,802
Outsourced services	7,814,083,927	4,360,092,888
Others	62,858,876,644	53,201,755,955
	185,589,405,232	174,002,877,569
General and administration expenses		
Labour costs	96,027,310,884	86,054,051,343
Consulting fees (i)	52,861,180,441	55,640,904,802
Outsourced services	12,354,770,415	11,293,913,981
Others	123,351,406,089	89,389,469,128
	284,594,667,829	242,378,339,254

(i) Đây là phí tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường mà Công ty phải trả hàng quý cho Tổng Công ty Xi măng Việt Nam theo Hợp đồng tư vấn quản trị doanh nghiệp - Hợp đồng số 1322/VICEM-HĐKT và Hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường - Hợp đồng số 1323/VICEM-HĐKT và các phụ lục hợp đồng điều chỉnh. Theo đó, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao bí quyết quản trị doanh nghiệp, phát triển thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.050.882.980	3.010.138.301
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	1.526.554.978	-
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.165.435.420)	3.713.210.197
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	20.412.002.538	6.723.348.498

Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(i) This is the consulting expense for transfer of market management and development skills that the Company must pay quarterly according to the Corporate Governance Consulting Contract - Contract No. 1322/VICEM - HDKT and the Transfer of market development and management skills - Contract No. 1323/VICEM-HDKT and its appendices. Accordingly, Vietnam National Cement Corporation will advise, support and transfer know-how of corporate governance, market development to maximize production and business efficiency.

30. CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	Current year VND	Prior year VND
Corporate income tax based on taxable profit in the current year	22,050,882,980	3,010,138,301
Adjustments for corporate income tax expense in previous years to the current year	1,526,554,978	-
Deferred tax (income)/expense	(3,165,435,420)	3,713,210,197
Total corporate income tax expense	20,412,002,538	6,723,348,498

Applicable tax rate

Under its Enterprise Registration Certificates and prevalling tax regulations, the Company is obligated to pay corporate income tax to the State budget at the rate of 20% of taxable profit.

The tax report of the Company and its subsidiary are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, the amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.774.422.058	24.688.240.575
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(33.193.030.229)	(58.148.744.929)
- Hoàn nhập chi phí không được trừ năm trước	(29.777.269.516)	(54.994.224.445)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.541.000.000)	(2.887.500.000)
- Khác	(874.760.713)	(267.020.484)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	62.673.023.070	48.511.195.858
Tổng thu nhập chịu thuế	110.254.414.899	15.050.691.504
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	22.050.882.980	3.010.138.301

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%. Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	VND		VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí phải trả	10.475.449.408	7.499.584.585	(2.975.864.823)	3.524.149.415
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.747.805.218	1.517.003.937	(230.801.281)	118.774.467
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(174.952.143)	(53.404.097)	121.548.046	158.294.985
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	12.048.302.483	8.963.184.425		
Dự phòng đầu tư vào công ty con	(276.070.093)	(356.387.455)	(80.317.362)	(88.008.670)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(276.070.093)	(356.387.455)		
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập hoãn lại			(3.165.435.420)	3.713.210.197

Current corporate income tax

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Profit before tax	80,774,422,058	24,688,240,575
Adjustments for taxable profit		
Less: non-taxable income	(33,193,030,229)	(58,148,744,929)
- Reversed expenses not deducted from the prior year	(29,777,269,516)	(54,994,224,445)
- Dividends and profit received	(2,541,000,000)	(2,887,500,000)
- Others	(874,760,713)	(267,020,484)
Add back: non-deductible expenses	62,673,023,070	48,511,195,858
Taxable profit	110,254,414,899	15,050,691,504
Tax rate	20%	20%
Corporate income tax expense based on taxable profit in the current year	22,050,882,980	3,010,138,301

Deferred tax

The corporate income tax rate used to determine the deferred tax assets and deferred tax liabilities is 20%. The following are deferred tax assets/liabilities recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and previous years:

	The balance sheet		The income statement	
	Closing balance	Opening balance	Current year	Prior year
	VND	VND	VND	VND
Accrued expenses	10,475,449,408	7,499,584,585	(2,975,864,823)	3,524,149,415
Provision for devaluation of inventories	1,747,805,218	1,517,003,937	(230,801,281)	118,774,467
Foreign exchange gains arising from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currencies	(174,952,143)	(53,404,097)	121,548,046	158,294,985
Net deferred tax assets	12,048,302,483	8,963,184,425		
Provision for investment in a subsidiary	(276,070,093)	(356,387,455)	(80,317,362)	(88,008,670)
Net deferred tax liabilities	(276,070,093)	(356,387,455)		
Net deferred tax (income)/expense			(3,165,435,420)	3,713,210,197

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	60.146.180.469	17.727.945.657
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý (VND)	-	(17.117.386.018)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	60.146.180.469	610.559.639
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	381.589.911	381.589.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	158	2

Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý cho năm 2024. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý, chỉ tiêu “Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông” có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” giảm tương ứng.

Trong năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã quyết định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 17.949.000.000 VND (trong đó trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 và năm 2022 với số tiền lần lượt là 17.117.386.018 VND và 831.613.982 VND). Việc này dẫn đến điều chỉnh Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.727.945.657	17.727.945.657
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý (VND)	-	(17.117.386.018)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	17.727.945.657	610.559.639
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	381.589.911	381.589.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	46	2

31. BASIC EARNINGS PER SHARE

	Current year	Prior year (Restated)
Accounting profit after corporate income tax of Parent company (VND)	60,146,180,469	17,727,945,657
Appropriation to bonus and welfare funds (VND)	-	(17,117,386,018)
Profit distributed to common stock holders (VND)	60,146,180,469	610,559,639
Weighted average number of outstanding ordinary shares (shares)	381,589,911	381,589,911
Basic earnings per share (VND/share)	158	2

As at the date of the consolidated financial statements, the Company has not reliably estimated the amount of profit that can be allocated to the bonus and welfare fund and company management bonus fund for the year ended 31 December 2024 as the rate of appropriation for the year was not determined in the General Meeting of Shareholders. Once the decision is made, the item of "Profit distributed to common stock holders" might be adjusted, resulting in a corresponding decrease in “Earnings per Share”.

During the year, the Company has no potential ordinary shares; therefore, does not present diluted earnings per shares

Adjusted basic earnings per share for the prior year:

During the year, the Company's General Meeting of Shareholders decided to allocate to the bonus and welfare fund and company management bonus fund from accumulated retained earnings as at 31 December 2023 with an amount of VND 17,949,000,000 (in which the amount allocated from retained earnings in 2023 and 2022 was VND 17,117,386,018 and VND 831,613,982, respectively). This resulted in an adjustment of Basic Earnings per share in the prior year as follow:

	Prior year	
	Reported figures	Restated figures
Accounting profit after corporate income tax (VND)	17,727,945,657	17,727,945,657
Appropriation to bonus and welfare funds (VND)	-	(17,117,386,018)
Profit distributed to common stock holders (VND)	17,727,945,657	610,559,639
Weighted average number of outstanding ordinary shares (shares)	381,589,911	381,589,911
Basic earnings per share (VND/share)	46	2

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xi măng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) - Chi nhánh Kiên Giang	Công ty liên kết của Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế	Bên liên quan khác
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Bên liên quan khác

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	339.155.135	420.865.779
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	85.852.141	128.721.651
	425.007.276	549.587.430
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	1.234.825.152
	-	1.234.825.152
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	145.953.000	145.953.000
	145.953.000	145.953.000

32. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances during the year:

Related party	Relationship
Vietnam National Cement Corporation	Parent company
Ha Long Cement Company Limited	Affiliate
Logistics Vicem Joint Stock Company	Affiliate
Ha Long Cement Joint Stock Company	Affiliate
Cement Consulting Investment and Development Company	Affiliate
Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company	Affiliate
Vicem Gypsum and Cement Joint Stock Company	Affiliate
Cement Technical Vocational Training School	Affiliate
Vicem Da Nang Building Material Joint Stock Company	Affiliate
Hai Phong Cement Trading and Transportation Joint Stock Company	Affiliate
Vicem Energy and Environment Joint Stock Company	Affiliate
Hai Phong Packing Vicem Joint Stock Company	Affiliate
Siam City Cement (Vietnam) Company Limited	Associate of Vietnam National Cement Corporation
Siam City Cement (Vietnam) Company Limited - Kien Giang Branch	Associate of Vietnam National Cement Corporation
Ben Thanh Rubber Joint Stock Company	Other related party
International Transportation and Trading Joint Stock Company	Other related party
Board of Directors, Board of Management, Chief Accountant, Board of Supervisors	Other related party

Significant related party balances as at the balance sheet date were as follows:

	Closing balance	Opening balance
	VND	VND
Short-term trade receivables		
Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company	339,155,135	420,865,779
Ha Long Cement Joint Stock Company	85,852,141	128,721,651
	425,007,276	549,587,430
Other short-term receivables		
Ha Long Cement Joint Stock Company	-	1,234,825,152
	-	1,234,825,152
Short-term advances to suppliers		
Cement Consulting Investment and Development Company	145,953,000	145,953,000
	145,953,000	145,953,000

[illegible]

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	14.628.539.410	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	7.982.642.593	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	3.577.431.670	11.848.716.944
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.646.786.425	2.191.853.808
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế	1.867.583.309	1.586.027.266
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) - Chi nhánh Kiên Giang	151.500.000	303.000.000
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	75.750.000	302.242.500
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	-	16.031.264
	30.930.233.407	16.247.871.782
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	175.909.430.848	137.908.846.468
Công ty Cổ phần Logistics Vicem	127.238.666.423	135.052.391.493
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	105.914.413.804	111.459.981.138
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	31.253.386.000	34.717.572.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	14.863.944.500	24.189.348.500
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	3.243.758.400	4.453.276.100
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	1.469.896.851	582.797.445
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	568.000.000	-
Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Xi măng	241.300.000	297.600.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	-	275.119.940.493
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	-	14.472.309.692
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	7.877.003.183
Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam)	-	2.077.058.020
	460.702.796.826	748.208.124.532
Chiết khấu thanh toán được hưởng		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long	96.925.733	355.068.493
	96.925.733	355.068.493
Nhận trả và hoán đổi nguyên vật liệu		
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	65.841.885.367
	-	65.841.885.367

During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

	Current year VND	Prior year VND
Revenue from goods sold and services rendered		
Ha Long Cement Company Limited	14,628,539,410	-
Vietnam National Cement Corporation	7,982,642,593	-
Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company	3,577,431,670	11,848,716,944
Ha Long Cement Joint Stock Company	2,646,786,425	2,191,853,808
International Transportation and Trading Joint Stock Company	1,867,583,309	1,586,027,266
Siam City Cement Vietnam Company Limited - Kien Giang Branch	151,500,000	303,000,000
Siam City Cement Vietnam Company Limited	75,750,000	302,242,500
Hai Phong Cement Trading and Transportation Joint Stock Company	-	16,031,264
	30,930,233,407	16,247,871,782
Purchases of goods and services		
Ha Long Cement Company Limited	175,909,430,848	137,908,846,468
Logistics Vicem Joint Stock Company	127,238,666,423	135,052,391,493
Vietnam National Cement Corporation	105,914,413,804	111,459,981,138
Vicem Da Nang Building Material Joint Stock Company	31,253,386,000	34,717,572,000
Ben Thanh Rubber Joint Stock Company	14,863,944,500	24,189,348,500
Vicem Gypsum and Cement Joint Stock Company	3,243,758,400	4,453,276,100
Cement Consulting Investment and Development Company	1,469,896,851	582,797,445
Hai Phong Cement Packing Joint Stock Company	568,000,000	-
Cement Technical Vocational Training School	241,300,000	297,600,000
Vicem Energy and Environment Joint Stock Company	-	275,119,940,493
Hai Phong Cement Trading and Transportation Joint Stock Company	-	14,472,309,692
Vicem Hoang Mai Cement Joint Stock Company	-	7,877,003,183
Siam City Cement Vietnam Company Limited	-	2,077,058,020
	460,702,796,826	748,208,124,532
Payment discount received		
Ha Long Cement Company Limited	96,925,733	355,068,493
	96,925,733	355,068,493
Exchange and lend of raw materials		
Ha Long Cement Joint Stock Company	-	65,841,885,367
	-	65,841,885,367

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.541.000.000	2.887.500.000
	2.541.000.000	2.887.500.000
Chia cổ tức		
Tổng công ty Xi măng Việt Nam	-	121.641.035.200
	-	121.641.035.200

Tiền lương Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý khác và thù lao của Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	96.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quốc Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc	1.952.575.234	105.863.525
Ông Lưu Đình Cường	Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc	876.826.255	2.005.877.309
Ông Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên Hội đồng quản trị	-	24.000.000
Ông Bùi Nguyễn Quỳnh	Phó Tổng giám đốc	1.596.463.615	1.356.463.053
Ông Nguyễn Văn Lập	Thành viên Hội đồng quản trị/ Trưởng phòng kỹ thuật	1.329.906.318	1.068.001.542
Ông Phan Xuân Hiệu	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Cảnh Nguyễn	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng quản trị	72.000.000	48.000.000
Ông Võ Ngọc Trung	Thành viên Hội đồng quản trị/ Trưởng phòng Kế hoạch Chiến lược	1.332.971.791	679.184.265
Ông Phạm Kiến Phương	Phó Tổng giám đốc	1.453.646.578	1.403.891.175
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Phó Tổng giám đốc	-	1.076.530.161
Ông Nguyễn Nho Lương	Kế toán trưởng	1.330.021.335	276.986.228
		10.184.411.126	8.284.797.258

	Current year	Prior year
	VND	VND
Dividends received		
Ben Thanh Rubber Joint Stock Company	2,541,000,000	2,887,500,000
	2,541,000,000	2,887,500,000
Dividends declared		
Vietnam National Cement Corporation	-	121,641,035,200
	-	121,641,035,200

Salaries paid to the Company's Board of Directors, Chief Accountant, other management personnel and remunerations paid to the Board of Directors during the year were as follows:

Name	Title	Current year	Prior year
		VND	VND
Mr Dinh Quang Dung	Chairman	96,000,000	96,000,000
Mr Nguyen Quoc Thang	Member/General Director	1,952,575,234	105,863,525
Mr Luu Dinh Cuong	Member/General Director	876,826,255	2,005,877,309
Mr Nguyen Van Chuyen	Member	-	24,000,000
Mr Bui Nguyen Quynh	Deputy General Director	1,596,463,615	1,356,463,053
Mr Nguyen Van Lap	Member/Head of Technical Department	1,329,906,318	1,068,001,542
Mr Phan Xuan Hieu	Member	72,000,000	72,000,000
Mr Hoang Canh Nguyen	Member	72,000,000	72,000,000
Mr Nguyen Quoc Huy	Member	72,000,000	48,000,000
Mr Vo Ngoc Trung	Member/Head of Strategic Planning Department	1,332,971,791	679,184,265
Mr Pham Kien Phuong	Deputy General Director	1,453,646,578	1,403,891,175
Mr Nguyen Thanh Phuc	Deputy General Director	-	1,076,530,161
Mr Nguyen Nho Luong	Chief Accountant	1,330,021,335	276,986,228
Total		10,184,411,126	8,284,797,258

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương và thù lao (*)	1.500.645.523	1.346.563.098
Chi phí hoạt động	128.334.374	131.653.380
	1.628.979.897	1.478.216.478

(*) Trong đó, chi tiết tiền lương và thù lao được hưởng của Ban kiểm soát trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Bà Trung Thị Tâm Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	713.015.405	672.000.911
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát	739.630.118	369.936.002
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	-	256.626.185
		1.500.645.523	1.346.563.098

Thu nhập khác ngoài lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát, người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác	163.940.000	1.508.769.436
	163.940.000	1.508.769.436

Remunerations paid to the Company’s Board of Supervisors and other expenses during the year were as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Bonus and other benefits (*)	1,500,645,523	1,346,563,098
Other expenses	128,334,374	131,653,380
	1,628,979,897	1,478,216,478

(*) In which, details of bonus and other benefits paid to the Company’s Board of Supervisors during the year were as follows:

Name	Title	Current year	Prior year
		VND	VND
Ms. Trung Thi Tam Thanh	Head of Board of Supervisor	713,015,405	672,000,911
Ms. Le Thi Thu Thuy	Member of Board of Supervisor	48,000,000	48,000,000
Ms. Tran Thi Hang	Member of Board of Supervisor	739,630,118	369,936,002
Ms. Tran Thi Bich Thuy	Member of Board of Supervisor	-	256,626,185
		1,500,645,523	1,346,563,098

Other income excluding salaries of Board of Management, Chief Accountant, Board of Supervisors and other management personnel during the year was as follows:

	Current year	Prior year
	VND	VND
Bonus and other benefits	163,940,000	1,508,769,436
	163,940,000	1,508,769,436

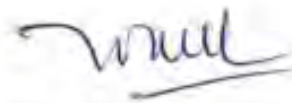
33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 7.836.895.265 VND (năm 2023: 31.694.909.649 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán, và đã bao gồm 19.453.010.029 VND (năm 2023: 0 VND) là số tiền ứng trước để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm 2.240.297.647 VND là lãi tiền gửi dự thu phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được (năm 2023: 0 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 6.894.633.400 VND là cổ tức đã công bố chia cho các cổ đông trong các năm trước nhưng chưa thanh toán (năm 2023: 179.238.770.200 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Loan
Người lập biểu



Nguyễn Nho Lương
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Thắng
Tổng giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

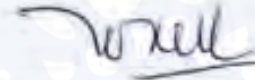
33. SUPPLEMENTAL DISCLOSURES OF CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude an amount of VND 7,836,895,265 (2023: VND 31,694,909,649), representing an addition in fixed assets and construction in progress during the year that has not yet been paid and include the amount of VND 19,453,010,029 (2023: VND 0) representing the advance to suppliers to purchase of fixed assets and construction. Consequently, changes in receivables and changes in payable have been adjusted by the same amount.

Cash inflows from Interest income during the year exclude an amount of VND 2,240,297,647, which is accrued interest on deposits arising during the year but not yet received (2023: VND 0). Consequently, changes in receivables have been adjusted by the same amount.

Cash flow to pay dividends during the year excludes an amount of VND 6,894,633,400 which is the declared dividend to be distributed to shareholders but not yet paid (2023: VND 179,238,770,200). Consequently, changes in payable have been adjusted by the same amount.



Nguyễn Thị Loan
Preparer



Nguyễn Nho Lương
Chief Accountant



Nguyễn Quốc Thắng
General Director

10 March 2025



CHÚC MỪNG KỶ NIỆM



61 **NĂM**

THÀNH LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN (1964 - 2025)



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HÀ TIÊN

604 Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84. 28. 38 368 363 - 38 367 195

Fax: +84. 28. 38 361 278

VICEM HA TIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY

No. 604, Vo Van Kiet street, Cau Kho Ward, District 1, Ho Chi Minh City

Telephone number: +84. 28. 38 368 363 - 38 367 195

Fax: +84. 28. 38 361 278

